

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025_2026

Đơn vị đảm nhận : Khoa Đại cương - Ngoại ngữ - An ninh Quốc phòng

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(125)_01_TH	62	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	22/09-04/01/26	15					7,8	SVĐ.7							Ghép: DHCDTCK19A1 + DHKTMCK19A1 + DHDDTCK19A2	DHCQ 19
2	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(125)_02_TH	60	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	22/09-04/01/26	15							1,2	SVĐ.7					DHCTMCK19A1	DHCQ 19
3	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(125)_03_TH	50	0	TH	Phan Văn Thám	11/08-23/11/25	15							3,4	SVĐ1					DHCTTCK19A1	DHCQ 19
4	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(125)_04_TH	50	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	22/09-04/01/26	15					9,10	SVĐ1							DHDDTCK19A1	DHCQ 19
5	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(125)_05_TH	50	0	TH	Lê Anh Thơ	11/08-23/11/25	15					9,10	SVĐ2							DHOTOCK19A4	DHCQ 19
6	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(125)_06_TH	50	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	22/09-04/01/26	15							3,4	SVĐ2					DHDDTCK19A3	DHCQ 19
7	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(125)_07_TH_117	58	0	TH	Phan Văn Thám	11/08-23/11/25	15							1,2	SVĐ2					Ghép: DHKCKCK19A2 + DHOTOCK19A1	DHCQ 19
8	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(125)_09_TH	56	0	TH	Nguyễn XuânTrường	22/09-04/01/26	15							3,4	SVĐ.7					Ghép: DHKTNCK19A1 + DHTDHCK19A1	DHCQ 19
9	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(125)_11_TH	62	0	TH	Nguyễn XuânTrường	22/09-04/01/26	15							1,2	SVĐ3					DHTDHCK19A2	DHCQ 19
10	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(125)_12_TH	63	0	TH	Lê Anh Thơ	22/09-04/01/26	15				9,10	SVĐ.7								DHTDHCK19A3	DHCQ 19
11	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(125)_14_TH	52	0	TH	Hoàng Công Minh	11/08-23/11/25	15											1,2	SVĐ1	DHOTOCK19A2	DHCQ 19
12	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(125)_15_TH	52	0	TH	Hoàng Công Minh	11/08-23/11/25	15											3,4	SVĐ1	DHOTOCK19A3	DHCQ 19
13	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(125)_17_TH	52	0	TH	Lê Anh Thơ	11/08-23/11/25	15					7,8	SVĐ1							DHOTOCK19A5	DHCQ 19
14	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(125)_18_TH	52	0	TH	Nguyễn XuânTrường	11/08-23/11/25	15											7,8	SVĐ1	DHOTOCK19A6	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
15	2TQ002 DC	2	Công tác quốc phòng, an ninh(125)_01	60	0	LT	Hoàng Công Minh	18/08-24/08/25	1							6,7,8,9,10	A2.204						DHCQ 19
							Hoàng Công Minh											6,7,8,9,10	A2.204				DHCQ 19
							Hoàng Công Minh													6,7,8,9,10	A2.204		DHCQ 19
							Hoàng Công Minh	25/08-31/08/25	1	6,7,8,9,10	A2.204												DHCQ 19
							Hoàng Công Minh					6,7,8,9,10	A2.204										DHCQ 19
							Hoàng Công Minh							6,7,8,9,10	A2.204								DHCQ 19
16	2TQ002 DC	2	Công tác quốc phòng, an ninh(125)_02	60	0	LT	Phan Văn Thám	18/08-24/08/25	1							6,7,8,9,10	A2.209						DHCQ 19
							Phan Văn Thám											6,7,8,9,10	A2.209				DHCQ 19
							Phan Văn Thám													6,7,8,9,10	A2.209		DHCQ 19
							Phan Văn Thám	25/08-31/08/25	1	6,7,8,9,10	A2.209												DHCQ 19
							Phan Văn Thám					6,7,8,9,10	A2.209										DHCQ 19
							Phan Văn Thám							6,7,8,9,10	A2.209								DHCQ 19
17	2TQ002 DC	2	Công tác quốc phòng, an ninh(125)_03	60	0	LT	Nguyễn Đình Tuấn	18/08-24/08/25	1							6,7,8,9,10	A2.311						DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn											6,7,8,9,10	A2.311				DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn													6,7,8,9,10	A2.311		DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn	25/08-31/08/25	1	6,7,8,9,10	A2.311												DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn					6,7,8,9,10	A2.311										DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn							6,7,8,9,10	A2.311								DHCQ 19
18	2TQ002 DC	2	Công tác quốc phòng, an ninh(125)_04	60	0	LT	Nguyễn Công Thắng	18/08-24/08/25	1							6,7,8,9,10	A2.203						DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng											6,7,8,9,10	A2.203				DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng													6,7,8,9,10	A2.203		DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng			6,7,8,9,10	A2.203												DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Công Thắng	25/08-31/08/25	1			6,7,8,9,10	A2.203										DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng							6,7,8,9,10	A2.203								DHCQ 19
19	2TQ002 DC	2	Công tác quốc phòng, an ninh(125)_05	60	0	LT	Nguyễn Văn Luyện	18/08-24/08/25	1							1,2,3,4,5	A2.204						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện											1,2,3,4,5	A2.204				DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện													1,2,3,4,5	A2.204		DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện	25/08-31/08/25	1	1,2,3,4,5	A2.204												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện					1,2,3,4,5	A2.204										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện							1,2,3,4,5	A2.204								DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện																DHCQ 19
20	2TQ002 DC	2	Công tác quốc phòng, an ninh(125)_06	60	0	LT	Lê Anh Thơ	18/08-24/08/25	1							1,2,3,4,5	A2.209						DHCQ 19
							Lê Anh Thơ											1,2,3,4,5	A2.209				DHCQ 19
							Lê Anh Thơ													1,2,3,4,5	A2.209		DHCQ 19
							Lê Anh Thơ	25/08-31/08/25	1	1,2,3,4,5	A2.209												DHCQ 19
							Lê Anh Thơ					1,2,3,4,5	A2.209										DHCQ 19
							Lê Anh Thơ							1,2,3,4,5	A2.209								DHCQ 19
21	2TQ002 DC	2	Công tác quốc phòng, an ninh(125)_07	60	0	LT	Nguyễn Xuân Trường	18/08-24/08/25	1							1,2,3,4,5	A2.311						DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường											1,2,3,4,5	A2.311				DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường													1,2,3,4,5	A2.311		DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường	25/08-31/08/25	1	1,2,3,4,5	A2.311												DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường					1,2,3,4,5	A2.311										DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường							1,2,3,4,5	A2.311								DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn	18/08-24/08/25	1							1,2,3,4,5	A2.203						DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn											1,2,3,4,5	A2.203				DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
22	2TQ002 DC	2	Công tác quốc phòng, an ninh(125)_08	60	0	LT	Nguyễn Đình Tuấn													1,2,3,4,5	A2.203		DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn	25/08-31/08/25	1	1,2,3,4,5	A2.203												DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn					1,2,3,4,5	A2.203										DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn							1,2,3,4,5	A2.203								DHCQ 19
23	4TQ011 DC	1	Điền kinh 3(125)_01_TH	62	0	TH	Hoàng Công Minh	22/09-04/01/26	15							1,2	SVĐ1					Ghép: DHQTKCK19A 1 + DHDDTCK19A 3 + DHTDHCK19A 1	DHCQ 19
24	4TQ011 DC	1	Điền kinh 3(125)_02_TH	57	0	TH	Phan Văn Thám	22/09-04/01/26	15						9,10	SVĐ.7						Ghép: DHCTMCK19A 2 + DHDDTCK19A 2	DHCQ 19
25	4TQ011 DC	1	Điền kinh 3(125)_03_TH	65	0	TH	Nguyễn Xuân Trường	11/08-23/11/25	15											9,10	SVĐ2	Ghép: DHCTTCK19A 2 + DHOTOCK19A 4 + DHSPNCK19A 1	DHCQ 19
26	4TQ011 DC	1	Điền kinh 3(125)_06_TH	49	0	TH	Hoàng Công Minh	11/08-23/11/25	15							3,4	SVĐ3					Ghép: DHOTOCK19A 1 + DHKCKCK19A 2	DHCQ 19
27	2TQ001 DC	3	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam(125)_01	60	0	LT	Nguyễn Công Thắng	11/08-17/08/25	1	6,7,8,9,10	A2.203												DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng					6,7,8,9,10	A2.203										DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng							6,7,8,9,10	A2.203								DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng									6,7,8,9,10	A2.203						DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng											6,7,8,9,10	A2.203				DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng													6,7,8,9,10	A2.203		DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Công Thắng	18/08-24/08/25	1	6,7,8,9,10	A2.203												DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng					6,7,8,9,10	A2.203										DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng							6,7,8,9,10	A2.203								DHCQ 19
28	2TQ001 DC	3	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam(125)_02	60	0	LT	Phan Văn Thám	11/08-17/08/25	1	6,7,8,9,10	A2.209												DHCQ 19
							Phan Văn Thám					6,7,8,9,10	A2.209										DHCQ 19
							Phan Văn Thám							6,7,8,9,10	A2.209								DHCQ 19
							Phan Văn Thám									6,7,8,9,10	A2.209						DHCQ 19
							Phan Văn Thám											6,7,8,9,10	A2.209				DHCQ 19
							Phan Văn Thám													6,7,8,9,10	A2.209		DHCQ 19
							Phan Văn Thám	18/08-24/08/25	1	6,7,8,9,10	A2.209												DHCQ 19
							Phan Văn Thám					6,7,8,9,10	A2.209										DHCQ 19
							Phan Văn Thám							6,7,8,9,10	A2.209								DHCQ 19
29	2TQ001 DC	3	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam(125)_03	60	0	LT	Hoàng Công Minh	11/08-17/08/25	1	6,7,8,9,10	A2.311												DHCQ 19
							Hoàng Công Minh					6,7,8,9,10	A2.311										DHCQ 19
							Hoàng Công Minh							6,7,8,9,10	A2.311								DHCQ 19
							Hoàng Công Minh									6,7,8,9,10	A2.311						DHCQ 19
							Hoàng Công Minh											6,7,8,9,10	A2.311				DHCQ 19
							Hoàng Công Minh													6,7,8,9,10	A2.311		DHCQ 19
							Hoàng Công Minh	18/08-24/08/25	1	6,7,8,9,10	A2.311												DHCQ 19
							Hoàng Công Minh					6,7,8,9,10	A2.311										DHCQ 19
							Hoàng Công Minh							6,7,8,9,10	A2.311								DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn			6,7,8,9,10	A2.204												DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
30	2TQ001 DC	3	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam(125)_04	60	0	LT	Nguyễn Đình Tuấn	11/08-17/08/25	1			6,7,8,9,10	A2.204										DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn							6,7,8,9,10	A2.204								DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn									6,7,8,9,10	A2.204						DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn											6,7,8,9,10	A2.204				DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn													6,7,8,9,10	A2.204		DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn	18/08-24/08/25	1	6,7,8,9,10	A2.204												DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn					6,7,8,9,10	A2.204										DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn							6,7,8,9,10	A2.204								DHCQ 19
31	2TQ001 DC	3	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam(125)_05	60	0	LT	Nguyễn Văn Luyện	11/08-17/08/25	1	1,2,3,4,5	A2.203												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện					1,2,3,4,5	A2.203										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện							1,2,3,4,5	A2.203								DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện									1,2,3,4,5	A2.203						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện											1,2,3,4,5	A2.203				DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện													1,2,3,4,5	A2.203		DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện	18/08-24/08/25	1	1,2,3,4,5	A2.203												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện					1,2,3,4,5	A2.203										DHCQ 19
32	2TQ001 DC	3	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam(125)_06	60	0	LT	Nguyễn Công Thắng	11/08-17/08/25	1	1,2,3,4,5	A2.209												DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng					1,2,3,4,5	A2.209										DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng							1,2,3,4,5	A2.209								DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng									1,2,3,4,5	A2.209						DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng											1,2,3,4,5	A2.209				DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
			Việt Nam(125)_00				Nguyễn Công Thắng													1,2,3,4,5	A2.209		DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng	18/08-24/08/25	1	1,2,3,4,5	A2.209												DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng					1,2,3,4,5	A2.209										DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng							1,2,3,4,5	A2.209								DHCQ 19
33	2TQ001 DC	3	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam(125)_07	60	0	LT	Nguyễn Xuân Trường	11/08-17/08/25	1	1,2,3,4,5	A2.311												DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường					1,2,3,4,5	A2.311										DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường							1,2,3,4,5	A2.311								DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường									1,2,3,4,5	A2.311						DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường											1,2,3,4,5	A2.311				DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường													1,2,3,4,5	A2.311		DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường	18/08-24/08/25	1	1,2,3,4,5	A2.311												DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường					1,2,3,4,5	A2.311										DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường							1,2,3,4,5	A2.311								DHCQ 19
34	2TQ001 DC	3	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam(125)_08	60	0	LT	Lê Anh Thơ	11/08-17/08/25	1	1,2,3,4,5	A2.204												DHCQ 19
							Lê Anh Thơ					1,2,3,4,5	A2.204										DHCQ 19
							Lê Anh Thơ							1,2,3,4,5	A2.204								DHCQ 19
							Lê Anh Thơ									1,2,3,4,5	A2.204						DHCQ 19
							Lê Anh Thơ											1,2,3,4,5	A2.204				DHCQ 19
							Lê Anh Thơ													1,2,3,4,5	A2.204		DHCQ 19
							Lê Anh Thơ	18/08-24/08/25	1	1,2,3,4,5	A2.204												DHCQ 19
							Lê Anh Thơ					1,2,3,4,5	A2.204										DHCQ 19
							Lê Anh Thơ							1,2,3,4,5	A2.204								DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
35	3TQ204 DC	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật(125)_01_TH	60	0	TH	Nguyễn Xuân Trường	08/09-21/09/25	2	1,2,3,4,5	SVD6												DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường					1,2,3,4,5	SVD6										DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường							1,2,3,4,5	SVD6								DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường									1,2,3,4,5	SVD6						DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường											1,2,3,4,5	SVD6				DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường													1,2,3,4,5	SVD6		DHCQ 19
36	3TQ204 DC	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật(125)_02_TH	60	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	08/09-21/09/25	2	1,2,3,4,5	SVD.7												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện					1,2,3,4,5	SVD.7										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện							1,2,3,4,5	SVD.7								DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện									1,2,3,4,5	SVD.7						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện											1,2,3,4,5	SVD.7				DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện													1,2,3,4,5	SVD.7		DHCQ 19
37	3TQ204 DC	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật(125)_03_TH	60	0	TH	Nguyễn Công Thắng	08/09-21/09/25	2	1,2,3,4,5	SVD5												DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng					1,2,3,4,5	SVD5										DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng							1,2,3,4,5	SVD5								DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng									1,2,3,4,5	SVD5						DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng											1,2,3,4,5	SVD5				DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng													1,2,3,4,5	SVD5		DHCQ 19
38	3TQ204 DC	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật(125)_04_TH	60	0	TH	Lê Anh Thơ	08/09-21/09/25	2	1,2,3,4,5	SVD4												DHCQ 19
							Lê Anh Thơ					1,2,3,4,5	SVD4										DHCQ 19
							Lê Anh Thơ							1,2,3,4,5	SVD4								DHCQ 19
							Lê Anh Thơ									1,2,3,4,5	SVD4						DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Anh Thơ											1,2,3,4,5	SVĐ4				DHCQ 19
							Lê Anh Thơ													1,2,3,4,5	SVĐ4		DHCQ 19
39	3TQ204 DC	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật(125)_05_TH	60	0	TH	Nguyễn Công Thắng	08/09-21/09/25	2	6,7,8,9,10	SVD6												DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng					6,7,8,9,10	SVD6										DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng							6,7,8,9,10	SVD6								DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng									6,7,8,9,10	SVD6						DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng											6,7,8,9,10	SVD6				DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng													6,7,8,9,10	SVD6		DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng																DHCQ 19
40	3TQ204 DC	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật(125)_06_TH	60	0	TH	Hoàng Công Minh	08/09-21/09/25	2	6,7,8,9,10	SVĐ.7												DHCQ 19
							Hoàng Công Minh					6,7,8,9,10	SVĐ.7										DHCQ 19
							Hoàng Công Minh							6,7,8,9,10	SVĐ.7								DHCQ 19
							Hoàng Công Minh									6,7,8,9,10	SVĐ.7						DHCQ 19
							Hoàng Công Minh											6,7,8,9,10	SVĐ.7				DHCQ 19
							Hoàng Công Minh													6,7,8,9,10	SVĐ.7		DHCQ 19
							Hoàng Công Minh																DHCQ 19
41	3TQ204 DC	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật(125)_07_TH	60	0	TH	Phan Văn Thám	08/09-21/09/25	2	6,7,8,9,10	SVĐ5												DHCQ 19
							Phan Văn Thám					6,7,8,9,10	SVĐ5										DHCQ 19
							Phan Văn Thám							6,7,8,9,10	SVĐ5								DHCQ 19
							Phan Văn Thám									6,7,8,9,10	SVĐ5						DHCQ 19
							Phan Văn Thám											6,7,8,9,10	SVĐ5				DHCQ 19
							Phan Văn Thám													6,7,8,9,10	SVĐ5		DHCQ 19
							Phan Văn Thám																DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn			6,7,8,9,10	SVĐ4												DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn					6,7,8,9,10	SVĐ4										DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa		
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học				
42	3TQ204 DC	2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật(125)_08_TH	60	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	08/09-21/09/25	2					6,7,8,9,10	SVĐ4									DHCQ 19	
							Nguyễn Đình Tuấn								6,7,8,9,10	SVĐ4								DHCQ 19	
							Nguyễn Đình Tuấn										6,7,8,9,10	SVĐ4						DHCQ 19	
							Nguyễn Đình Tuấn												6,7,8,9,10	SVĐ4				DHCQ 19	
43	3TQ203 DC	1	Quân sự chung(125)_01_TH	60	0	TH	Nguyễn Công Thắng	01/09-07/09/25	1	1,2,3,4,5	A2.209													DHCQ 19	
							Nguyễn Công Thắng					1,2,3,4,5	A2.209												DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng							1,2,3,4,5	A2.209										DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng									1,2,3,4,5	A2.209								DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng											1,2,3,4,5	A2.209						DHCQ 19
							Nguyễn Công Thắng													1,2,3,4,5	A2.209				DHCQ 19
44	3TQ203 DC	1	Quân sự chung(125)_02_TH	60	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	01/09-07/09/25	1	1,2,3,4,5	A2.311													DHCQ 19	
							Nguyễn Văn Luyện					1,2,3,4,5	A2.311												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện							1,2,3,4,5	A2.311										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện									1,2,3,4,5	A2.311								DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện											1,2,3,4,5	A2.311						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện													1,2,3,4,5	A2.311				DHCQ 19
45	3TQ203 DC	1	Quân sự chung(125)_03_TH	60	0	TH	Lê Anh Thơ	01/09-07/09/25	1	1,2,3,4,5	A2.203													DHCQ 19	
							Lê Anh Thơ					1,2,3,4,5	A2.203												DHCQ 19
							Lê Anh Thơ							1,2,3,4,5	A2.203										DHCQ 19
							Lê Anh Thơ									1,2,3,4,5	A2.203								DHCQ 19
							Lê Anh Thơ											1,2,3,4,5	A2.203						DHCQ 19
							Lê Anh Thơ														1,2,3,4,5	A2.203			

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
46	3TQ203 DC	1	Quân sự chung(125)_04_TH	60	0	TH	Nguyễn Xuân Trường	01/09-07/09/25	1	1,2,3,4,5	A2.204												DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường					1,2,3,4,5	A2.204										DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường							1,2,3,4,5	A2.204								DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường									1,2,3,4,5	A2.204						DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường											1,2,3,4,5	A2.204				DHCQ 19
							Nguyễn Xuân Trường													1,2,3,4,5	A2.204		DHCQ 19
47	3TQ203 DC	1	Quân sự chung(125)_05_TH	60	0	TH	Phan Văn Thám	01/09-07/09/25	1	6,7,8,9,10	A2.209												DHCQ 19
							Phan Văn Thám					6,7,8,9,10	A2.209										DHCQ 19
							Phan Văn Thám							6,7,8,9,10	A2.209								DHCQ 19
							Phan Văn Thám									6,7,8,9,10	A2.209						DHCQ 19
							Phan Văn Thám											6,7,8,9,10	A2.209				DHCQ 19
							Phan Văn Thám													6,7,8,9,10	A2.209		DHCQ 19
48	3TQ203 DC	1	Quân sự chung(125)_06_TH	60	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	01/09-07/09/25	1	6,7,8,9,10	A2.311												DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn					6,7,8,9,10	A2.311										DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn							6,7,8,9,10	A2.311								DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn									6,7,8,9,10	A2.311						DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn											6,7,8,9,10	A2.311				DHCQ 19
							Nguyễn Đình Tuấn													6,7,8,9,10	A2.311		DHCQ 19
49	3TQ203 DC	1	Quân sự chung(125)_07_TH	60	0	TH	Hoàng Công Minh	01/09-07/09/25	1	6,7,8,9,10	A2.203												DHCQ 19
							Hoàng Công Minh					6,7,8,9,10	A2.203										DHCQ 19
							Hoàng Công Minh							6,7,8,9,10	A2.203								DHCQ 19
							Hoàng Công Minh									6,7,8,9,10	A2.203						DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Hoàng Công Minh											6,7,8,9,10	A2.203				DHCQ 19
							Hoàng Công Minh													6,7,8,9,10	A2.203		DHCQ 19
50	3TQ203 DC	1	Quân sự chung(125)_08_TH	60	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	01/09-07/09/25	1	6,7,8,9,10	A2.204												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện					6,7,8,9,10	A2.204										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện							6,7,8,9,10	A2.204								DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện									6,7,8,9,10	A2.204						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện											6,7,8,9,10	A2.204				DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện													6,7,8,9,10	A2.204		DHCQ 19
							Nguyễn Văn Luyện																DHCQ 19

Đơn vị đảm nhận : Khoa Đại cương - Ngoại ngữ - An ninh Quốc phòng

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(125)_01	42	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	11/08-23/11/25	15							3,4	A2.102					DHCTMCK18(GCK)	DHCQ 18
2	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(125)_02	55	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	11/08-23/11/25	15									3,4	A2.108			DHOTOCK18A1	DHCQ 18
3	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(125)_03	55	0	LT	Trần Hải Yến	11/08-23/11/25	15			1,2	A2.107									DHOTOCK18A2	DHCQ 18
4	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(125)_04	53	0	LT	Trần Hải Yến	11/08-23/11/25	15					3,4	A2.106							DHOTOCK18A3	DHCQ 18
5	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(125)_05	60	0	LT	Trần Hải Yến	11/08-23/11/25	15									6,7	A2.108			DHOTOCK18A4	DHCQ 18
6	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(125)_06	55	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	11/08-23/11/25	15									8,9	A2.107			DHOTOCK18A5	DHCQ 18
7	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(125)_07	47	0	LT	Trần Hải Yến	11/08-23/11/25	15									1,2	A2.304			DHKCKCK19A2	DHCQ 19
8	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(125)_01	65	0	LT	Bùi Danh Hào	22/09-04/01/26	15			8,9	A2.311									Ghép: DHCDTCK19A1 + DHCTMCK19A2 + DHKTMCK19A1	DHCQ 19
9	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(125)_02	60	0	LT	Bùi Danh Hào	22/09-04/01/26	15			1,2	A2.311									DHCTMCK19A1	DHCQ 19
10	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(125)_04	68	0	LT	Bùi Danh Hào	11/08-23/11/25	15			3,4	A2.212									Ghép: DHKCKCK19A2 + DHKTNCK19A1	DHCQ 19
11	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(125)_01	66	0	LT	Lê Hồng Sơn	11/08-23/11/25	15									1,2	A2.103			Ghép: DHDDTCK18A1 + DHKTNCK19A1	DHCQ 18
12	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(125)_02	45	0	LT	Lê ThịHuệ	11/08-23/11/25	15									1,2	A2.104			DHDDTCK18A2	DHCQ 18
13	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(125)_03	50	0	LT	Lê ThịHuệ	11/08-23/11/25	15							8,9	A2.103					DHDDTCK18A3	DHCQ 18
14	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(125)_04	61	0	LT	Lê ThịHuệ	11/08-23/11/25	15	9,10	A2.105											Ghép: DHCDTCK19A1 + DHTDHCK18A2	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
15	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(125)_06	55	0	LT	Lê ThịHuệ	11/08-23/11/25	15									3,4	A2.105			DHTDHCK18A3	DHCQ18
16	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(125)_07	54	0	LT	Lê Hồng Sơn	11/08-23/11/25	15							6,7	A2.104					Ghép: DHKTMCK19A1 + DHTDHCK18A1	DHCQ19
17	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(125)_09	53	0	LT	Lê ThịHuệ	11/08-23/11/25	15					1,2	A2.104							DHOTOCK19A1	DHCQ19
18	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(125)_10	52	0	LT	Lê ThịHuệ	11/08-23/11/25	15	3,4	A2.211											DHOTOCK19A2	DHCQ19
19	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(125)_11	52	0	LT	Lê Hồng Sơn	11/08-23/11/25	15	1,2	A2.211											DHOTOCK19A3	DHCQ19
20	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(125)_12	52	0	LT	Lê Hồng Sơn	11/08-23/11/25	15	9,10	A2.210											DHOTOCK19A4	DHCQ19
21	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(125)_13	52	0	LT	Lê Hồng Sơn	11/08-23/11/25	15			9,10	A2.211									DHOTOCK19A5	DHCQ19
22	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(125)_14	52	0	LT	Lê Hồng Sơn	11/08-23/11/25	15					8,9	A2.106							DHOTOCK19A6	DHCQ19
23	4DC101 DH	3	Xác suất thống kê toán(125)_01	23	0	LT	Ngô Tất Hoạt	11/08-23/11/25	15	6,7,8	A2.408 (TA)											Ghép: DHQTKCK18A1 + DHQTKCK19A1	DHCQ18

Đơn vị đảm nhận : Khoa Đại cương - Ngoại ngữ - An ninh Quốc phòng

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(125)_01	43	0	LT	Lê Minh Sao	11/08-23/11/25	15					6,7,8	A2.104							Ghép: CDCTMCK50A 1 + CDHANCK50A 1 + CDKCKCK50A 1	CDCQ 50
2	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(125)_02	43	0	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	11/08-23/11/25	15											6,7,8	A2.103	Ghép: CDCTMCK50A 1 + CDHANCK50A 1 + CDKCKCK50A 1	CDCQ 50
3	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(125)_03	60	0	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	11/08-23/11/25	15							8,9,10	A2.212					CDOTOCK50A 1	CDCQ 50
1	3NN011 DH	2	Tiếng Anh chuyên ngành cơ điện tử(125)_01	20	0	LT	Phạm Thị Hải Yến	11/08-23/11/25	15			8,9	A2.207 (TA)									DHCDTCK18A 1	DHCQ 18
2	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(125)_01	50	0	LT	Phạm Thị Hải Yến	11/08-23/11/25	15							1,2	A2.104					DHDDTCK18A 2	DHCQ 18
3	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(125)_02	45	0	LT	Phạm Thị Hải Yến	11/08-23/11/25	15							3,4	A2.103					DHDDTCK18A 1	DHCQ 18
4	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(125)_03	50	0	LT	Phạm Thị Hải Yến	11/08-23/11/25	15									8,9	A2.103			DHDDTCK18A 3	DHCQ 18
5	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(125)_04_147	54	0	LT	Phạm Thị Hải Yến	11/08-23/11/25	15							8,9	A2.104					Ghép: DHKTMCK18 A1 + DHTDHCK18A 1	DHCQ 18
6	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(125)_06	45	0	LT	Trần Khắc Hoàn	11/08-23/11/25	15							6,7	A2.105					DHTDHCK18A 2	DHCQ 18
7	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(125)_07	55	0	LT	Phạm Thị Hải Yến	11/08-23/11/25	15			3,4	A2.105									DHTDHCK18A 3	DHCQ 18
8	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành ô tô(125)_01	60	0	LT	Lê Thị Thúy	11/08-23/11/25	15			3,4	A2.101									DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
9	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành ô tô(125)_02	60	0	LT	Lê Thị Thúy	11/08-23/11/25	15							6,7	A2.101					DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
10	3NN003 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành tin học(125)_01	36	0	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	11/08-23/11/25	15			1,2	A2.207 (TA)									DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
11	3NN003 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành tin học(125)_02	36	0	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	11/08-23/11/25	15	8,9	A2.102											DHCTTCK18A 2	DHCQ 18
12	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(125)_01	60	0	LT	Đinh Thị Thu	22/09-04/01/26	15									1,2,3	A2.311			DHCTMCK19A 1	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
13	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(125)_02	48	0	LT	Trần Khắc Hoàn	22/09-04/01/26	15											6,7,8	A2.311	DHCTMCK19A2	DHCQ19
14	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(125)_03	47	0	LT	Trần Khắc Hoàn	11/08-23/11/25	15									3,4,5	A2.304			DHKCKCK19A2	DHCQ19
15	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(125)_04	53	0	LT	Trần Khắc Hoàn	11/08-23/11/25	15			3,4,5	A2.103									DHOTOCK19A1	DHCQ19
16	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(125)_05	52	0	LT	Lê Minh Sao	11/08-23/11/25	15			1,2,3	A2.108									DHOTOCK19A2	DHCQ19
17	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(125)_06	52	0	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	11/08-23/11/25	15							3,4,5	A2.212					DHOTOCK19A3	DHCQ19
18	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(125)_07	52	0	LT	Đinh Thị Thu	11/08-23/11/25	15							6,7,8	A2.210					DHOTOCK19A4	DHCQ19
19	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(125)_08	52	0	LT	Đinh Thị Thu	11/08-23/11/25	15	8,9,10	A2.211											DHOTOCK19A5	DHCQ19
20	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(125)_09	52	0	LT	Lê Minh Sao	11/08-23/11/25	15			6,7,8	A2.106									DHOTOCK19A6	DHCQ19
21	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(125)_04	65	0	LT	Bùi Thị Xuân Linh	11/08-23/11/25	15					6,7,8	A2.103							Ghép: DHQTKCK19A1 + DHCTTCK19A2 + DHSPNCK19A1	DHCQ19
22	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(125)_05	66	0	LT	Bùi Thị Xuân Linh	22/09-04/01/26	15									6,7,8	A2.204			Ghép: DHCDTCK19A1 + DHDDTCK19A1	DHCQ19
23	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(125)_06	66	0	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	11/08-23/11/25	15	1,2,3	A2.309											Ghép: DHCTTCK19A1 + DHKTNCK19A1	DHCQ19
24	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(125)_09	58	0	LT	Lê Thị Thúy	22/09-04/01/26	15									8,9,10	A2.212			Ghép: DHDDTCK19A2 + DHKTMCK19A1	DHCQ19
25	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(125)_10	55	0	LT	Lê Thị Thúy	22/09-04/01/26	15	3,4,5	A2.209											DHDDTCK19A3	DHCQ19
26	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(125)_14	62	0	LT	Đinh Thị Thu	22/09-04/01/26	15					1,2,3	A2.204							DHTDHCK19A1	DHCQ19
27	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(125)_15	62	0	LT	Lê Minh Sao	22/09-04/01/26	15					1,2,3	A2.203							DHTDHCK19A2	DHCQ19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
28	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(125)_16	63	0	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	22/09-04/01/26	15					6,7,8	A2.203							DHTDHCK19A3	DHCQ19
29	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(125)_01	42	0	LT	Bùi Thị Xuân Linh	11/08-23/11/25	15											1,2,3	A2.212	DHCTMCK18(GCK)	DHCQ18
30	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(125)_02	44	0	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	11/08-23/11/25	15							1,2,3	A2.101					DHKCKCK18A1	DHCQ18
31	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(125)_03	55	0	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	11/08-23/11/25	15	1,2,3	A2.108											DHOTOCK18A1	DHCQ18
32	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(125)_04	53	0	LT	Bùi Thị Xuân Linh	11/08-23/11/25	15							1,2,3	A2.106					DHOTOCK18A3	DHCQ18
33	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(125)_05	55	0	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	11/08-23/11/25	15					1,2,3	A2.107							DHOTOCK18A2	DHCQ18
34	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(125)_06	60	0	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	11/08-23/11/25	15							6,7,8	A2.301					DHOTOCK18A4	DHCQ18
35	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(125)_07	55	0	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	11/08-23/11/25	15			6,7,8	A2.107									DHOTOCK18A5	DHCQ18

Đơn vị đảm nhận : Khoa Cơ khí Chế tạo

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3CK253 CD	2	Gò và hàn(125)_01_TH	22	0	TH	Phạm Thanh Phú	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	X.HAN - GCAL1												CDCQ 49
							Phạm Thanh Phú					6,7,8,9	X.HAN - GCAL1										CDCQ 49
							Phạm Thanh Phú							6,7,8,9	X.HAN - GCAL1								CDCQ 49
							Phạm Thanh Phú									6,7,8,9	X.HAN - GCAL1						CDCQ 49
							Phạm Thanh Phú											6,7,8,9	X.HAN - GCAL1				CDCQ 49
2	3CK232 CD	2	Hàn điện hồ quang tay nâng cao(125)_01_TH	25	0	TH	Ngô Ngọc Sơn	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	X.HAN - GCAL1											CDHANCK50A 1	CDCQ 50
							Ngô Ngọc Sơn					1,2,3,4	X.HAN - GCAL1										CDCQ 50
							Ngô Ngọc Sơn							1,2,3,4	X.HAN - GCAL1								CDCQ 50
							Ngô Ngọc Sơn									1,2,3,4	X.HAN - GCAL1						CDCQ 50
							Ngô Ngọc Sơn											1,2,3,4	X.HAN - GCAL1				CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
3	3CK237 CD	2	Hàn MAG nâng cao(125)_01_TH	20	0	TH	Cao Xuân Lại	01/09-21/09/25	3	1,2,3,4	X.HAN - GCAL1											CDHANCK50A 1	CDCQ 50
							Cao Xuân Lại					1,2,3,4	X.HAN - GCAL1										CDCQ 50
							Cao Xuân Lại							1,2,3,4	X.HAN - GCAL1								CDCQ 50
							Cao Xuân Lại									1,2,3,4	X.HAN - GCAL1						CDCQ 50
							Cao Xuân Lại											1,2,3,4	X.HAN - GCAL1				CDCQ 50
4	3CK233 CD	2	Hàn ống(125)_01_TH	25	0	TH	Kiều Anh Dũng	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	X.HAN - GCAL1											CDHANCK50A 1	CDCQ 50
							Kiều Anh Dũng					1,2,3,4	X.HAN - GCAL1										CDCQ 50
							Kiều Anh Dũng							1,2,3,4	X.HAN - GCAL1								CDCQ 50
							Kiều Anh Dũng									1,2,3,4	X.HAN - GCAL1						CDCQ 50
							Kiều Anh Dũng											1,2,3,4	X.HAN - GCAL1				CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú			1,2,3,4	X.HAN - GCAL1												CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
5	3CK238 CD	2	Hàn TIG nâng cao(125)_01_TH	20	0	TH	Phạm Thanh Phú	22/09-12/10/25	3			1,2,3,4	X.HAN - GCAL1									CDHANCK50A1	CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú							1,2,3,4	X.HAN - GCAL1								CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú									1,2,3,4	X.HAN - GCAL1						CDCQ 50
							Phạm Thanh Phú											1,2,3,4	X.HAN - GCAL1				CDCQ 50
6	3CK110 CD	2	Kỹ thuật cơ khí(125)_01	42	0	LT	Lê VănSinh	11/08-23/11/25	15											1,2	A2.102	CDDCNCK50A1	CDCQ 50
7	3CK110 CD	2	Kỹ thuật cơ khí(125)_02	40	0	LT	Lê VănSinh	11/08-23/11/25	15											3,4	A2.102	Ghép: CDDDTCK50A1 + CDTDHCK50A1	CDCQ 50
8	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(125)_01_TH	23	0	TH	Nguyễn Chương Đạo	11/08-07/09/25	4	1,2,3,4	X.CNC 1											CDCTMCK50A1	CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo					1,2,3,4	X.CNC 1										CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo							1,2,3,4	X.CNC 1								CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo									1,2,3,4	X.CNC 1						CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo	08/09-14/09/25	1									1,2,3,4	X.CNC 1				CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo			1,2,3,4	X.CNC 1												CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo					1,2,3,4	X.CNC 1										CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo							1,2	X.CNC 1								CDCQ 50
							Hoàng Xuân Lâm	08/09-14/09/25	1					3,4	X.CNC 1								CDCQ 50
							Hoàng Xuân Lâm									1,2,3,4	X.CNC 1						CDCQ 50
							Hoàng Xuân Lâm											1,2,3,4	X.CNC 1				CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
9	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(125)_02_TH	23	0	TH	Hoàng Xuân Lâm	15/09-12/10/25	4	1,2,3,4	X.CNC 1											CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Hoàng Xuân Lâm					1,2,3,4	X.CNC 1										CDCQ 50
							Hoàng Xuân Lâm							1,2,3,4	X.CNC 1								CDCQ 50
							Hoàng Xuân Lâm									1,2,3,4	X.CNC 1						CDCQ 50
							Hoàng Xuân Lâm											1,2,3,4	X.CNC 1				CDCQ 50
10	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(125)_03_TH	23	0	TH	Nguyễn Khắc Chinh	13/10-09/11/25	4	1,2,3,4	X.CNC 1											CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Chinh					1,2,3,4	X.CNC 1										CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Chinh							1,2,3,4	X.CNC 1								CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Chinh									1,2,3,4	X.CNC 1						CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Chinh											1,2,3,4	X.CNC 1				CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Chinh	10/11-16/11/25	1	1,2,3,4	X.CNC 1												CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Chinh					1,2,3,4	X.CNC 1										CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Chinh							1,2	X.CNC 1								CDCQ 50
11	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình(125)_01_TH	23	0	TH	Trương NguyễnHiền	03/11-23/11/25	3	1,2,3,4	X.PHA Y2											CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Trương NguyễnHiền					1,2,3,4	X.PHA Y2										CDCQ 50
							Trương NguyễnHiền							1,2,3,4	X.PHA Y2								CDCQ 50
							Trương NguyễnHiền									1,2,3,4	X.PHA Y2						CDCQ 50
							Trương NguyễnHiền											1,2,3,4	X.PHA Y2				CDCQ 50
12	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình(125)_02_TH	23	0	TH	Trương NguyễnHiền	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	X.PHA Y1											CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Trương NguyễnHiền					1,2,3,4	X.PHA Y1										CDCQ 50
							Trương NguyễnHiền							1,2,3,4	X.PHA Y1								CDCQ 50
							Trương NguyễnHiền									1,2,3,4	X.PHA Y1						CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trương NguyênHiển											1,2,3,4	X.PHA Y1				CDCQ 50
13	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình(125)_03_TH	23	0	TH	Ngô Xuân Sơn	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	X.PHA Y1												CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn					1,2,3,4	X.PHA Y1										CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn							1,2,3,4	X.PHA Y1								CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn									1,2,3,4	X.PHA Y1						CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn											1,2,3,4	X.PHA Y1				CDCQ 50
14	3CK211 CD	2	Phay bao hình, phay then hoa(125)_01_TH	23	0	TH	Nguyễn Chương Đạo	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	X.PHA Y1												CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo					1,2,3,4	X.PHA Y1										CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo							1,2,3,4	X.PHA Y1								CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo									1,2,3,4	X.PHA Y1						CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo											1,2,3,4	X.PHA Y1				CDCQ 50
15	3CK211 CD	2	Phay bao hình, phay then hoa(125)_02_TH	23	0	TH	Nguyễn Chương Đạo	03/11-23/11/25	3	1,2,3,4	X.PHA Y1												CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo					1,2,3,4	X.PHA Y1										CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo							1,2,3,4	X.PHA Y1								CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo									1,2,3,4	X.PHA Y1						CDCQ 50
							Nguyễn Chương Đạo											1,2,3,4	X.PHA Y1				CDCQ 50
16	3CK211 CD	2	Phay bao hình, phay then hoa(125)_03_TH	23	0	TH	Ngô Xuân Sơn	01/09-21/09/25	3	1,2,3,4	X.PHA Y1												CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn					1,2,3,4	X.PHA Y1										CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn							1,2,3,4	X.PHA Y1								CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn									1,2,3,4	X.PHA Y1						CDCQ 50
							Ngô Xuân Sơn											1,2,3,4	X.PHA Y1				CDCQ 50
							Trần Văn Giang			11,12,13,14	X.TIEN 1												CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
17	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(125)_01_TH_17B	17	0	TH	Trần Văn Giang	11/08-31/08/25	3			11,12,13,14	X.TIEN 1										CDCQ 50
							Trần Văn Giang							11,12,13,14	X.TIEN 1								CDCQ 50
							Trần Văn Giang									11,12,13,14	X.TIEN 1						CDCQ 50
							Trần Văn Giang											11,12,13,14	X.TIEN 1				CDCQ 50
18	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(125)_02_TH_1E0	17	0	TH	Đậu Tấn Cường	01/09-21/09/25	3	11,12,13,14	X.TIEN 1												CDCQ 50
							Đậu Tấn Cường					11,12,13,14	X.TIEN 1										CDCQ 50
							Đậu Tấn Cường							11,12,13,14	X.TIEN 1								CDCQ 50
							Đậu Tấn Cường									11,12,13,14	X.TIEN 1						CDCQ 50
							Đậu Tấn Cường											11,12,13,14	X.TIEN 1				CDCQ 50
19	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(125)_01_TH	23	0	TH	Trần Văn Giang	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	X.TIEN 1											CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Trần Văn Giang					1,2,3,4	X.TIEN 1										CDCQ 50
							Trần Văn Giang							1,2,3,4	X.TIEN 1								CDCQ 50
							Trần Văn Giang									1,2,3,4	X.TIEN 1						CDCQ 50
							Trần Văn Giang											1,2,3,4	X.TIEN 1				CDCQ 50
20	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(125)_02_TH	23	0	TH	Đậu Tấn Cường	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	X.TIEN 1											CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Đậu Tấn Cường					1,2,3,4	X.TIEN 1										CDCQ 50
							Đậu Tấn Cường							1,2,3,4	X.TIEN 1								CDCQ 50
							Đậu Tấn Cường									1,2,3,4	X.TIEN 1						CDCQ 50
							Đậu Tấn Cường											1,2,3,4	X.TIEN 1				CDCQ 50
21	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(125)_03_TH	23	0	TH	Trần Văn Giang	24/11-14/12/25	3	1,2,3,4	X.TIEN 1											CDCTMCK50A 1	CDCQ 50
							Trần Văn Giang					1,2,3,4	X.TIEN 1										CDCQ 50
							Trần Văn Giang							1,2,3,4	X.TIEN 1								CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Văn Giang									1,2,3,4	X.TIEN 1						CDCQ 50
							Trần Văn Giang											1,2,3,4	X.TIEN 1				CDCQ 50
22	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(125)_01	43	0	LT	Lê Phú Cường	11/08-23/11/25	15							6,7,8	A2.107					Ghép: CDCTMCK50A 1 + CDHANCK50A 1 + CDKCKCK50A 1	CDCQ 50
23	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(125)_02	43	0	LT	Hoàng Hữu Tân	11/08-23/11/25	15			6,7,8	A2.301									Ghép: CDCTMCK50A 1 + CDHANCK50A 1 + CDKCKCK50A 1	CDCQ 50
24	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(125)_03	60	0	LT	Hoàng Hữu Tân	11/08-23/11/25	15										6,7,8	A2.101		CDOTOCK50A 1	CDCQ 50
1	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(125)_01	64	0	LT	Ngô Văn Giang	22/09-04/01/26	15							8,9	A2.311					Ghép: DHCDTCK19A 1 + DHCTMCK19A 2	DHCQ 19
2	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(125)_02	60	0	LT	Phạm Minh Tâm	22/09-04/01/26	15			3,4	A2.311									DHCTMCK19A 1	DHCQ 19
3	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(125)_04	68	0	LT	Lương Văn Chiến	11/08-23/11/25	15			1,2	A2.106									Ghép: DHKCKCK19A 2 + DHKTNCK19A 1	DHCQ 19
4	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(125)_06	53	0	LT	Lương Văn Chiến	11/08-23/11/25	15	4,5	A2.210											DHOTOCK19A 1	DHCQ 19
5	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(125)_07	52	0	LT	Lương Văn Chiến	11/08-23/11/25	15			4,5	A2.108									DHOTOCK19A 2	DHCQ 19
6	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(125)_08	52	0	LT	Lương Văn Chiến	11/08-23/11/25	15								4,5	A2.211				DHOTOCK19A 3	DHCQ 19
7	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(125)_09	52	0	LT	Lương Văn Chiến	11/08-23/11/25	15							9,10	A2.210					DHOTOCK19A 4	DHCQ 19
8	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(125)_10	52	0	LT	Trần Mạnh Cường	11/08-23/11/25	15									6,7	A2.211			DHOTOCK19A 5	DHCQ 19
9	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(125)_11	52	0	LT	Lương Văn Chiến	11/08-23/11/25	15									8,9	A2.106			DHOTOCK19A 6	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa		
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học				
10	3CK123 DH	2	Công nghệ chế tạo máy 1(125)_01	42	0	LT	Phạm Minh Tâm	11/08-23/11/25	15							1,2	A2.102					DHCTMCK18(GCK)	DHCQ 18		
11	4CK181 DH	2	Công nghệ tạo mẫu nhanh và kỹ thuật ngược(125)_01	42	0	LT	Ngô Văn Giang	11/08-23/11/25	15			3,4	A2.210									DHCTMCK18(GCK)	DHCQ 18		
12	1CK301 DH	1	Đồ án cơ học máy(125)_01_DA	20	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHCDTCK18A1	DHCQ 18		
13	4CK301 DH	1	Đồ án nguyên lý chi tiết máy(125)_01_DA	42	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHCTMCK18(GCK)	DHCQ 18		
14	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(125)_01	60	0	LT	Ngô Văn Giang	22/09-04/01/26	15					1,2	A2.311							DHCTMCK19A1	DHCQ 19		
15	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(125)_02_15B	48	0	LT	Lưu Thủy Chung	22/09-04/01/26	15									9,10	A2.311			DHCTMCK19A2	DHCQ 19		
16	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(125)_03_127	47	0	LT	Ngô Văn Giang	11/08-23/11/25	15					3,4	A2.304							DHKCKCK19A2	DHCQ 19		
17	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(125)_04_TH	21	0	TH	Nguyễn Chương Đạo	22/09-19/10/25	4	6,7,8,9	X.CNC 1											DHCTMCK18(GCK)	DHCQ 18		
							Nguyễn Chương Đạo					6,7,8,9	X.CNC 1												DHCQ 18
							Nguyễn Chương Đạo							6,7,8,9	X.CNC 1										DHCQ 18
							Nguyễn Chương Đạo									6,7,8,9	X.CNC 1								DHCQ 18
							Nguyễn Chương Đạo											6,7,8,9	X.CNC 1						DHCQ 18
							Nguyễn Chương Đạo	20/10-26/10/25	1	6,7,8,9	X.CNC 1														DHCQ 18
							Nguyễn Chương Đạo					6,7,8,9	X.CNC 1											DHCQ 18	
							Nguyễn Chương Đạo							6,7	X.CNC 1										DHCQ 18
18	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(125)_05_TH	21	0	TH	Hoàng Xuân Lâm	20/10-26/10/25	1					8,9	X.CNC 1							DHCTMCK18(GCK)	DHCQ 18		
							Hoàng Xuân Lâm								6,7,8,9	X.CNC 1									DHCQ 18
							Hoàng Xuân Lâm										6,7,8,9	X.CNC 1						DHCQ 18	
							Hoàng Xuân Lâm	27/10-23/11/25	4	6,7,8,9	X.CNC 1													DHCQ 18	
							Hoàng Xuân Lâm					6,7,8,9	X.CNC 1											DHCQ 18	
							Hoàng Xuân Lâm							6,7,8,9	X.CNC 1										DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Hoàng Xuân Lâm									6,7,8,9	X.CNC 1						DHCQ 18
							Hoàng Xuân Lâm											6,7,8,9	X.CNC 1				DHCQ 18
19	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(125)_01	44	0	LT	Lương Văn Chiến	11/08-23/11/25	15	1,2,3	A2.102											DHKCKCK18A 1	DHCQ 18
20	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(125)_02	60	0	LT	Nguyễn Hữu Ngoạn	22/09-04/01/26	15	1,2,3	A2.311											DHCTMCK19A 1	DHCQ 19
21	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(125)_03	48	0	LT	Nguyễn Hữu Ngoạn	22/09-04/01/26	15									6,7,8	A2.311			DHCTMCK19A 2	DHCQ 19
22	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(125)_01_TH	16	0	TH	Nguyễn Khắc Chinh	24/11-14/12/25	3	1,2,3,4	X.PHA Y1												DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh					1,2,3,4	X.PHA Y1										DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh							1,2,3,4	X.PHA Y1								DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh									1,2,3,4	X.PHA Y1						DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh											1,2,3,4	X.PHA Y1				DHCQ 19
23	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(125)_01_TH	20	0	TH	Ngô Xuân Sơn	20/10-26/10/25	1					8,9	X.PHA Y2								DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn									6,7,8,9	X.PHA Y2						DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn											6,7,8,9	X.PHA Y2				DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn	27/10-23/11/25	4	6,7,8,9	X.PHA Y2												DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn					6,7,8,9	X.PHA Y2										DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn							6,7,8,9	X.PHA Y2								DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn									6,7,8,9	X.PHA Y2						DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn											6,7,8,9	X.PHA Y2				DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn																DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn																DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn																DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn																DHCQ 19
24	3CK206	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh	20	0	TH	Nguyễn Khắc Chinh	22/09-19/10/25	4	6,7,8,9	X.PHA Y2												DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh					6,7,8,9	X.PHA Y2										DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh							6,7,8,9	X.PHA Y2								DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh									6,7,8,9	X.PHA Y2						DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
24	CD	3	rãnh đuôi én, xọc rãnh then(125)_02_TH	20	0	TH	Nguyễn Khắc Chinh											6,7,8,9	X.PHA Y2			1	DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh	20/10-26/10/25	1	6,7,8,9	X.PHA Y2												DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh					6,7,8,9	X.PHA Y2										DHCQ 19
							Nguyễn Khắc Chinh							6,7	X.PHA Y2								DHCQ 19
25	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(125)_03_TH	20	0	TH	Ngô Xuân Sơn	22/09-19/10/25	4	11,12,13,14	X.PHA Y2											DHCTMCK19A 1	DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn					11,12,13,14	X.PHA Y2										DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn							11,12,13,14	X.PHA Y2								DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn									11,12,13,14	X.PHA Y2						DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn											11,12,13,14	X.PHA Y2				DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn	20/10-26/10/25	1	11,12,13,14	X.PHA Y2												DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn					11,12,13,14	X.PHA Y2										DHCQ 19
							Ngô Xuân Sơn							11,12	X.PHA Y2								DHCQ 19
26	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(125)_04_TH	22	0	TH	Trương NguyênHiển	22/09-19/10/25	4	1,2,3,4	X.PHA Y2											DHCTMCK19A 2	DHCQ 19
							Trương NguyênHiển					1,2,3,4	X.PHA Y2										DHCQ 19
							Trương NguyênHiển							1,2,3,4	X.PHA Y2								DHCQ 19
							Trương NguyênHiển									1,2,3,4	X.PHA Y2						DHCQ 19
							Trương NguyênHiển											1,2,3,4	X.PHA Y2				DHCQ 19
							Trương NguyênHiển	20/10-26/10/25	1	1,2,3,4	X.PHA Y2												DHCQ 19
							Trương NguyênHiển					1,2,3,4	X.PHA Y2										DHCQ 19
							Trương NguyênHiển							1,2	X.PHA Y2								DHCQ 19
							Trương NguyênHiển			1,2,3,4	X.PHA Y2												DHCQ 19
							Trương NguyênHiển					1,2,3,4	X.PHA Y2										DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
27	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(125)_05_TH	22	0	TH	Trương NguyênHiển	24/11-21/12/25	4					1,2,3,4	X.PHA Y2							DHCTMCK19A 2	DHCQ 19
							Trương NguyênHiển									1,2,3,4	X.PHA Y2						DHCQ 19
							Trương NguyênHiển										1,2,3,4	X.PHA Y2					DHCQ 19
							Trương NguyênHiển	22/12-28/12/25	1	1,2,3,4	X.PHA Y2												DHCQ 19
							Trương NguyênHiển					1,2,3,4	X.PHA Y2										DHCQ 19
							Trương NguyênHiển							1,2	X.PHA Y2								DHCQ 19
28	3CK111 DH	2	Thiết kế cơ khí trên máy tính(125)_01	65	0	LT	Lê Phú Cường	22/09-04/01/26	15				6,7	A3.106 (Aucad)								Ghép: DHCDTCK18A 1 + DHCTMCK19A 2	DHCQ 18
29	3CK111 DH	2	Thiết kế cơ khí trên máy tính(125)_02	60	0	LT	Lê Phú Cường	22/09-04/01/26	15					3,4	A3.106 (CAD)							DHCTMCK19A 1	DHCQ 19
30	5CK256 DH	8	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(125)_01_TH	70	0	TH		11/08-05/10/25	8	6,7,8,9	Thực tập TN(CT M)1											DHCTMCK17(GCK)	DHCQ 17
										1,2,3,4	Thực tập TN(CT M)1												DHCQ 17
												6,7,8,9	Thực tập TN(CT M)1										DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(CT M)1										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(CT M)1								DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(CT M)1								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	Thực tập TN(CT M)1						
																6,7,8,9	Thực tập TN(CT M)1						
																		6,7,8,9	Thực tập TN(CT M)1				
																		1,2,3,4	Thực tập TN(CT M)1				
31	5CK257 DH	8	Thực tập tốt nghiệp(125)_01_TH	70	0	TH		06/10-30/11/25	8	6,7,8,9	Thực tập TN(CT M)1												
										1,2,3,4	Thực tập TN(CT M)1												
												6,7,8,9	Thực tập TN(CT M)1										
												1,2,3,4	Thực tập TN(CT M)1										
														1,2,3,4	Thực tập TN(CT M)1								
														6,7,8,9	Thực tập TN(CT M)1								
																1,2,3,4	Thực tập TN(CT M)1						

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																6,7,8,9	Thực tập TN(CT M)1						DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(CT M)1				DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(CT M)1				DHCQ 17
32	3CK204 CD	2	Tiện lồ, tiện côn(125)_01_TH	20	0	TH	Đậu Tấn Cương	24/11-14/12/25	3	6,7,8,9	X.TIEN 2												DHCQ 19
							Đậu Tấn Cương					6,7,8,9	X.TIEN 2										DHCQ 19
							Đậu Tấn Cương							6,7,8,9	X.TIEN 2								DHCQ 19
							Đậu Tấn Cương									6,7,8,9	X.TIEN 2						DHCQ 19
							Đậu Tấn Cương											6,7,8,9	X.TIEN 2				DHCQ 19
33	3CK204 CD	2	Tiện lồ, tiện côn(125)_02_TH	20	0	TH	Trần Văn Giang	03/11-23/11/25	3	6,7,8,9	X.TIEN 2												DHCQ 19
							Trần Văn Giang					6,7,8,9	X.TIEN 2										DHCQ 19
							Trần Văn Giang							6,7,8,9	X.TIEN 2								DHCQ 19
							Trần Văn Giang									6,7,8,9	X.TIEN 2						DHCQ 19
							Trần Văn Giang											6,7,8,9	X.TIEN 2				DHCQ 19
34	3CK204 CD	2	Tiện lồ, tiện côn(125)_03_TH	20	0	TH	Trần Văn Giang	22/09-12/10/25	3	11,12,13,14	X.TIEN 2												DHCQ 19
							Trần Văn Giang					11,12,13,14	X.TIEN 2										DHCQ 19
							Trần Văn Giang							11,12,13,14	X.TIEN 2								DHCQ 19
							Trần Văn Giang									11,12,13,14	X.TIEN 2						DHCQ 19
							Trần Văn Giang											11,12,13,14	X.TIEN 2				DHCQ 19
							Đậu Tấn Cương			1,2,3,4	X.TIEN 2												DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
35	3CK204 CD	2	Tiện lồ, tiện côn(125)_04_TH	22	0	TH	Đậu Tấn Cường	22/09-12/10/25	3			1,2,3,4	X.TIEN 2									DHCTMCK19A 2	DHCQ 19
							Đậu Tấn Cường							1,2,3,4	X.TIEN 2								DHCQ 19
							Đậu Tấn Cường									1,2,3,4	X.TIEN 2						DHCQ 19
							Đậu Tấn Cường											1,2,3,4	X.TIEN 2				DHCQ 19
36	3CK204 CD	2	Tiện lồ, tiện côn(125)_05_TH	22	0	TH	Hoàng Xuân Lâm	03/11-23/11/25	3	1,2,3,4	X.TIEN 2											DHCTMCK19A 2	DHCQ 19
							Hoàng Xuân Lâm					1,2,3,4	X.TIEN 2										DHCQ 19
							Hoàng Xuân Lâm							1,2,3,4	X.TIEN 2								DHCQ 19
							Hoàng Xuân Lâm									1,2,3,4	X.TIEN 2						DHCQ 19
							Hoàng Xuân Lâm											1,2,3,4	X.TIEN 2				DHCQ 19
37	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(125)_03_TH	21	0	TH	Mai Tất Lợi	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	X.TIEN 1											DHCTMCK18(GCK)	DHCQ 18
							Mai Tất Lợi					6,7,8,9	X.TIEN 1										DHCQ 18
							Mai Tất Lợi							6,7,8,9	X.TIEN 1								DHCQ 18
							Mai Tất Lợi									6,7,8,9	X.TIEN 1						DHCQ 18
							Mai Tất Lợi											6,7,8,9	X.TIEN 1				DHCQ 18
38	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(125)_04_TH	21	0	TH	Trần Văn Giang	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	X.TIEN 1											DHCTMCK18(GCK)	DHCQ 18
							Trần Văn Giang					6,7,8,9	X.TIEN 1										DHCQ 18
							Trần Văn Giang							6,7,8,9	X.TIEN 1								DHCQ 18
							Trần Văn Giang									6,7,8,9	X.TIEN 1						DHCQ 18
							Trần Văn Giang											6,7,8,9	X.TIEN 1				DHCQ 18
39	4CK259 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(125)_03_DA	37	0	DA		11/08-23/11/25	15														DHCQ 16
40	3CK259 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(125)_04_DA_13E	5	0	DA		11/08-19/10/25	10														DHCQ 14
							Hoàng Xuân Lâm			6,7,8,9	X.CNC 1												DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
41	4CK210 CD	2	Vận hành - Gia công trên máy CNC(125)_01_TH	22	0	TH	Hoàng Xuân Lâm	11/08-31/08/25	3			6,7,8,9	X.CNC 1									DHKCKCK18A 1	DHCQ 18
							Hoàng Xuân Lâm							6,7,8,9	X.CNC 1								DHCQ 18
							Hoàng Xuân Lâm									6,7,8,9	X.CNC 1						DHCQ 18
							Hoàng Xuân Lâm											6,7,8,9	X.CNC 1				DHCQ 18
42	4CK210 CD	2	Vận hành - Gia công trên máy CNC(125)_02_TH	22	0	TH	Nguyễn Khắc Chính	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	X.CNC 1											DHKCKCK18A 1	DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Chính					6,7,8,9	X.CNC 1										DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Chính							6,7,8,9	X.CNC 1								DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Chính									6,7,8,9	X.CNC 1						DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Chính											6,7,8,9	X.CNC 1				DHCQ 18
43	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(125)_01	52	0	LT	Phạm Huy Bằng	11/08-23/11/25	15									4,5	A2.103			DHOTOCK19A 1	DHCQ 19
44	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(125)_02	52	0	LT	Phạm Huy Bằng	11/08-23/11/25	15					4,5	A2.107							DHOTOCK19A 2	DHCQ 19
45	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(125)_03	52	0	LT	Phạm Huy Bằng	11/08-23/11/25	15			1,2	A2.211									DHOTOCK19A 3	DHCQ 19
46	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(125)_04	52	0	LT	Phạm Huy Bằng	11/08-23/11/25	15			8,9	A2.210									DHOTOCK19A 4	DHCQ 19
47	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(125)_05	52	0	LT	Phạm Huy Bằng	11/08-23/11/25	15							8,9	A2.211					DHOTOCK19A 5	DHCQ 19
48	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(125)_06	67	0	LT	Phạm Huy Bằng	11/08-23/11/25	15									6,7	A2.106			Ghép: DHOTOCK19A 6 + DHSPNCK19A 1	DHCQ 19
49	4CK135 DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_01	36	0	LT	Nguyễn Chung	11/08-23/11/25	15											1,2	A2.101	Ghép: DHKTNCK19A 1 + DHSPNCK19A 1	DHCQ 19
50	4CK180 DH	2	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành cơ khí(125)_01	53	0	LT	Lưu Thủy Chung	11/08-23/11/25	15			1,2	A2.104									DHOTOCK19A 1	DHCQ 19
51	4CK180 DH	2	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành cơ khí(125)_02	52	0	LT	Lưu Thủy Chung	11/08-23/11/25	15									4,5	A2.107			DHOTOCK19A 2	DHCQ 19
52	4CK180 DH	2	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành cơ khí(125)_03	52	0	LT	Nguyễn Chung	11/08-23/11/25	15					1,2	A2.211							DHOTOCK19A 3	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
53	4CK180_DH	2	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành cơ khí(125)_04	52	0	LT	Lê VănSinh	11/08-23/11/25	15									6,7	A2.210			DHOTOCK19A_4	DHCQ_19
54	4CK180_DH	2	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành cơ khí(125)_05	52	0	LT	Nguyễn Chung	11/08-23/11/25	15							6,7	A2.211					DHOTOCK19A_5	DHCQ_19
55	4CK180_DH	2	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành cơ khí(125)_06	52	0	LT	Lê VănSinh	11/08-23/11/25	15			9,10	A2.106									DHOTOCK19A_6	DHCQ_19

Đơn vị đảm nhận : Khoa Cơ khí Động lực

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(125)_01_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Thiêm	01/09-21/09/25	3	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A											CDOTOCK50A 1	CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm					1,2,3,4	X.SC.T L-KN A										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm							1,2,3,4	X.SC.T L-KN A								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm									1,2,3,4	X.SC.T L-KN A						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm											1,2,3,4	X.SC.T L-KN A				CDCQ 50
2	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(125)_02_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Thiêm	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A											CDOTOCK50A 1	CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm					1,2,3,4	X.SC.T L-KN A										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm							1,2,3,4	X.SC.T L-KN A								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm									1,2,3,4	X.SC.T L-KN A						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm											1,2,3,4	X.SC.T L-KN A				CDCQ 50
3	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(125)_03_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Thiêm	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A											CDOTOCK50A 1	CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm					1,2,3,4	X.SC.T L-KN A										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm							1,2,3,4	X.SC.T L-KN A								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Thiêm									1,2,3,4	X.SC.T L-KN A						CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Văn Thiêm											1,2,3,4	X.SC.T L-KN A				CDCQ 50
4	3DL213 DC	2	Bảo dưỡng máy CNC(125)_01_TH	25	0	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	24/11-14/12/25	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK A												CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan					1,2,3,4	X.SC.T BCK A										CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan							1,2,3,4	X.SC.T BCK A								CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan									1,2,3,4	X.SC.T BCK A						CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan											1,2,3,4	X.SC.T BCK A				CDCQ 50
5	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(125)_01_TH	26	0	TH	Vi Văn Duy	11/08-21/09/25	6	6,7,8,9	X.DON G CO-1A												CDCQ 49
							Vi Văn Duy					6,7,8,9	X.DON G CO-1A										CDCQ 49
							Vi Văn Duy							6,7,8,9	X.DON G CO-1A								CDCQ 49
							Vi Văn Duy									6,7,8,9	X.DON G CO-1A						CDCQ 49
							Vi Văn Duy											6,7,8,9	X.DON G CO-1A				CDCQ 49
							Vi Văn Duy			6,7,8,9	X.DON G CO-1A												CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
6	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(125)_02_TH	26	0	TH	Vi Văn Duyệt	22/09-02/11/25	6			6,7,8,9	X.DON G CO-1A										CDCQ 49
							Vi Văn Duyệt							6,7,8,9	X.DON G CO-1A								CDCQ 49
							Vi Văn Duyệt									6,7,8,9	X.DON G CO-1A						CDCQ 49
							Vi Văn Duyệt											6,7,8,9	X.DON G CO-1A				CDCQ 49
7	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(125)_01_TH	25	0	TH	Hoàng Văn Thụ	22/09-02/11/25	6	6,7,8,9	X.DIE N OTO-1A												CDCQ 49
							Hoàng Văn Thụ					6,7,8,9	X.DIE N OTO-1A										CDCQ 49
							Hoàng Văn Thụ							6,7,8,9	X.DIE N OTO-1A								CDCQ 49
							Hoàng Văn Thụ									6,7,8,9	X.DIE N OTO-1A						CDCQ 49
							Hoàng Văn Thụ											6,7,8,9	X.DIE N OTO-1A				CDCQ 49
							Vi Văn Duyệt			6,7,8,9	X.DIE N OTO-1A												CDCQ 49
							Vi Văn Duyệt					6,7,8,9	X.DIE N OTO-1A										CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
8	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(125)_02_TH	25	0	TH	Vi Văn Duyệt	03/11-14/12/25	6					6,7,8,9	X.DIE N OTO-1A								
							Vi Văn Duyệt									6,7,8,9	X.DIE N OTO-1A						
							Vi Văn Duyệt											6,7,8,9	X.DIE N OTO-1A				
9	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(125)_01_TH	20	0	TH	Vi Văn Duyệt	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A												
							Vi Văn Duyệt					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A										
							Vi Văn Duyệt							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A								
							Vi Văn Duyệt									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A						
							Vi Văn Duyệt											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A				
10	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(125)_02_TH	20	0	TH	Vi Văn Duyệt	01/09-21/09/25	3	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A												
							Vi Văn Duyệt					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A										
							Vi Văn Duyệt							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A								

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Vi Văn Duyệt									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A						CDCQ 50
							Vi Văn Duyệt											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A				CDCQ 50
11	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(125)_03_TH	20	0	TH	Vi Văn Duyệt	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A											CDOTOCK50A 1	CDCQ 50
							Vi Văn Duyệt					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A										CDCQ 50
							Vi Văn Duyệt							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A								CDCQ 50
							Vi Văn Duyệt									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A						CDCQ 50
							Vi Văn Duyệt											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A				CDCQ 50
							Vi Văn Duyệt													1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A		CDCQ 50
12	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xường và vận hành xe ô tô(125)_01_TH	20	0	TH	Lê Văn Lương	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	X.DON G CO- 1B											CDOTOCK50A 1	CDCQ 50
							Lê Văn Lương					1,2,3,4	X.DON G CO- 1B										CDCQ 50
							Lê Văn Lương							1,2,3,4	X.DON G CO- 1B								CDCQ 50
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	X.DON G CO- 1B						CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	X.DON G CO-1B				CDCQ 50
13	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(125)_02_TH	20	0	TH	Dương Đình Vinh	20/10-09/11/25	3	1,2,3,4	X.DON G CO-1B												CDCQ 50
							Dương Đình Vinh					1,2,3,4	X.DON G CO-1B										CDCQ 50
							Dương Đình Vinh							1,2,3,4	X.DON G CO-1B								CDCQ 50
							Dương Đình Vinh									1,2,3,4	X.DON G CO-1B						CDCQ 50
							Dương Đình Vinh											1,2,3,4	X.DON G CO-1B				CDCQ 50
							Dương Đình Vinh																CDCQ 50
14	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(125)_03_TH	20	0	TH	Dương Đình Vinh	10/11-30/11/25	3	1,2,3,4	X.DON G CO-1B												CDCQ 50
							Dương Đình Vinh					1,2,3,4	X.DON G CO-1B										CDCQ 50
							Dương Đình Vinh							1,2,3,4	X.DON G CO-1B								CDCQ 50
							Dương Đình Vinh									1,2,3,4	X.DON G CO-1B						CDCQ 50
							Dương Đình Vinh											1,2,3,4	X.DON G CO-1B				CDCQ 50
							Dương Đình Vinh																CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
15	3DL217 DC	4	Chẩn đoán thiết bị cơ khí(125)_01_TH	23	0	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	11/08-21/09/25	6	1,2,3,4	X.SC.T BCK A											CDKCKCK50A 1	CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan					1,2,3,4	X.SC.T BCK A										CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan							1,2,3,4	X.SC.T BCK A								CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan									1,2,3,4	X.SC.T BCK A						CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan											1,2,3,4	X.SC.T BCK A				CDCQ 50
16	3DL217 DC	4	Chẩn đoán thiết bị cơ khí(125)_02_TH	23	0	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	22/09-02/11/25	6	1,2,3,4	X.SC.T BCK A											CDKCKCK50A 1	CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan					1,2,3,4	X.SC.T BCK A										CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan							1,2,3,4	X.SC.T BCK A								CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan									1,2,3,4	X.SC.T BCK A						CDCQ 50
							Nguyễn Hồng Ngoan											1,2,3,4	X.SC.T BCK A				CDCQ 50
17	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(125)_01_TH	25	0	TH	Phạm Văn Thành	17/11-07/12/25	3	6,7,8,9	X.CHAN DOAN A												CDCQ 49
							Phạm Văn Thành					6,7,8,9	X.CHAN DOAN A										CDCQ 49
							Phạm Văn Thành							6,7,8,9	X.CHAN DOAN A								CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Phạm Văn Thành									6,7,8,9	X.CHAN DOAN A						
							Phạm Văn Thành											6,7,8,9	X.CHAN DOAN A				
18	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(125)_02_TH	25	0	TH	Lê Văn Lương	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	X.CHAN DOAN A												
							Lê Văn Lương					6,7,8,9	X.CHAN DOAN A										
							Lê Văn Lương							6,7,8,9	X.CHAN DOAN A								
							Lê Văn Lương									6,7,8,9	X.CHAN DOAN A						
							Lê Văn Lương											6,7,8,9	X.CHAN DOAN A				
19	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(125)_03_TH	20	0	TH	Đào TấtThắm	10/11-30/11/25	3	1,2,3,4	X.CHAN DOAN B												
							Đào TấtThắm					1,2,3,4	X.CHAN DOAN B										
							Đào TấtThắm							1,2,3,4	X.CHAN DOAN B								
							Đào TấtThắm									1,2,3,4	X.CHAN DOAN B						

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đào TấtThắm											1,2,3,4	X.CHAN DOAN B				CDCQ 50
20	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(125)_04_TH	20	0	TH	Vi Văn Duy	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A												CDCQ 50
							Vi Văn Duy					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A										CDCQ 50
							Vi Văn Duy							1,2,3,4	X.CHAN DOAN A								CDCQ 50
							Vi Văn Duy									1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						CDCQ 50
							Vi Văn Duy											1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				CDCQ 50
							Vi Văn Duy																CDCQ 50
21	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(125)_05_TH	20	0	TH	Vi Văn Duy	03/11-23/11/25	3	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A												CDCQ 50
							Vi Văn Duy					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A										CDCQ 50
							Vi Văn Duy							1,2,3,4	X.CHAN DOAN A								CDCQ 50
							Vi Văn Duy									1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						CDCQ 50
							Vi Văn Duy											1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				CDCQ 50
							Vi Văn Duy																CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
22	3DL218 DC	2	Sửa chữa máy có chuyển động chính là chuyển động quay(125)_01_TH	23	0	TH	Nguyễn Văn Hiếu	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK B											CDKCKCK50A 1	CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu					1,2,3,4	X.SC.T BCK B										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu							1,2,3,4	X.SC.T BCK B								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu									1,2,3,4	X.SC.T BCK B						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu											1,2,3,4	X.SC.T BCK B				CDCQ 50
23	3DL218 DC	2	Sửa chữa máy có chuyển động chính là chuyển động quay(125)_02_TH	23	0	TH	Nguyễn Văn Hiếu	03/11-23/11/25	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK B											CDKCKCK50A 1	CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu					1,2,3,4	X.SC.T BCK B										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu							1,2,3,4	X.SC.T BCK B								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu									1,2,3,4	X.SC.T BCK B						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu											1,2,3,4	X.SC.T BCK B				CDCQ 50
24	3DL220 DC	2	Sửa chữa máy nâng chuyển(125)_01_TH	23	0	TH	Trần Xuân Sơn	03/11-23/11/25	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK A											CDKCKCK50A 1	CDCQ 50
							Trần Xuân Sơn					1,2,3,4	X.SC.T BCK A										CDCQ 50
							Trần Xuân Sơn							1,2,3,4	X.SC.T BCK A								CDCQ 50
							Trần Xuân Sơn									1,2,3,4	X.SC.T BCK A						CDCQ 50
							Trần Xuân Sơn											1,2,3,4	X.SC.T BCK A				CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
25	3DL220 DC	2	Sửa chữa máy nâng chuyển(125)_02_TH	23	0	TH	Nguyễn Văn Hiếu	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK B											CDKCKCK50A 1	CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu					1,2,3,4	X.SC.T BCK B										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu							1,2,3,4	X.SC.T BCK B								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu									1,2,3,4	X.SC.T BCK B						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Hiếu											1,2,3,4	X.SC.T BCK B				CDCQ 50
26	3DL256 DC	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(125)_02_TH	15	0	TH		11/08-19/10/25	10	6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)2												CDCQ 50
										1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)2												CDCQ 50
												6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)2										CDCQ 50
												1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)2										CDCQ 50
														1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)2								CDCQ 50
														6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)2								CDCQ 50
																1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)2						CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)2				CDCQ 50
																		1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)2				CDCQ 50
1	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(125)_04_TH	25	0	TH	Nguyễn Văn Thiêm	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	X.SC.T L-KN A											DHKCKCK19A 2	DHCQ 19
							Nguyễn Văn Thiêm					6,7,8,9	X.SC.T L-KN A										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Thiêm							6,7,8,9	X.SC.T L-KN A								DHCQ 19
							Nguyễn Văn Thiêm									6,7,8,9	X.SC.T L-KN A						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Thiêm											6,7,8,9	X.SC.T L-KN A				DHCQ 19
2	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(125)_05_TH	25	0	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	X.SC.T L-KN A											DHKCKCK19A 2	DHCQ 19
							Nguyễn Hồng Ngoan					6,7,8,9	X.SC.T L-KN A										DHCQ 19
							Nguyễn Hồng Ngoan							6,7,8,9	X.SC.T L-KN A								DHCQ 19
							Nguyễn Hồng Ngoan									6,7,8,9	X.SC.T L-KN A						DHCQ 19
							Nguyễn Hồng Ngoan											6,7,8,9	X.SC.T L-KN A				DHCQ 19
							Trần Xuân Sơn			6,7,8,9	X.LĐ.T BCK C												DHCQ 18
							Trần Xuân Sơn					6,7,8,9	X.LĐ.T BCK C										DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
3	3DL201 DH	2	Bảo dưỡng, sửa chữa dây chuyền sản xuất công nghiệp(125)_01_TH	22	0	TH	Trần Xuân Sơn	22/09-12/10/25	3					6,7,8,9	X.LĐ.T BCK C							DHKCKCK18A 1	DHCQ 18
							Trần Xuân Sơn									6,7,8,9	X.LĐ.T BCK C						DHCQ 18
							Trần Xuân Sơn											6,7,8,9	X.LĐ.T BCK C				DHCQ 18
4	3DL201 DH	2	Bảo dưỡng, sửa chữa dây chuyền sản xuất công nghiệp(125)_02_TH	22	0	TH	Nguyễn Văn Hiếu	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	X.LĐ.T BCK C											DHKCKCK18A 1	DHCQ 18
							Nguyễn Văn Hiếu					6,7,8,9	X.LĐ.T BCK C										DHCQ 18
							Nguyễn Văn Hiếu							6,7,8,9	X.LĐ.T BCK C								DHCQ 18
							Nguyễn Văn Hiếu									6,7,8,9	X.LĐ.T BCK C						DHCQ 18
							Nguyễn Văn Hiếu											6,7,8,9	X.LĐ.T BCK C				DHCQ 18
5	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(125)_01_TH	25	0	TH	Đào TấtThắm	20/10-09/11/25	3	11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 16
							Đào TấtThắm					11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 16
							Đào TấtThắm							11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 16
							Đào TấtThắm									11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 16
							Đào TấtThắm											11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
6	4DL223 DH	2	Bảo trì động cơ đốt trong 1(125)_01_TH	23	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	X.DON G CO-1C												DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	X.DON G CO-1C										DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2,3,4	X.DON G CO-1C								DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	X.DON G CO-1C						DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	X.DON G CO-1C				DHCQ 19
7	4DL223 DH	2	Bảo trì động cơ đốt trong 1(125)_02_TH	23	0	TH	Lê Văn Lương	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	X.DON G CO-1B												DHCQ 19
							Lê Văn Lương					1,2,3,4	X.DON G CO-1B										DHCQ 19
							Lê Văn Lương							1,2,3,4	X.DON G CO-1B								DHCQ 19
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	X.DON G CO-1B						DHCQ 19
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	X.DON G CO-1B				DHCQ 19
							Lê Văn Lương			1,2,3,4	X.DON G CO-1B												DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
8	4DL223 DH	2	Bảo trì động cơ đốt trong 1(125)_03_TH	23	0	TH	Lê Văn Lương	01/09-21/09/25	3			1,2,3,4	X.DON G CO-1B										DHCQ 19
							Lê Văn Lương							1,2,3,4	X.DON G CO-1B								DHCQ 19
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	X.DON G CO-1B						DHCQ 19
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	X.DON G CO-1B				DHCQ 19
9	4DL223 DH	2	Bảo trì động cơ đốt trong 1(125)_04_TH	23	0	TH	Lê Văn Lương	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	X.DON G CO-1C												DHCQ 19
							Lê Văn Lương					1,2,3,4	X.DON G CO-1C										DHCQ 19
							Lê Văn Lương							1,2,3,4	X.DON G CO-1C								DHCQ 19
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	X.DON G CO-1C						DHCQ 19
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	X.DON G CO-1C				DHCQ 19
							Lê Văn Lương			1,2,3,4	X.DON G CO-1C												DHCQ 19
							Lê Văn Lương					1,2,3,4	X.DON G CO-1C										DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
10	4DL223 DH	2	Bảo trì động cơ đốt trong 1(125)_05_TH	23	0	TH	Lê Văn Lương	03/11-23/11/25	3					1,2,3,4	X.DON G CO-1C								DHCQ 19
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	X.DON G CO-1C						DHCQ 19
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	X.DON G CO-1C				DHCQ 19
11	4DL223 DH	2	Bảo trì động cơ đốt trong 1(125)_06_TH	23	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	03/11-23/11/25	3	1,2,3,4	X.DON G CO-1A												DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	X.DON G CO-1A										DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2,3,4	X.DON G CO-1A								DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	X.DON G CO-1A						DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	X.DON G CO-1A				DHCQ 19
12	4DL223 DH	2	Bảo trì động cơ đốt trong 1(125)_07_TH	23	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	01/09-21/09/25	3	1,2,3,4	X.DON G CO-1C												DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	X.DON G CO-1C										DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2,3,4	X.DON G CO-1C								DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	X.DON G CO-1C						DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	X.DON G CO-1C				DHCQ 19
13	4DL223 DH	2	Bảo trì động cơ đốt trong 1(125)_08_TH	23	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	X.DON G CO-1C												DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc					6,7,8,9	X.DON G CO-1C										DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc							6,7,8,9	X.DON G CO-1C								DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc									6,7,8,9	X.DON G CO-1C						DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc											6,7,8,9	X.DON G CO-1C				DHCQ 19
14	4DL223 DH	2	Bảo trì động cơ đốt trong 1(125)_09_TH	23	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	X.DON G CO-1C												DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc					6,7,8,9	X.DON G CO-1C										DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc							6,7,8,9	X.DON G CO-1C								DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc									6,7,8,9	X.DON G CO-1C						DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Hữu Phúc											6,7,8,9	X.DON G CO-1C				DHCQ 19
15	4DL223 DH	2	Bảo trì động cơ đốt trong 1(125)_10_TH	23	0	TH	Lê Văn Lương	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	X.DON G CO-1C												DHCQ 19
							Lê Văn Lương					6,7,8,9	X.DON G CO-1C										DHCQ 19
							Lê Văn Lương							6,7,8,9	X.DON G CO-1C								DHCQ 19
							Lê Văn Lương									6,7,8,9	X.DON G CO-1C						DHCQ 19
							Lê Văn Lương											6,7,8,9	X.DON G CO-1C				DHCQ 19
							Lê Văn Lương																DHCQ 19
16	4DL223 DH	2	Bảo trì động cơ đốt trong 1(125)_11_TH	23	0	TH	Lê Văn Lương	13/10-02/11/25	3	6,7,8,9	X.DON G CO-1B												DHCQ 19
							Lê Văn Lương					6,7,8,9	X.DON G CO-1B										DHCQ 19
							Lê Văn Lương							6,7,8,9	X.DON G CO-1B								DHCQ 19
							Lê Văn Lương									6,7,8,9	X.DON G CO-1B						DHCQ 19
							Lê Văn Lương											6,7,8,9	X.DON G CO-1B				DHCQ 19
							Lê Văn Lương																DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
17	4DL223 DH	2	Bảo trì động cơ đốt trong 1(125)_12_TH	23	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	13/10-02/11/25	3	6,7,8,9	X.DON G CO-1C												DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc					6,7,8,9	X.DON G CO-1C										DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc							6,7,8,9	X.DON G CO-1C								DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc									6,7,8,9	X.DON G CO-1C						DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc											6,7,8,9	X.DON G CO-1C				DHCQ 19
18	4DL223 DH	2	Bảo trì động cơ đốt trong 1(125)_13_TH	23	0	TH	Lê Văn Lương	11/08-31/08/25	3	11,12,13,14	X.DON G CO-1C												DHCQ 19
							Lê Văn Lương					11,12,13,14	X.DON G CO-1C										DHCQ 19
							Lê Văn Lương							11,12,13,14	X.DON G CO-1C								DHCQ 19
							Lê Văn Lương									11,12,13,14	X.DON G CO-1C						DHCQ 19
							Lê Văn Lương											11,12,13,14	X.DON G CO-1C				DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc			11,12,13,14	X.DON G CO-1C												DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
19	4DL223 DH	2	Bảo trì động cơ đốt trong 1(125)_14_TH	23	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	13/10-02/11/25	3			11,12,13,14	X.DON G CO-1C										DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc							11,12,13,14	X.DON G CO-1C								DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc									11,12,13,14	X.DON G CO-1C						DHCQ 19
							Nguyễn Hữu Phúc											11,12,13,14	X.DON G CO-1C				DHCQ 19
20	4DL226 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 2(125)_01_TH_17F	21	0	TH	Phạm Văn Thành	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	X.GA M OTO-1A												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					1,2,3,4	X.GA M OTO-1A										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							1,2,3,4	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành									1,2,3,4	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
							Phạm Văn Thành	01/09-07/09/25	1					1,2,3,4	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
			Bảo trì gầm ô tô 2(125)_01_TH_17F				Phạm Văn Thành									1,2,3,4	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Phạm Văn Thành											1,2	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
							Phạm Văn Thành	08/09-14/09/25	1	1,2,3,4	X.GA M OTO-1A												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					1,2,3,4	X.GA M OTO-1A										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							1,2,3,4	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành																DHCQ 18
							Phạm Văn Thành									1,2,3,4	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
							Dương Đình Vinh	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	X.GA M OTO-1B												DHCQ 18
							Dương Đình Vinh					1,2,3,4	X.GA M OTO-1B										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							1,2,3,4	X.GA M OTO-1B								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh									1,2,3,4	X.GA M OTO-1B						DHCQ 18
							Dương Đình Vinh											1,2,3,4	X.GA M OTO-1B				DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
21	4DL226 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 2(125)_02_TH_1F8	21	0	TH	Dương Đình Vinh	01/09-07/09/25	1					1,2,3,4	X.GA M OTO-1B								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh									1,2,3,4	X.GA M OTO-1B						
							Dương Đình Vinh											1,2	X.GA M OTO-1B				
							Dương Đình Vinh	08/09-14/09/25	1	1,2,3,4	X.GA M OTO-1B												
							Dương Đình Vinh					1,2,3,4	X.GA M OTO-1B										
							Dương Đình Vinh							1,2,3,4	X.GA M OTO-1B								
							Dương Đình Vinh									1,2,3,4	X.GA M OTO-1B						
							Dương Đình Vinh											1,2,3,4	X.GA M OTO-1B				
							Phạm Văn Thành	15/09-12/10/25	4	1,2,3,4	X.GA M OTO-1B												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					1,2,3,4	X.GA M OTO-1B										
							Phạm Văn Thành							1,2,3,4	X.GA M OTO-1B								

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
22	4DL226 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 2(125)_03_TH_107	21	0	TH	Phạm Văn Thành									1,2,3,4	X.GA M OTO-1B						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	X.GA M OTO-1B				DHCQ 18
							Phạm Văn Thành	13/10-19/10/25	1	1,2,3,4	X.GA M OTO-1B												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					1,2,3,4	X.GA M OTO-1B										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							1,2	X.GA M OTO-1B								DHCQ 18
23	4DL226 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 2(125)_04_TH_114	21	0	TH	Dương Đình Vinh	15/09-12/10/25	4	1,2,3,4	X.GA M OTO-1A												DHCQ 18
							Dương Đình Vinh					1,2,3,4	X.GA M OTO-1A										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							1,2,3,4	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh									1,2,3,4	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18
							Dương Đình Vinh											1,2,3,4	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
							Dương Đình Vinh			1,2,3,4	X.GA M OTO-1A												DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Dương Đình Vinh	13/10-19/10/25	1			1,2,3,4	X.GA M OTO-1A										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							1,2	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							3,4	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành	13/10-19/10/25	1							1,2,3,4	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
							Phạm Văn Thành			1,2,3,4	X.GA M OTO-1A												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					1,2,3,4	X.GA M OTO-1A										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành	20/10-16/11/25	4					1,2,3,4	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành									1,2,3,4	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
							Phạm Văn Thành			6,7,8,9	X.GA M OTO-1A												DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
25	4DL226 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 2(125)_06_TH_187	21	0	TH	Phạm Văn Thành	11/08-31/08/25	3			6,7,8,9	X.GA M OTO-1A										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							6,7,8,9	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành									6,7,8,9	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											6,7,8,9	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
							Phạm Văn Thành	01/09-07/09/25	1					6,7,8,9	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành									6,7,8,9	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											6,7	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
							Phạm Văn Thành	08/09-14/09/25	1	6,7,8,9	X.GA M OTO-1A												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					6,7,8,9	X.GA M OTO-1A										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							6,7,8,9	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành									6,7,8,9	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Phạm Văn Thành											6,7,8,9	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
26	4DL226 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 2(125)_07_TH_19C	21	0	TH	Dương Đình Vinh	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	X.GA M OTO-1B												DHCQ 18
							Dương Đình Vinh					6,7,8,9	X.GA M OTO-1B										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							6,7,8,9	X.GA M OTO-1B								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh									6,7,8,9	X.GA M OTO-1B						DHCQ 18
							Dương Đình Vinh											6,7,8,9	X.GA M OTO-1B				DHCQ 18
							Dương Đình Vinh	01/09-07/09/25	1					6,7,8,9	X.GA M OTO-1B								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh									6,7,8,9	X.GA M OTO-1B						DHCQ 18
							Dương Đình Vinh											6,7	X.GA M OTO-1B				DHCQ 18
							Dương Đình Vinh			6,7,8,9	X.GA M OTO-1B												DHCQ 18
							Dương Đình Vinh					6,7,8,9	X.GA M OTO-1B										DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Dương Đình Vinh	08/09-14/09/25	1					6,7,8,9	X.GA M OTO- 1B								
							Dương Đình Vinh									6,7,8,9	X.GA M OTO- 1B						
							Dương Đình Vinh											6,7,8,9	X.GA M OTO- 1B				
							Phạm Văn Thành			6,7,8,9	X.GA M OTO- 1A												
							Phạm Văn Thành					6,7,8,9	X.GA M OTO- 1A										
							Phạm Văn Thành	15/09-12/10/25	4					6,7,8,9	X.GA M OTO- 1A								
							Phạm Văn Thành									6,7,8,9	X.GA M OTO- 1A						
							Phạm Văn Thành											6,7,8,9	X.GA M OTO- 1A				
							Phạm Văn Thành			6,7,8,9	X.GA M OTO- 1A												
							Phạm Văn Thành	13/10-19/10/25	1					6,7,8,9	X.GA M OTO- 1A								
							Phạm Văn Thành							6,7	X.GA M OTO- 1A								

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
28	4DL226 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 2(125)_09_TH_11E	21	0	TH	Dương Đình Vinh	13/10-19/10/25	1					8,9	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh									6,7,8,9	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18
							Dương Đình Vinh											6,7,8,9	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
							Dương Đình Vinh	20/10-16/11/25	4	6,7,8,9	X.GA M OTO-1A												DHCQ 18
							Dương Đình Vinh					6,7,8,9	X.GA M OTO-1A										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							6,7,8,9	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh									6,7,8,9	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18
							Dương Đình Vinh											6,7,8,9	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
							Phạm Văn Thành	13/10-19/10/25	1					8,9	X.GA M OTO-1B								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành									6,7,8,9	X.GA M OTO-1B						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											6,7,8,9	X.GA M OTO-1B				DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
29	4DL226 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 2(125)_10_TH_1F8	21	0	TH	Phạm Văn Thành	20/10-16/11/25	4	6,7,8,9	X.GA M OTO-1B												DHCQ 18
							Phạm Văn Thành					6,7,8,9	X.GA M OTO-1B										DHCQ 18
							Phạm Văn Thành							6,7,8,9	X.GA M OTO-1B								DHCQ 18
							Phạm Văn Thành									6,7,8,9	X.GA M OTO-1B						DHCQ 18
							Phạm Văn Thành											6,7,8,9	X.GA M OTO-1B				DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ	11/08-31/08/25	3	11,12,13,14	X.GA M OTO-1A												DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ					11,12,13,14	X.GA M OTO-1A										DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ							11,12,13,14	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ									11,12,13,14	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ											11,12,13,14	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ							11,12,13,14	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
30	4DL226 DH	3	Bảo trì gầm ô tô 2(125)_11_TH_1D5	21	0	TH	Hoàng Văn Thụ	01/09-07/09/25	1							11,12,13,14	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ											11,12	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ	08/09-14/09/25	1	11,12,13,14	X.GA M OTO-1A												DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ					11,12,13,14	X.GA M OTO-1A										DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ							11,12,13,14	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ									11,12,13,14	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18
							Hoàng Văn Thụ											11,12,13,14	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
31	4DL226 Đ	3	Bảo trì gầm ô tô	21	0	TH	Dương Đình Vinh	15/09-12/10/25	4	11,12,13,14	X.GA M OTO-1A												DHCQ 18
							Dương Đình Vinh					11,12,13,14	X.GA M OTO-1A										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							11,12,13,14	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
							Dương Đình Vinh									11,12,13,14	X.GA M OTO-1A						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
31	DH	3	2(125)_12_TH_1F5	21	0	TH	Dương Đình Vinh											11,12,13,14	X.GA M OTO-1A				DHCQ 18
							Dương Đình Vinh	13/10-19/10/25	1	11,12,13,14	X.GA M OTO-1A												DHCQ 18
							Dương Đình Vinh					11,12,13,14	X.GA M OTO-1A										DHCQ 18
							Dương Đình Vinh							11,12	X.GA M OTO-1A								DHCQ 18
32	4DL227 DH	3	Bảo trì trang bị điện ô tô 1(125)_01_TH_1BF	21	0	TH	Trần Viết Phương	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 18
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 18
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 18
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 18
							Trần Viết Phương	01/09-07/09/25	1					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Viết Phương											1,2	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 18
							Trần Viết Phương	08/09-14/09/25	1	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 18
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 18
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 18
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 18
33	4DL227 DH	3	Bảo trì trang bị điện ô tô 1(125)_02_TH_12E	21	0	TH	Trần Viết Phương	15/09-12/10/25	4	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 18
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 18
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 18
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Viết Phương	13/10-19/10/25	1	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 18
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 18
							Trần Viết Phương							1,2	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18
34	4DL227 DH	3	Bảo trì trang bị điện ô tô 1(125)_03_TH_114	21	0	TH	Lê Xuân Đồng	22/09-19/10/25	4	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1A												DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1A										DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	X.DIE N OTO-1A								DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1A						DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	X.DIE N OTO-1A				DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng	20/10-26/10/25	1	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1A												DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1A										DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng							1,2	X.DIE N OTO-1A								DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
35	4DL227 DH	3	Bảo trì trang bị điện ô tô 1(125)_04_TH_191	21	0	TH	Trần Viết Phương	13/10-19/10/25	1					3,4	X.DIE N OTO-1B								
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B						
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B				
							Trần Viết Phương	20/10-16/11/25	4	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B												
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B										
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B								
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B						
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B				
							Lê Xuân Đồng	20/10-26/10/25	1					3,4	X.DIE N OTO-1C								
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C						
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C				

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
36	4DL227 DH	3	Bảo trì trang bị điện ô tô 1(125)_05_TH_158	21	0	TH	Lê Xuân Đồng	27/10-23/11/25	4	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 18
							Trần Viết Phương	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 18
							Trần Viết Phương					6,7,8,9	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 18
							Trần Viết Phương							6,7,8,9	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18
							Trần Viết Phương									6,7,8,9	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 18
							Trần Viết Phương											6,7,8,9	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 18
							Trần Viết Phương							6,7,8,9	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
37	4DL227 DH	3	Bảo trì trang bị điện ô tô 1(125)_06_TH_1DB	21	0	TH	Trần Viết Phương	01/09-07/09/25	1							6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1C						DHCQ 18
							Trần Viết Phương											6,7	X.DIE N OTO- 1C				DHCQ 18
							Trần Viết Phương	08/09-14/09/25	1	6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1C												DHCQ 18
							Trần Viết Phương					6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1C										DHCQ 18
							Trần Viết Phương							6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1C								DHCQ 18
							Trần Viết Phương									6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1C						DHCQ 18
							Trần Viết Phương											6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1C				DHCQ 18
38	4DL227 ĐH	3	Bảo trì trang bị điện ô tô	21	0	TH	Lê Xuân Đồng	22/09-19/10/25	4	6,7,8,9	X.GA M OTO- 1C												DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng					6,7,8,9	X.GA M OTO- 1C										DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng							6,7,8,9	X.GA M OTO- 1C								DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng									6,7,8,9	X.GA M OTO- 1C						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
38	DH	3	1(125)_07_TH_171	21	0	TH	Lê Xuân Đồng	20/10-26/10/25	1									6,7,8,9	X.GA M OTO- 1C				DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng			6,7,8,9	X.GA M OTO- 1C												DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng					6,7,8,9	X.GA M OTO- 1C										DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng							6,7	X.GA M OTO- 1C								DHCQ 18
39	4DL227 DH	3	Bảo trì trang bị điện ô tô 1(125)_08_TH_1CA	21	0	TH	Trần Viết Phương	15/09-12/10/25	4	6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1C												DHCQ 18
							Trần Viết Phương					6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1C										DHCQ 18
							Trần Viết Phương							6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1C								DHCQ 18
							Trần Viết Phương									6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1C						DHCQ 18
							Trần Viết Phương											6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1C				DHCQ 18
							Trần Viết Phương	13/10-19/10/25	1	6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1C												DHCQ 18
							Trần Viết Phương					6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1C										DHCQ 18
							Trần Viết Phương																DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Viết Phương							6,7	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18
40	4DL227 DH	3	Bảo trì trang bị điện ô tô 1(125)_09_TH_11C	21	0	TH	Trần Viết Phương	13/10-19/10/25	1					8,9	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 18
							Trần Viết Phương									6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B						DHCQ 18
							Trần Viết Phương											6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B				DHCQ 18
							Trần Viết Phương	20/10-16/11/25	4	6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B												DHCQ 18
							Trần Viết Phương					6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B										DHCQ 18
							Trần Viết Phương							6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 18
							Trần Viết Phương									6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B						DHCQ 18
							Trần Viết Phương											6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B				DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng	20/10-26/10/25	1					8,9	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng									6,7,8,9	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
41	4DL227 DH	3	Bảo trì trang bị điện ô tô 1(125)_10_TH_1B6	21	0	TH	Lê Xuân Đồng											6,7,8,9	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng	27/10-23/11/25	4	6,7,8,9	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng					6,7,8,9	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng							6,7,8,9	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng									6,7,8,9	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 18
							Lê Xuân Đồng											6,7,8,9	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 18
							Đào TấtThắm	11/08-31/08/25	3	11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 18
							Đào TấtThắm					11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 18
							Đào TấtThắm							11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18
							Đào TấtThắm									11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 18
							Đào TấtThắm											11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
42	4DL227 DH	3	Bảo trì trang bị điện ô tô 1(125)_11_TH_13A	21	0	TH	Đào TấtThắm	01/09-07/09/25	1					11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18
							Đào TấtThắm									11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 18
							Đào TấtThắm											11,12	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 18
							Đào TấtThắm	08/09-14/09/25	1	11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 18
							Đào TấtThắm					11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 18
							Đào TấtThắm							11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18
							Đào TấtThắm									11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 18
							Đào TấtThắm											11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 18
							Đào TấtThắm	15/09-12/10/25	4	11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 18
							Đào TấtThắm					11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 18
							Đào TấtThắm							11,12,13,14	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
43	4DL227 DH	3	Bảo trì trang bị điện ô tô 1(125)_12_TH_140	21	0	TH	Đào TấtThắm									11,12,1 3,14	X.DIE N OTO- 1C						DHCQ 18
							Đào TấtThắm											11,12,1 3,14	X.DIE N OTO- 1C				DHCQ 18
							Đào TấtThắm	13/10-19/10/25	1	11,12,1 3,14	X.DIE N OTO- 1C												DHCQ 18
							Đào TấtThắm					11,12,1 3,14	X.DIE N OTO- 1C										DHCQ 18
							Đào TấtThắm							11,12	X.DIE N OTO- 1C								DHCQ 18
44	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(125)_01_TH	20	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1B											DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Phúc					6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1B										DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Phúc							6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1B								DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Phúc									6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1B						DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Phúc											6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1B				DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng			6,7,8,9	X.DIE N OTO- 1B												DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
45	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(125)_02_TH	20	0	TH	Lê Xuân Đồng	01/09-21/09/25	3			6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B									DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng							6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng									6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B						DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng											6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B				DHCQ 17
46	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(125)_03_TH	20	0	TH	Lê Xuân Đồng	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B											DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng					6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B										DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng							6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng									6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B						DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng											6,7,8,9	X.DIE N OTO-1B				DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng			1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B												DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B										DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
47	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(125)_04_TH	20	0	TH	Lê Xuân Đồng	11/08-31/08/25	3					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B							DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B						DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B				DHCQ 17
48	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(125)_05_TH	20	0	TH	Lê Xuân Đồng	01/09-21/09/25	3	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B											DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B										DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B						DHCQ 17
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B				DHCQ 17
49	4DL228 DH	2	Bảo trì trang bị điện ô tô 2(125)_06_TH	20	0	TH	Nguyễn Hữu Phúc	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B											DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B										DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B						DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B				DHCQ 17
50	4DL122 DH	2	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô(125)_01	60	0	LT	Dương Xuân Mỹ	11/08-23/11/25	15			1,2	A2.101									DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
51	4DL122 DH	2	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô(125)_02	60	0	LT	Dương Xuân Mỹ	11/08-23/11/25	15					9,10	A2.101							DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
52	3DL149 DH	2	Công nghệ chẩn đoán(125)_01	44	0	LT	Nguyễn Thanh Bình	11/08-23/11/25	15									3,4	A2.102			DHKCKCK18A 1	DHCQ 18
53	3DL146 DC	3	Công nghệ sửa chữa thiết bị cơ khí(125)_01	44	0	LT	Nguyễn Thanh Bình	11/08-23/11/25	15			1,2,3	A2.102									DHKCKCK18A 1	DHCQ 18
54	3DL347 DC	1	Đồ án Công nghệ sửa chữa thiết bị cơ khí(125)_01_DA	44	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHKCKCK18A 1	DHCQ 18
55	3DL313 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(125)_01_DA	55	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHOTOCK18A 1	DHCQ 18
56	3DL313 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(125)_02_DA	60	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHOTOCK18A 3	DHCQ 18
57	3DL313 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(125)_03_DA	55	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHOTOCK18A 2	DHCQ 18
58	3DL313 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(125)_04_DA	60	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHOTOCK18A 4	DHCQ 18
59	3DL313 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(125)_05_DA	55	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHOTOCK18A 5	DHCQ 18
60	3DL317 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(125)_01_DA	60	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
61	3DL317 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(125)_02_DA	60	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
62	3DL223 DC	2	Gia công lắp ghép sản phẩm(125)_01_TH	25	0	TH	Nguyễn Văn Hiếu	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	X.LĐ.T BCK A											DHKCKCK19A 2	DHCQ 19
							Nguyễn Văn Hiếu					6,7,8,9	X.LĐ.T BCK A										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Hiếu							6,7,8,9	X.LĐ.T BCK A								DHCQ 19
							Nguyễn Văn Hiếu									6,7,8,9	X.LĐ.T BCK A						DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Văn Hiếu											6,7,8,9	X.LĐ.T BCK A				DHCQ 19
63	3DL223 DC	2	Gia công lắp ghép sản phẩm(125)_02_TH	25	0	TH	Nguyễn Văn Hiếu	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	X.LĐ.T BCK A												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Hiếu					6,7,8,9	X.LĐ.T BCK A										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Hiếu							6,7,8,9	X.LĐ.T BCK A							DHKCKCK19A 2	DHCQ 19
							Nguyễn Văn Hiếu									6,7,8,9	X.LĐ.T BCK A						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Hiếu											6,7,8,9	X.LĐ.T BCK A				DHCQ 19
64	4DL112 DH	3	Hệ thống điện – điện tử ô tô(125)_01	52	0	LT	Nguyễn VănĐại	11/08-23/11/25	15					3,4,5	A2.108							DHOTOCK18A 1	DHCQ 18
65	4DL112 DH	3	Hệ thống điện – điện tử ô tô(125)_02	53	0	LT	Nguyễn VănĐại	11/08-23/11/25	15									3,4,5	A2.106			DHOTOCK18A 3	DHCQ 18
66	4DL112 DH	3	Hệ thống điện – điện tử ô tô(125)_03	52	0	LT	Nguyễn VănĐại	11/08-23/11/25	15							3,4,5	A2.107					DHOTOCK18A 2	DHCQ 18
67	4DL112 DH	3	Hệ thống điện – điện tử ô tô(125)_04	60	0	LT	Nguyễn VănĐại	11/08-23/11/25	15	6,7,8	A2.108											DHOTOCK18A 4	DHCQ 18
68	4DL112 DH	3	Hệ thống điện – điện tử ô tô(125)_05	55	0	LT	Nguyễn VănĐại	11/08-23/11/25	15							6,7,8	A2.108					DHOTOCK18A 5	DHCQ 18
69	4DL126 DH	3	Hệ thống điều khiển tự động trên ô tô(125)_01	60	0	LT	Nguyễn VănĐại	11/08-23/11/25	15	3,4,5	A2.101											DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
70	4DL126 DH	3	Hệ thống điều khiển tự động trên ô tô(125)_02	60	0	LT	Nguyễn VănĐại	11/08-23/11/25	15					6,7,8	A2.101							DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
71	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(125)_01	52	0	LT	Nguyễn Hữu Chính	11/08-23/11/25	15							3,4,5	A2.108					DHOTOCK18A 1	DHCQ 18
72	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(125)_02	53	0	LT	Nguyễn Ngọc Tú	11/08-23/11/25	15			3,4,5	A2.106									DHOTOCK18A 3	DHCQ 18
73	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(125)_03	55	0	LT	Nguyễn Ngọc Tú	11/08-23/11/25	15	3,4,5	A2.107											DHOTOCK18A 2	DHCQ 18
74	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(125)_04	60	0	LT	Nguyễn Ngọc Tú	11/08-23/11/25	15			6,7,8	A2.108									DHOTOCK18A 4	DHCQ 18
75	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(125)_05	55	0	LT	Nguyễn Ngọc Tú	11/08-23/11/25	15	6,7,8	A2.107											DHOTOCK18A 5	DHCQ 18
76	3DL130 DH	2	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô tô(125)_01	45	0	LT	Dương Xuân Mỹ	11/08-23/11/25	15					7,8	A2.107								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
77	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(125)_01	53	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	11/08-23/11/25	15	1,2,3	A2.210											DHOTOCK19A1	DHCQ19
78	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(125)_02	52	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	11/08-23/11/25	15					1,2,3	A2.210							DHOTOCK19A2	DHCQ19
79	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(125)_03	52	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	11/08-23/11/25	15									1,2,3	A2.211			DHOTOCK19A3	DHCQ19
80	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(125)_04	52	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	11/08-23/11/25	15	6,7,8	A2.210											DHOTOCK19A4	DHCQ19
81	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(125)_05	52	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	11/08-23/11/25	15									8,9,10	A2.211			DHOTOCK19A5	DHCQ19
82	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(125)_06	52	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	11/08-23/11/25	15							6,7,8	A2.106					DHOTOCK19A6	DHCQ19
83	3DL134 DH	2	Thiết bị xường ô tô(125)_01	60	0	LT	Dương Xuân Mỹ	11/08-23/11/25	15					3,4	A2.101							DHOTOCK17A1	DHCQ17
84	3DL134 DH	2	Thiết bị xường ô tô(125)_02	60	0	LT	Dương Xuân Mỹ	11/08-23/11/25	15			8,9	A2.101									DHOTOCK17A2	DHCQ17
85	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(125)_01	60	0	LT	Dương Xuân Mỹ	11/08-23/11/25	15									3,4	A2.101			DHOTOCK17A1	DHCQ17
86	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(125)_02	60	0	LT	Dương Xuân Mỹ	11/08-23/11/25	15			6,7	A2.101									DHOTOCK17A2	DHCQ17
87	4DL222 DH	2	Thực tập máy nén và thủy lực(125)_01_TH	20	0	TH	Trần Xuân Sơn	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	X.SC.T L-KN B											DHOTOCK17A1	DHCQ17
							Trần Xuân Sơn					6,7,8,9	X.SC.T L-KN B										DHCQ17
							Trần Xuân Sơn							6,7,8,9	X.SC.T L-KN B								DHCQ17
							Trần Xuân Sơn									6,7,8,9	X.SC.T L-KN B						DHCQ17
							Trần Xuân Sơn											6,7,8,9	X.SC.T L-KN B				DHCQ17
88	4DL222 DH	2	Thực tập máy nén và thủy lực(125)_02_TH	20	0	TH	Trần Xuân Sơn	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	X.SC.T L-KN B											DHOTOCK17A1	DHCQ17
							Trần Xuân Sơn					6,7,8,9	X.SC.T L-KN B										DHCQ17
							Trần Xuân Sơn							6,7,8,9	X.SC.T L-KN B								DHCQ17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Xuân Sơn									6,7,8,9	X.SC.T L-KN B						DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn											6,7,8,9	X.SC.T L-KN B				DHCQ 17
89	4DL222 DH	2	Thực tập máy nén và thủy lực(125)_03_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Thiêm	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	X.SC.T L-KN A											DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm					6,7,8,9	X.SC.T L-KN A										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm							6,7,8,9	X.SC.T L-KN A								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm									6,7,8,9	X.SC.T L-KN A						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm											6,7,8,9	X.SC.T L-KN A				DHCQ 17
90	4DL222 DH	2	Thực tập máy nén và thủy lực(125)_04_TH	20	0	TH	Trần Xuân Sơn	01/09-21/09/25	3	1,2,3,4	X.SC.T L-KN B											DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn					1,2,3,4	X.SC.T L-KN B										DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn							1,2,3,4	X.SC.T L-KN B								DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn									1,2,3,4	X.SC.T L-KN B						DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn											1,2,3,4	X.SC.T L-KN B				DHCQ 17
91	4DL222 DH	2	Thực tập máy nén và thủy lực(125)_05_TH	20	0	TH	Trần Xuân Sơn	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	X.SC.T L-KN B											DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn					1,2,3,4	X.SC.T L-KN B										DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn							1,2,3,4	X.SC.T L-KN B								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Xuân Sơn									1,2,3,4	X.SC.T L-KN B						DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn											1,2,3,4	X.SC.T L-KN B				DHCQ 17
92	4DL222 DH	2	Thực tập máy nén và thủy lực(125)_06_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Thiêm	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A											DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm					1,2,3,4	X.SC.T L-KN A										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm							1,2,3,4	X.SC.T L-KN A								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm									1,2,3,4	X.SC.T L-KN A						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm											1,2,3,4	X.SC.T L-KN A				DHCQ 17
93	5DL202 DH	8	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(125)_01_TH_19C	50	0	TH		11/08-05/10/25	8	6,7,8,9	Thực tập TN(KC K)1											DHKCKCK17A 1	DHCQ 17
										1,2,3,4	Thực tập TN(KC K)1												DHCQ 17
												6,7,8,9	Thực tập TN(KC K)1										DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(KC K)1										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(KC K)1								DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(KC K)1								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	Thực tập TN(KC K)1						DHCQ 17
																6,7,8,9	Thực tập TN(KC K)1						DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(KC K)1				DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(KC K)1				DHCQ 17
94	4DL259 DH	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(125)_01_TH_1AA	15	0	TH		11/08-19/10/25	10	6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)4												DHCQ 16
										1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)4												DHCQ 16
												6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)4										DHCQ 16
												1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)4										DHCQ 16
														1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)4								DHCQ 16
														6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)4								DHCQ 16
																1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)4						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa							
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học									
																6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)4						DHCQ 16							
																		6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)4				DHCQ 16							
																		1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)4				DHCQ 16							
95	5DL259 DH	8	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(125)_01_TH_1AE	160	0	TH	11/08-05/10/25	8	6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1													DHCQ 17							
									1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1															DHCQ 17					
											6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1														DHCQ 17				
											1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1															DHCQ 17			
													1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1													DHCQ 17			
													6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1														DHCQ 17		
															1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1												DHCQ 17		
																	6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1												DHCQ 17
																					1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1								DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(Oto)1							DHCQ 17								

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa				
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học						
																		6,7,8,9	Thực tập TN(Oto))1				DHCQ 17				
																		1,2,3,4	Thực tập TN(Oto))1				DHCQ 17				
96	5DL260 DH	8	Thực tập tốt nghiệp(125)_01_TH_129	160	0	TH		06/10-30/11/25	8	6,7,8,9	Thực tập TN(Oto))1												DHCQ 17				
							1,2,3,4			Thực tập TN(Oto))1												DHCQ 17					
											6,7,8,9	Thực tập TN(Oto))1										DHCQ 17					
											1,2,3,4	Thực tập TN(Oto))1										DHCQ 17					
													1,2,3,4	Thực tập TN(Oto))1								DHCQ 17					
															6,7,8,9	Thực tập TN(Oto))1							DHCQ 17				
																	1,2,3,4	Thực tập TN(Oto))1						DHCQ 17			
																			6,7,8,9	Thực tập TN(Oto))1					DHCQ 17		
																					1,2,3,4	Thực tập TN(Oto))1					DHCQ 17
																						6,7,8,9	Thực tập TN(Oto))1				
																6,7,8,9	Thực tập TN(Oto))1				DHCQ 17						

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4	Thực tập TN(Oto)1				DHCQ 17
97	5DL203 DH	8	Thực tập tốt nghiệp(125)_01_TH_171	50	0	TH		06/10-30/11/25	8	6,7,8,9	Thực tập TN(KC K)1												DHCQ 17
										1,2,3,4	Thực tập TN(KC K)1												DHCQ 17
												6,7,8,9	Thực tập TN(KC K)1										DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(KC K)1										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(KC K)1								DHCQ 17
																							DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(KC K)1								DHCQ 17
																1,2,3,4	Thực tập TN(KC K)1						DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(KC K)1				DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(KC K)1				DHCQ 17
																							DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(KC K)1				DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
98	4DL260 DH	10	Thực tập tốt nghiệp(125)_01_TH_18F	15	0	TH		20/10-28/12/25	10	6,7,8,9	Thực tập TN(Oto))4												DHCQ 16
										1,2,3,4	Thực tập TN(Oto))4												DHCQ 16
												6,7,8,9	Thực tập TN(Oto))4										DHCQ 16
												1,2,3,4	Thực tập TN(Oto))4										DHCQ 16
														1,2,3,4	Thực tập TN(Oto))4								DHCQ 16
														6,7,8,9	Thực tập TN(Oto))4								DHCQ 16
																1,2,3,4	Thực tập TN(Oto))4						DHCQ 16
																6,7,8,9	Thực tập TN(Oto))4						DHCQ 16
																		6,7,8,9	Thực tập TN(Oto))4				DHCQ 16
																		1,2,3,4	Thực tập TN(Oto))4				DHCQ 16
99	4DL233 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(125)_02_DA	40	0	DA		11/08-23/11/25	15														DHCQ 16
100	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(125)_01	52	0	LT	Đương Xuân Mỹ	11/08-23/11/25	15									1,2	A2.108			DHOTOCK18A 1	DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
101	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(125)_02	53	0	LT	Dương Xuân Mỹ	11/08-23/11/25	15					1,2	A2.106							DHOTOCK18A3	DHCQ18
102	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(125)_03	52	0	LT	Dương Xuân Mỹ	11/08-23/11/25	15			3,4	A2.107									DHOTOCK18A2	DHCQ18
103	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(125)_04	60	0	LT	Dương Xuân Mỹ	11/08-23/11/25	15									8,9	A2.108			DHOTOCK18A4	DHCQ18
104	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(125)_05	55	0	LT	Dương Xuân Mỹ	11/08-23/11/25	15									6,7	A2.107			DHOTOCK18A5	DHCQ18

Đơn vị đảm nhận : Khoa Công nghệ Thông tin

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3TN102 CD	2	Bảo mật thông tin(125)_01	36	0	LT	Hồ Ngọc Vinh	11/08-23/11/25	15									1,2	A2.207 (TA)			DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
2	3TN102 CD	2	Bảo mật thông tin(125)_02	36	0	LT	Hồ Ngọc Vinh	11/08-23/11/25	15							8,9	A2.102					DHCTTCK18A 2	DHCQ 18
3	3TN106 CD	2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật(125)_01	46	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	11/08-23/11/25	15			8,9	A2.307 (TA)									Ghép: DHKTMCK18 A1 + DHCTTCK19A 2	DHCQ 18
4	3TN106 CD	2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật(125)_02	50	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	11/08-23/11/25	15					3,4	A2.302							DHCTTCK19A 1	DHCQ 19
5	3TN109 CD	2	Cấu trúc máy tính(125)_01	9	0	LT	Vũ Thị Thu Hiền	11/08-23/11/25	15					8,9	A3.302							DHKTMCCK18 A1	DHCQ 18
6	3TN110 DH	3	Điện toán đám mây(125)_01	36	0	LT	Vũ Thị Thu Hiền	11/08-23/11/25	15							1,2,3	A3.302					DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
7	3TN110 DH	3	Điện toán đám mây(125)_02	36	0	LT	Vũ Thị Thu Hiền	11/08-23/11/25	15									8,9,10	A3.302			DHCTTCK18A 2	DHCQ 18
8	4TN301 DH	1	Đồ án phát triển ứng dụng Web(125)_01_DA	39	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
9	4TN301 DH	1	Đồ án phát triển ứng dụng Web(125)_02_DA	36	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHCTTCK18A 2	DHCQ 18
10	4TN205 CD	2	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server(125)_01_TH	25	0	TH	Lê Thị Linh	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	A3.402											DHCTTCK19A 1	DHCQ 19
							Lê Thị Linh					6,7,8,9	A3.402										DHCQ 19
							Lê Thị Linh							6,7,8,9	A3.402								DHCQ 19
							Lê Thị Linh									6,7,8,9	A3.402						DHCQ 19
							Lê Thị Linh											6,7,8,9	A3.402				DHCQ 19
11	4TN205 CD	2	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server(125)_02_TH	25	0	TH	Phạm Thị Đào	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	A3.402											DHCTTCK19A 1	DHCQ 19
							Phạm Thị Đào					6,7,8,9	A3.402										DHCQ 19
							Phạm Thị Đào							6,7,8,9	A3.402								DHCQ 19
							Phạm Thị Đào									6,7,8,9	A3.402						DHCQ 19
							Phạm Thị Đào											6,7,8,9	A3.402				DHCQ 19
							Phạm Thị Đào			1,2,3,4	A3.402												DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
12	4TN205 CD	2	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server(125)_03_TH	37	0	TH	Phạm Thị Đào	11/08-31/08/25	3			1,2,3,4	A3.402									DHCTTCK19A 2	DHCQ 19
							Phạm Thị Đào							1,2,3,4	A3.402								DHCQ 19
							Phạm Thị Đào									1,2,3,4	A3.402						DHCQ 19
							Phạm Thị Đào											1,2,3,4	A3.402				DHCQ 19
13	3TN118 DH	3	Khai phá dữ liệu(125)_01	36	0	LT	Trần Thị Gia	11/08-23/11/25	15					1,2,3	A2.207 (TA)							DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
14	3TN118 DH	3	Khai phá dữ liệu(125)_02	36	0	LT	Lê Thanh Tươi	11/08-23/11/25	15					8,9,10	A2.102							DHCTTCK18A 2	DHCQ 18
15	2TN033 DH	2	Lập trình song song(125)_01	36	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	11/08-23/11/25	15	1,2	A2.207 (TA)											DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
16	2TN033 DH	2	Lập trình song song(125)_02	36	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	11/08-23/11/25	15			6,7	A2.102									DHCTTCK18A 2	DHCQ 18
17	4TN105 DH	2	Lập trình Windows(125)_01	50	0	LT	Phạm T.Thanh Bình	11/08-23/11/25	15									1,2	A2.106			DHCTTCK19A 1	DHCQ 19
18	4TN105 DH	2	Lập trình Windows(125)_02	37	0	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	11/08-23/11/25	15	8,9	A2.308 (TA)											DHCTTCK19A 2	DHCQ 19
19	3TN116 DH	2	Mẫu thiết kế cho phần mềm(125)_01	36	0	LT	Nguyễn Quốc Khánh	11/08-23/11/25	15									3,4	A3.301			DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
20	3TN116 DH	2	Mẫu thiết kế cho phần mềm(125)_02_198	36	0	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	11/08-23/11/25	15			8,9	A2.102									DHCTTCK18A 2	DHCQ 18
21	3TN105 CD	2	Phân tích thiết kế hệ thống với UML(125)_01	50	0	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	11/08-23/11/25	15					1,2	A2.302							DHCTTCK19A 1	DHCQ 19
22	3TN105 CD	2	Phân tích thiết kế hệ thống với UML(125)_02	37	0	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	11/08-23/11/25	15	6,7	A2.308 (TA)											DHCTTCK19A 2	DHCQ 19
23	4TN204 CD	4	Phát triển ứng dụng di động 1(125)_01_TH	36	0	TH	Võ Thị Kim Hoa	01/09-12/10/25	6	6,7,8,9	A3.306											DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
							Võ Thị Kim Hoa					6,7,8,9	A3.306										DHCQ 18
							Võ Thị Kim Hoa							6,7,8,9	A3.306								DHCQ 18
							Võ Thị Kim Hoa									6,7,8,9	A3.306						DHCQ 18
							Võ Thị Kim Hoa											6,7,8,9	A3.306				DHCQ 18
24	4TN204 CD	4	Phát triển ứng dụng di động 1(125)_02_TH_1CD	36	0	TH	Trần Bình Giang	11/08-21/09/25	6			1,2,3,4	A3.306									DHCTTCK18A 2	DHCQ 18
							Trần Bình Giang							1,2,3,4	A3.306								DHCQ 18
							Trần Bình Giang									1,2,3,4	A3.306						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Bình Giang											1,2,3,4	A3.306				DHCQ 18
							Trần Bình Giang													1,2,3,4	A3.306		DHCQ 18
25	4TN203 DC	4	Phát triển ứng dụng Web 1(125)_01_TH	25	0	TH	Phạm T.Thanh Bình	11/08-21/09/25	6	6,7,8,9	A3.404											DHCTTCK19A 1	DHCQ 19
							Phạm T.Thanh Bình					6,7,8,9	A3.404										DHCQ 19
							Phạm T.Thanh Bình							6,7,8,9	A3.404								DHCQ 19
							Phạm T.Thanh Bình									6,7,8,9	A3.404						DHCQ 19
							Phạm T.Thanh Bình											6,7,8,9	A3.404				DHCQ 19
							Phạm T.Thanh Bình											6,7,8,9	A3.404				DHCQ 19
26	4TN203 DC	4	Phát triển ứng dụng Web 1(125)_02_TH	25	0	TH	Nguyễn Quốc Khánh	13/10-23/11/25	6	6,7,8,9	A3.404											DHCTTCK19A 1	DHCQ 19
							Nguyễn Quốc Khánh					6,7,8,9	A3.404										DHCQ 19
							Nguyễn Quốc Khánh							6,7,8,9	A3.404								DHCQ 19
							Nguyễn Quốc Khánh									6,7,8,9	A3.404						DHCQ 19
							Nguyễn Quốc Khánh											6,7,8,9	A3.404				DHCQ 19
27	4TN203 DC	4	Phát triển ứng dụng Web 1(125)_03_TH	37	0	TH	Nguyễn Thị Lan Anh	01/09-21/09/25	3	1,2,3,4	A3.402											DHCTTCK19A 2	DHCQ 19
							Nguyễn Thị Lan Anh					1,2,3,4	A3.402										DHCQ 19
							Nguyễn Thị Lan Anh							1,2,3,4	A3.402								DHCQ 19
							Nguyễn Thị Lan Anh									1,2,3,4	A3.402						DHCQ 19
							Nguyễn Thị Lan Anh											1,2,3,4	A3.402				DHCQ 19
							Phạm Thị Đào	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A3.402												DHCQ 19
							Phạm Thị Đào					1,2,3,4	A3.402										DHCQ 19
							Phạm Thị Đào							1,2,3,4	A3.402								DHCQ 19
							Phạm Thị Đào									1,2,3,4	A3.402						DHCQ 19
							Phạm Thị Đào											1,2,3,4	A3.402				DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
28	4TN221 DH	2	Phát triển ứng dụng Windows 2(125)_01_TH	36	0	TH	Nguyễn Thị Phương Thủy	11/08-31/08/25	3			6,7,8,9	A3.304									DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
							Nguyễn Thị Phương Thủy							6,7,8,9	A3.304								DHCQ 18
							Nguyễn Thị Phương Thủy									6,7,8,9	A3.304						DHCQ 18
							Nguyễn Thị Phương Thủy											6,7,8,9	A3.304				DHCQ 18
							Nguyễn Thị Phương Thủy													6,7,8,9	A3.304		DHCQ 18
29	4TN221 DH	2	Phát triển ứng dụng Windows 2(125)_02_TH_1A0	36	0	TH	Phạm T.Thanh Bình	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A3.304											DHCTTCK18A 2	DHCQ 18
							Phạm T.Thanh Bình					1,2,3,4	A3.304										DHCQ 18
							Phạm T.Thanh Bình							1,2,3,4	A3.304								DHCQ 18
							Phạm T.Thanh Bình									1,2,3,4	A3.304						DHCQ 18
							Phạm T.Thanh Bình													1,2,3,4	A3.304		DHCQ 18
30	5TN207 DH	8	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(125)_01_TH_15E	120	0	TH		11/08-05/10/25	8	6,7,8,9	TTTN											DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
										1,2,3,4	TTTN												DHCQ 17
												6,7,8,9	TTTN										DHCQ 17
												1,2,3,4	TTTN										DHCQ 17
														1,2,3,4	TTTN								DHCQ 17
														6,7,8,9	TTTN								DHCQ 17
																1,2,3,4	TTTN						DHCQ 17
																6,7,8,9	TTTN						DHCQ 17
																		6,7,8,9	TTTN				DHCQ 17
																		1,2,3,4	TTTN				DHCQ 17
										6,7,8,9	TTTN												DHCQ 17
										1,2,3,4	TTTN												DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
31	5TN208 DH	8	Thực tập tốt nghiệp(125)_01_TH_1CC	120	0	TH		06/10-30/11/25	8			6,7,8,9	TTTN									DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
												1,2,3,4	TTTN										DHCQ 17
														1,2,3,4	TTTN								DHCQ 17
														6,7,8,9	TTTN								DHCQ 17
																1,2,3,4	TTTN						DHCQ 17
																6,7,8,9	TTTN						DHCQ 17
																		6,7,8,9	TTTN				DHCQ 17
																		6,7,8,9	TTTN				DHCQ 17
																		1,2,3,4	TTTN				DHCQ 17
32	4TN210 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(125)_01_DA	15	0	DA		11/08-23/11/25	15														DHCQ 16
33	3TN002 DH	2	Toán rời rạc(125)_01	50	0	LT	Trần Thị Gia	11/08-23/11/25	15			3,4	A2.301									DHCTTCK19A 1	DHCQ 19
34	3TN002 DH	2	Toán rời rạc(125)_02	37	0	LT	Trần Thị Gia	11/08-23/11/25	15							6,7	A2.308 (TA)					DHCTTCK19A 2	DHCQ 19
35	4TN125 DH	2	Ứng dụng AI trong công nghệ thông tin(125)_01	36	0	LT	Trần Bình Giang	11/08-23/11/25	15	3,4	A2.207 (TA)											DHCTTCK18A 1	DHCQ 18
36	4TN125 DH	2	Ứng dụng AI trong công nghệ thông tin(125)_02	36	0	LT	Trần Bình Giang	11/08-23/11/25	15	6,7	A2.102											DHCTTCK18A 2	DHCQ 18

Đơn vị đảm nhận : Khoa Điện - Điện tử

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DN104 CD	2	Cơ sở điều khiển tự động(125)_01	20	0	LT	Bùi ThanhHòa	11/08-23/11/25	15											1,2	A2.103	CDTDHCK50A 1	CDCQ 50
2	3DN103 CD	2	Cung cấp điện(125)_01	62	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	11/08-23/11/25	15									1,2	A2.101			Ghép: CDDCNCK50A 1 + CDDDTCK50A 1	CDCQ 50
3	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(125)_01_TH	22	0	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	A3-308												CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Tuấn					6,7,8,9	A3-308										CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Tuấn							6,7,8,9	A3-308								CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Tuấn									6,7,8,9	A3-308						CDCQ 50
							Nguyễn Khắc Tuấn											6,7,8,9	A3-308				CDCQ 50
4	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(125)_02_TH	22	0	TH	Phạm VănTuấn	24/11-13/12/25	3	1,2,3,4	A3-308												CDCQ 49
							Phạm VănTuấn					1,2,3,4	A3-308										CDCQ 49
							Phạm VănTuấn									1,2,3,4	A3-308						CDCQ 49
							Phạm VănTuấn											1,2,3,4	A3-308				CDCQ 49
							Phạm VănTuấn													1,2,3,4	A3-308		CDCQ 49
5	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(125)_01_TH	21	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	13/10-02/11/25	3	6,7,8,9	A4-101												CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng					6,7,8,9	A4-101										CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng							6,7,8,9	A4-101								CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng									6,7,8,9	A4-101						CDCQ 50
							Hoàng Nghĩa Thắng											6,7,8,9	A4-101				CDCQ 50
6	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(125)_02_TH	21	0	TH	Đặng Quang Khoa	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A4-101												CDCQ 49
							Đặng Quang Khoa					1,2,3,4	A4-101										CDCQ 49
							Đặng Quang Khoa							1,2,3,4	A4-101								CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đặng Quang Khoa									11,12,13,14	A4-101						CDCQ 49
							Đặng Quang Khoa											1,2,3,4	A4-101				CDCQ 49
7	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rò le(125)_01_TH	21	0	TH	Nguyễn Văn Độ	24/11-14/12/25	3	1,2,3,4	A3-109												CDCQ 49
							Nguyễn Văn Độ							1,2,3,4	A3-109								CDCQ 49
							Nguyễn Văn Độ									1,2,3,4	A3-109						CDCQ 49
							Nguyễn Văn Độ											1,2,3,4	A3-109				CDCQ 49
							Nguyễn Văn Độ													1,2,3,4	A3-109		CDCQ 49
							Nguyễn Văn Độ														1,2,3,4	A3-109	CDCQ 49
8	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rò le(125)_02_TH	21	0	TH	Nguyễn Văn Độ	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	A3-109												CDCQ 50
							Nguyễn Văn Độ					6,7,8,9	A3-109										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Độ							6,7,8,9	A3-109								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Độ									6,7,8,9	A3-109						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Độ											6,7,8,9	A3-109				CDCQ 50
							Nguyễn Văn Độ																CDCQ 50
9	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(125)_01_TH	22	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	A4.306												CDCQ 50
							Nguyễn Đăng Thông					6,7,8,9	A4.306										CDCQ 50
							Nguyễn Đăng Thông									6,7,8,9	A4.306						CDCQ 50
							Nguyễn Đăng Thông											6,7,8,9	A4.306				CDCQ 50
							Nguyễn Đăng Thông													6,7,8,9	A4.306		CDCQ 50
							Nguyễn Đăng Thông																CDCQ 50
10	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(125)_02_TH	22	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	01/09-21/09/25	3	11,12,13,14	A4.306												CDCQ 50
							Nguyễn Đăng Thông					11,12,13,14	A4.306										CDCQ 50
							Nguyễn Đăng Thông							11,12,13,14	A4.306								CDCQ 50
							Nguyễn Đăng Thông									11,12,13,14	A4.306						CDCQ 50
							Nguyễn Đăng Thông											11,12,13,14	A4.306				CDCQ 50
							Nguyễn Đăng Thông																CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
11	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(125)_03_TH	22	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	03/11-23/11/25	3	6,7,8,9	A4.306												
							Nguyễn Đăng Thông					6,7,8,9	A4.306										
							Nguyễn Đăng Thông									6,7,8,9	A4.306						
							Nguyễn Đăng Thông											6,7,8,9	A4.306				
							Nguyễn Đăng Thông													6,7,8,9	A4.306		
12	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(125)_04_TH	22	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	03/11-23/11/25	3	11,12,13,14	A4.306												
							Nguyễn Đăng Thông					11,12,13,14	A4.306										
							Nguyễn Đăng Thông							11,12,13,14	A4.306								
							Nguyễn Đăng Thông									11,12,13,14	A4.306						
							Nguyễn Đăng Thông											11,12,13,14	A4.306				
13	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(125)_05_TH	22	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	11/08-31/08/25	3	11,12,13,14	A4.306												
							Nguyễn Đăng Thông					11,12,13,14	A4.306										
							Nguyễn Đăng Thông							11,12,13,14	A4.306								
							Nguyễn Đăng Thông									11,12,13,14	A4.306						
							Nguyễn Đăng Thông											11,12,13,14	A4.306				
14	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(125)_06_TH	22	0	TH	Trần Thu Trà	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	A3-309												
							Trần Thu Trà					1,2,3,4	A3-309										
							Trần Thu Trà							1,2,3,4	A3-309								
							Trần Thu Trà									1,2,3,4	A3-309						
							Trần Thu Trà											1,2,3,4	A3-309				
			Lắp đặt mạch điện các bộ				Trần Thu Trà			1,2,3,4	A3-309												
							Trần Thu Trà					1,2,3,4	A3-309										

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
15	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(125)_07_TH	22	0	TH	Trần Thu Trà	01/09-21/09/25	3					1,2,3,4	A3-309								
							Trần Thu Trà									1,2,3,4	A3-309						
							Trần Thu Trà											1,2,3,4	A3-309				
16	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(125)_01_TH	21	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	A4-101												
							Hoàng Nghĩa Thắng					6,7,8,9	A4-101										
							Hoàng Nghĩa Thắng							6,7,8,9	A4-101								
							Hoàng Nghĩa Thắng									6,7,8,9	A4-101						
							Hoàng Nghĩa Thắng											6,7,8,9	A4-101				
17	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(125)_02_TH	21	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	03/11-23/11/25	3	1,2,3,4	A4-101												
							Hoàng Nghĩa Thắng					1,2,3,4	A4-101										
							Hoàng Nghĩa Thắng							1,2,3,4	A4-101								
							Hoàng Nghĩa Thắng									1,2,3,4	A4-101						
							Hoàng Nghĩa Thắng											1,2,3,4	A4-101				
18	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(125)_01_TH	25	0	TH	Nguyễn Văn Minh	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A3-207												
							Nguyễn Văn Minh					1,2,3,4	A3-207										
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A3-207								
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A3-207						
							Nguyễn Văn Minh											1,2,3,4	A3-207				
19	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(125)_02_TH	25	0	TH	Nguyễn Văn Minh	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	A3-207												
							Nguyễn Văn Minh					1,2,3,4	A3-207										
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A3-207								
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A3-207						

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Văn Minh											1,2,3,4	A3-207				CDCQ 49
20	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(125)_03_TH	25	0	TH	Nguyễn Văn Minh	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	A3-207												CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh					6,7,8,9	A3-207										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh							6,7,8,9	A3-207								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh									6,7,8,9	A3-207						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh											6,7,8,9	A3-207				CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh																CDCQ 50
21	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(125)_04_TH	25	0	TH	Nguyễn Văn Minh	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	A3-207												CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh					6,7,8,9	A3-207										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh							6,7,8,9	A3-207								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh									6,7,8,9	A3-207						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh											6,7,8,9	A3-207				CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh																CDCQ 50
22	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(125)_05_TH	25	0	TH	Nguyễn Văn Minh	01/09-21/09/25	3	11,12,13,14	A3-207												CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh					11,12,13,14	A3-207										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh							11,12,13,14	A3-207								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh									11,12,13,14	A3-207						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh											11,12,13,14	A3-207				CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh																CDCQ 50
23	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(125)_01_TH	21	0	TH	Hà Quốc Tuấn	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	A4-202												CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn					6,7,8,9	A4-202										CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn							6,7,8,9	A4-202								CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn									6,7,8,9	A4-202						CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn											6,7,8,9	A4-202				CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn			11,12,13,14	A4-202												CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn			11,12,13,14	A4-202												CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
24	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(125)_02_TH	21	0	TH	Hà Quốc Tuấn	11/08-31/08/25	3			11,12,13,14	A4-202										CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn							11,12,13,14	A4-202								CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn									11,12,13,14	A4-202						CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn											11,12,13,14	A4-202				CDCQ 50
25	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(125)_03_TH	21	0	TH	Nguyễn Văn Minh	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	A4-202												CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh					6,7,8,9	A4-202										CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh							6,7,8,9	A4-202								CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh									6,7,8,9	A4-202						CDCQ 50
							Nguyễn Văn Minh											6,7,8,9	A4-202				CDCQ 50
26	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(125)_01_TH	22	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	03/11-22/11/25	3	1,2,3,4	A3-112												CDCQ 49
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A3-112										CDCQ 49
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							11,12,13,14	A3-112								CDCQ 49
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A3-112						CDCQ 49
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A3-112				CDCQ 49
27	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(125)_02_TH	22	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	A3-112												CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					6,7,8,9	A3-112										CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							6,7,8,9	A3-112								CDCQ 50
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									6,7,8,9	A3-112						CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											6,7,8,9	A3-112				CDCQ 50
28	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_01_TH	23	0	TH	Nguyễn Anh Tuấn	22/09-12/10/25	3	11,12,13,14	A3-110												CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn					11,12,13,14	A3-110										CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn							11,12,13,14	A3-110								CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn									11,12,13,14	A3-110						CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn											11,12,13,14	A3-110				CDCQ 50
29	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_01_TH_105	22	0	TH	Nguyễn Anh Tuấn	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	A3-110												CDCQ 49
							Nguyễn Anh Tuấn					1,2,3,4	A3-110										CDCQ 49
							Nguyễn Anh Tuấn							1,2,3,4	A3-110								CDCQ 49
							Nguyễn Anh Tuấn									1,2,3,4	A3-110						CDCQ 49
							Nguyễn Anh Tuấn											1,2,3,4	A3-110				CDCQ 49
30	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_02_TH	23	0	TH	Nguyễn Anh Tuấn	01/09-21/09/25	3	1,2,3,4	A3-110												CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn					1,2,3,4	A3-110										CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn							1,2,3,4	A3-110								CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn									1,2,3,4	A3-110						CDCQ 50
							Nguyễn Anh Tuấn											1,2,3,4	A3-110				CDCQ 50
31	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_02_TH_1C1	22	0	TH	Nguyễn Thanh Long	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	A3-108												CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long					1,2,3,4	A3-108										CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long							1,2,3,4	A3-108								CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long									1,2,3,4	A3-108						CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long											1,2,3,4	A3-108				CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long			1,2,3,4	A3-108												CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
32	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_03_TH	22	0	TH	Nguyễn Thanh Long	01/09-21/09/25	3			1,2,3,4	A3-108										CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long							1,2,3,4	A3-108								CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long									1,2,3,4	A3-108						CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long											1,2,3,4	A3-108				CDCQ 49
33	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_04_TH	22	0	TH	Nguyễn Thanh Long	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	A3-108												CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long					6,7,8,9	A3-108										CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long							6,7,8,9	A3-108								CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long									6,7,8,9	A3-108						CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long											6,7,8,9	A3-108				CDCQ 49
34	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(125)_01_TH	25	0	TH	Nguyễn Thanh Long	03/11-23/11/25	3	6,7,8,9	A3-310												CDCQ 50
							Nguyễn Thanh Long					6,7,8,9	A3-310										CDCQ 50
							Nguyễn Thanh Long							6,7,8,9	A3-310								CDCQ 50
							Nguyễn Thanh Long									6,7,8,9	A3-310						CDCQ 50
							Nguyễn Thanh Long											6,7,8,9	A3-310				CDCQ 50
35	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(125)_02_TH	25	0	TH	Nguyễn Thanh Long	13/10-02/11/25	3	6,7,8,9	A3-310												CDCQ 50
							Nguyễn Thanh Long					6,7,8,9	A3-310										CDCQ 50
							Nguyễn Thanh Long							6,7,8,9	A3-310								CDCQ 50
							Nguyễn Thanh Long									6,7,8,9	A3-310						CDCQ 50
							Nguyễn Thanh Long											6,7,8,9	A3-310				CDCQ 50
36	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(125)_03_TH	25	0	TH	Nguyễn Thanh Long	03/11-23/11/25	3	1,2,3,4	A3-310												CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long					1,2,3,4	A3-310										CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long							1,2,3,4	A3-310								CDCQ 49

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Thanh Long									1,2,3,4	A3-310						CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long											1,2,3,4	A3-310				CDCQ 49
37	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(125)_04_TH	25	0	TH	Nguyễn Thanh Long	24/11-14/12/25	3	1,2,3,4	A3-310												CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long					1,2,3,4	A3-310										CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long							1,2,3,4	A3-310								CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long									1,2,3,4	A3-310						CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long											1,2,3,4	A3-310				CDCQ 49
							Nguyễn Thanh Long											1,2,3,4	A3-310				CDCQ 49
38	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(125)_01_TH	25	0	TH	Bùi Xuân Vinh	13/10-02/11/25	3	6,7,8,9	A4-207												CDCQ 50
							Bùi Xuân Vinh					6,7,8,9	A4-207										CDCQ 50
							Bùi Xuân Vinh							6,7,8,9	A4-207								CDCQ 50
							Bùi Xuân Vinh									6,7,8,9	A4-207						CDCQ 50
							Bùi Xuân Vinh											6,7,8,9	A4-207				CDCQ 50
39	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(125)_01_TH	25	0	TH	Hà Quốc Tuấn	03/11-23/11/25	3	11,12,13,14	A4-103												CDCQ 49
							Hà Quốc Tuấn					11,12,13,14	A4-103										CDCQ 49
							Hà Quốc Tuấn							11,12,13,14	A4-103								CDCQ 49
							Hà Quốc Tuấn									11,12,13,14	A4-103						CDCQ 49
							Hà Quốc Tuấn											11,12,13,14	A4-103				CDCQ 49
40	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(125)_02_TH	25	0	TH	Hà Quốc Tuấn	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	A4-103												CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn					6,7,8,9	A4-103										CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn							6,7,8,9	A4-103								CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn									6,7,8,9	A4-103						CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn											6,7,8,9	A4-103				CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
41	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(125)_03_TH	25	0	TH	Hà Quốc Tuấn	13/10-02/11/25	3	6,7,8,9	A4-103												CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn					6,7,8,9	A4-103										CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn							6,7,8,9	A4-103								CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn									6,7,8,9	A4-103						CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn											6,7,8,9	A4-103				CDCQ 50
42	3DN220 CD	2	Sửa chữa thiết bị điện hạ áp(125)_01_TH	22	0	TH	Hà Quốc Tuấn	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A4-202											CDMDKCK50 A1	CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn					1,2,3,4	A4-202										CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn							1,2,3,4	A4-202								CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn									1,2,3,4	A4-202						CDCQ 50
							Hà Quốc Tuấn											1,2,3,4	A4-202				CDCQ 50
43	3DN220 CD	2	Sửa chữa thiết bị điện hạ áp(125)_01_TH_17C	22	0	TH	Hà Quốc Tuấn	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	A4-202												CDCQ 49
							Hà Quốc Tuấn					6,7,8,9	A4-202										CDCQ 49
							Hà Quốc Tuấn							6,7,8,9	A4-202								CDCQ 49
							Hà Quốc Tuấn									6,7,8,9	A4-202						CDCQ 49
							Hà Quốc Tuấn											6,7,8,9	A4-202				CDCQ 49
1	4DN154 DH	2	Điều khiển logic(125)_01	62	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	22/09-04/01/26	15	3,4	A2.204											DHTDHCK19A 1	DHCQ 19
2	4DN154 DH	2	Điều khiển logic(125)_02	62	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	22/09-04/01/26	15	1,2	A2.203											DHTDHCK19A 2	DHCQ 19
3	4DN154 DH	2	Điều khiển logic(125)_03	63	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	22/09-04/01/26	15								8,9	A2.203				DHTDHCK19A 3	DHCQ 19
4	1DN246 A	2	Điều khiển Logic và lập	25	0	TH	Nguyễn Anh Tuấn	13/10-09/11/25	4	1,2,3,4	A3-108											DHCDTCK18A	DHCQ 18
							Nguyễn Anh Tuấn					1,2,3,4	A3-108										DHCQ 18
							Nguyễn Anh Tuấn							1,2,3,4	A3-108								DHCQ 18
							Nguyễn Anh Tuấn									1,2,3,4	A3-108						DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
	DH		trình PLC(125)_01_TH			TH	Nguyễn Anh Tuấn											1,2,3,4	A3-108			1	DHCQ 18
							Nguyễn Anh Tuấn	10/11-16/11/25	1	1,2,3,4	A3-108												DHCQ 18
							Nguyễn Anh Tuấn					1,2,3,4	A3-108										DHCQ 18
							Nguyễn Anh Tuấn							1,2	A3-108								DHCQ 18
5	4DN320 DH	1	Đồ án cung cấp điện(125)_01_DA	65	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHDDTCK18A 1	DHCQ 18
6	4DN320 DH	1	Đồ án cung cấp điện(125)_02_DA	60	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHDDTCK18A 2	DHCQ 18
7	4DN320 DH	1	Đồ án cung cấp điện(125)_03_DA	65	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHDDTCK18A 3	DHCQ 18
8	4DN230 DH	10	Đồ án tốt nghiệp(125)_01_DA	40	0	DA		11/08-23/11/25	15														DHCQ 16
9	4DN229 DH	10	Đồ án tốt nghiệp(125)_02_DA	40	0	DA		11/08-23/11/25	15														DHCQ 16
10	4DN321 DH	1	Đồ án truyền động điện(125)_01_DA	49	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHTDHCK18A 1	DHCQ 18
11	4DN321 DH	1	Đồ án truyền động điện(125)_02_DA	53	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHTDHCK18A 2	DHCQ 18
12	4DN321 DH	1	Đồ án truyền động điện(125)_03_DA	55	0	DA		11/08-23/11/25	15													DHTDHCK18A 3	DHCQ 18
13	3DN139 DH	2	Hệ thống thông tin công nghiệp(125)_01	45	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	11/08-23/11/25	15			1,2	A2.103									DHDDTCK18A 1	DHCQ 18
14	3DN139 DH	2	Hệ thống thông tin công nghiệp(125)_02	45	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	11/08-23/11/25	15			3,4	A2.104									DHDDTCK18A 2	DHCQ 18
15	3DN139 DH	2	Hệ thống thông tin công nghiệp(125)_03	50	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	11/08-23/11/25	15									6,7	A2.103			DHDDTCK18A 3	DHCQ 18
16	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(125)_03_TH_16D	20	0	TH	Nguyễn Văn Độ	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	A3-308												DHCQ 18
							Nguyễn Văn Độ							1,2,3,4	A3-308								DHCQ 18
							Nguyễn Văn Độ									1,2,3,4	A3-308						DHCQ 18
							Nguyễn Văn Độ											1,2,3,4	A3-308				DHCQ 18
							Nguyễn Văn Độ													1,2,3,4	A3-308		DHCQ 18
			Kết nối mạng truyền thông				Phạm Văn Tuấn			1,2,3,4	A3-308												DHCQ 18
							Phạm Văn Tuấn					1,2,3,4	A3-308										DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
17	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(125)_04_TH_119	20	0	TH	Phạm VănTuấn	01/09-21/09/25	3					1,2,3,4	A3-308								DHCQ 18
							Phạm VănTuấn									1,2,3,4	A3-308						DHCQ 18
							Phạm VănTuấn											1,2,3,4	A3-308				DHCQ 18
18	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(125)_05_TH_18B	20	0	TH	Phạm VănTuấn	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A3-308												DHCQ 18
							Phạm VănTuấn					1,2,3,4	A3-308										DHCQ 18
							Phạm VănTuấn									1,2,3,4	A3-308						DHCQ 18
							Phạm VănTuấn											1,2,3,4	A3-308				DHCQ 18
							Phạm VănTuấn													1,2,3,4	A3-308		DHCQ 18
							Phạm VănTuấn																DHCQ 18
19	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(125)_06_TH_190	20	0	TH	Nguyễn VănĐộ	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	A3-308												DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ							1,2,3,4	A3-308								DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ									1,2,3,4	A3-308						DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ											1,2,3,4	A3-308				DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ													1,2,3,4	A3-308		DHCQ 18
							Nguyễn VănĐộ																DHCQ 18
20	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(125)_07_TH_1EE	20	0	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	A3-308												DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn					6,7,8,9	A3-308										DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn							6,7,8,9	A3-308								DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn									6,7,8,9	A3-308						DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn											6,7,8,9	A3-308				DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn																DHCQ 18
21	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(125)_08_TH_18D	20	0	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	A3-308												DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn					6,7,8,9	A3-308										DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn							6,7,8,9	A3-308								DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn									6,7,8,9	A3-308						DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn																DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Khắc Tuấn													6,7,8,9	A3-308		DHCQ 18
22	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(125)_09_TH_13A	20	0	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	13/10-02/11/25	3	6,7,8,9	A3-308												DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn					6,7,8,9	A3-308										DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn							6,7,8,9	A3-308								DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn									6,7,8,9	A3-308						DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn													6,7,8,9	A3-308		DHCQ 18
							Nguyễn Khắc Tuấn																DHCQ 18
23	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(125)_01	50	0	LT	Trần Thu Trà	22/09-04/01/26	15							6,7	A2.204					DHDDTCK19A 1	DHCQ 19
24	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(125)_02	50	0	LT	Trần Duy Trinh	22/09-04/01/26	15									6,7	A2.209			DHDDTCK19A 2	DHCQ 19
25	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(125)_03	60	0	LT	Trần Duy Trinh	22/09-04/01/26	15			1,2	A2.209									DHDDTCK19A 3	DHCQ 19
26	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(125)_04	62	0	LT	Trần Duy Trinh	22/09-04/01/26	15	1,2	A2.204											DHTDHCK19A 1	DHCQ 19
27	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(125)_05	62	0	LT	Trần Duy Trinh	22/09-04/01/26	15									1,2	A2.203			DHTDHCK19A 2	DHCQ 19
28	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(125)_06	63	0	LT	Trần Thu Trà	22/09-04/01/26	15							8,9	A2.203					DHTDHCK19A 3	DHCQ 19
29	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện từ(125)_01	42	0	LT	Trần Thị Thương	11/08-23/11/25	15					1,2,3	A2.301							DHCTMCK18(GCK)	DHCQ 18
30	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện từ(125)_02_1D6	47	0	LT	Trần Thị Thương	11/08-23/11/25	15	1,2,3	A2.301											DHKCKCK19A 2	DHCQ 19
31	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện từ(125)_03	67	0	LT	Trần Thị Thương	11/08-23/11/25	15			6,7,8	A2.211									Ghép: DHSPNCK19A 1 + DHOTOCK19A 5	DHCQ 19
32	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện từ(125)_04	53	0	LT	Trần Thị Thương	11/08-23/11/25	15									1,2,3	A2.107			DHOTOCK19A 1	DHCQ 19
33	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện từ(125)_05	52	0	LT	Dương Thị TuyếtMai	11/08-23/11/25	15									1,2,3	A2.210			DHOTOCK19A 2	DHCQ 19
34	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện từ(125)_06	52	0	LT	Dương Thị TuyếtMai	11/08-23/11/25	15					3,4,5	A2.211							DHOTOCK19A 3	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
35	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(125)_07	52	0	LT	Dương Thị TuyếtMai	11/08-23/11/25	15									8,9,10	A2.210			DHOTOCK19A4	DHCQ19
36	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(125)_09	52	0	LT	Dương Thị TuyếtMai	11/08-23/11/25	15	6,7,8	A2.106											DHOTOCK19A6	DHCQ19
37	1DN164 DH	3	Kỹ thuật điều khiển tự động (+Bài tập dài)(125)_01	20	0	LT	Nguyễn Anh Tuấn	11/08-23/11/25	15					6,7,8	A2.207 (TA)							DHCDTCK18A1	DHCQ18
38	4DN150 DH	2	Kỹ thuật đo lường và cảm biến(125)_01	50	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	22/09-04/01/26	15			9,10	A2.204									DHDDTCK19A1	DHCQ19
39	4DN150 DH	2	Kỹ thuật đo lường và cảm biến(125)_02	50	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	22/09-04/01/26	15			6,7	A2.209									DHDDTCK19A2	DHCQ19
40	4DN150 DH	2	Kỹ thuật đo lường và cảm biến(125)_03	60	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	22/09-04/01/26	15			3,4	A2.209									DHDDTCK19A3	DHCQ19
41	4DN151 DH	2	Kỹ thuật lập trình(125)_01	65	0	LT	Nguyễn Minh Quân	11/08-23/11/25	15					1,2	A2.103							DHDDTCK18A1	DHCQ18
42	4DN151 DH	2	Kỹ thuật lập trình(125)_02	65	0	LT	Nguyễn Minh Quân	11/08-23/11/25	15					3,4	A2.104							DHDDTCK18A2	DHCQ18
43	4DN151 DH	2	Kỹ thuật lập trình(125)_03	65	0	LT	Nguyễn Minh Quân	11/08-23/11/25	15			6,7	A2.103									DHDDTCK18A3	DHCQ18
44	3DN234 DH	2	Lắp đặt hệ thống đo và điều khiển bằng máy tính(125)_01_TH	25	0	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	11T-403											DHCDTCK18A1	DHCQ18
							Nguyễn Thị Thanh Bình					1,2,3,4	11T-403										DHCQ18
							Nguyễn Thị Thanh Bình							1,2,3,4	11T-403								DHCQ18
							Nguyễn Thị Thanh Bình									1,2,3,4	11T-403						DHCQ18
							Nguyễn Thị Thanh Bình											1,2,3,4	11T-403				DHCQ18
45	3DN234 DH	2	Lắp đặt hệ thống đo và điều khiển bằng máy tính(125)_02_TH	25	0	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	03/11-23/11/25	3	1,2,3,4	11T-403												DHCQ16
							Nguyễn Thị Thanh Bình			6,7,8,9	11T-403												DHCQ16
							Nguyễn Thị Thanh Bình							6,7,8,9	11T-403								DHCQ16
							Nguyễn Thị Thanh Bình									6,7,8,9	11T-403						DHCQ16
							Nguyễn Thị Thanh Bình											6,7,8,9	11T-403				DHCQ16
46	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(125)_08_TH 1DC	20	0	TH	Trần Thu Trà	03/11-23/11/25	3	1,2,3,4	A3-309												DHCQ18
							Trần Thu Trà					1,2,3,4	A3-309										DHCQ18
							Trần Thu Trà							1,2,3,4	A3-309								DHCQ18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Thu Trà									1,2,3,4	A3-309						DHCQ 18
							Trần Thu Trà											1,2,3,4	A3-309				DHCQ 18
47	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(125)_09_TH_115	20	0	TH	Trần Thu Trà	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A3-309												DHCQ 18
							Trần Thu Trà					1,2,3,4	A3-309										DHCQ 18
							Trần Thu Trà							1,2,3,4	A3-309								DHCQ 18
							Trần Thu Trà									1,2,3,4	A3-309						DHCQ 18
							Trần Thu Trà											1,2,3,4	A3-309				DHCQ 18
48	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(125)_10_TH_1D1	20	0	TH	Trần Thu Trà	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	A3-309												DHCQ 18
							Trần Thu Trà					1,2,3,4	A3-309										DHCQ 18
							Trần Thu Trà							1,2,3,4	A3-309								DHCQ 18
							Trần Thu Trà									1,2,3,4	A3-309						DHCQ 18
49	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(125)_11_TH_158	20	0	TH	Trần Thu Trà	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	A3-309												DHCQ 18
							Trần Thu Trà					6,7,8,9	A3-309										DHCQ 18
							Trần Thu Trà							6,7,8,9	A3-309								DHCQ 18
							Trần Thu Trà									6,7,8,9	A3-309						DHCQ 18
							Trần Thu Trà											6,7,8,9	A3-309				DHCQ 18
50	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(125)_12_TH_159	20	0	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	A3-309												DHCQ 18
							Nguyễn Thị Thanh Bình							6,7,8,9	A3-309								DHCQ 18
							Nguyễn Thị Thanh Bình									6,7,8,9	A3-309						DHCQ 18
							Nguyễn Thị Thanh Bình											6,7,8,9	A3-309				DHCQ 18
							Nguyễn Thị Thanh Bình													6,7,8,9	A3-309		DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
51	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(125)_13_TH_12E	20	0	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	13/10-02/11/25	3	6,7,8,9	A3-309												DHCQ 18
							Nguyễn Thị Thanh Bình							6,7,8,9	A3-309								DHCQ 18
							Nguyễn Thị Thanh Bình									6,7,8,9	A3-309						DHCQ 18
							Nguyễn Thị Thanh Bình											6,7,8,9	A3-309				DHCQ 18
							Nguyễn Thị Thanh Bình													6,7,8,9	A3-309		DHCQ 18
52	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(125)_14_TH_167	20	0	TH	Nguyễn Văn Minh	03/11-23/11/25	3	6,7,8,9	A3-309												DHCQ 18
							Nguyễn Văn Minh					6,7,8,9	A3-309										DHCQ 18
							Nguyễn Văn Minh							6,7,8,9	A3-309								DHCQ 18
							Nguyễn Văn Minh									6,7,8,9	A3-309						DHCQ 18
							Nguyễn Văn Minh											6,7,8,9	A3-309				DHCQ 18
53	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(125)_01_TH	23	0	TH	Nguyễn Minh Thư	22/09-12/10/25	3			1,2,3,4	A4-102									DHCDTCK19A 1	DHCQ 19
							Nguyễn Minh Thư							1,2,3,4	A4-102								DHCQ 19
							Nguyễn Minh Thư									1,2,3,4	A4-102						DHCQ 19
							Nguyễn Minh Thư											1,2,3,4	A4-102				DHCQ 19
							Nguyễn Minh Thư													1,2,3,4	A4-102		DHCQ 19
54	3DN227 DH	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển quá trình(125)_01_TH	25	0	TH	Bùi ThanhHòa	11/08-31/08/25	3	6,7,8,9	11T-403												DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa					6,7,8,9	11T-403										DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa							6,7,8,9	11T-403								DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa									6,7,8,9	11T-403						DHCQ 16
							Bùi ThanhHòa											6,7,8,9	11T-403				DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng			6,7,8,9	A4-102												DHCQ 18
							Hoàng Nghĩa Thắng					6,7,8,9	A4-102										DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
55	4DN214 DC	2	Lắp đặt mạch điện máy công nghiệp(125)_01_TH	22	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	11/08-31/08/25	3					6,7,8,9	A4-102							DHKCKCK18A1	DHCQ18
							Hoàng Nghĩa Thắng									6,7,8,9	A4-102						DHCQ18
							Hoàng Nghĩa Thắng											6,7,8,9	A4-102				DHCQ18
56	4DN214 DC	2	Lắp đặt mạch điện máy công nghiệp(125)_02_TH	22	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	13/10-02/11/25	3	11,12,13,14	A4-102											DHKCKCK18A1	DHCQ18
							Hoàng Nghĩa Thắng					11,12,13,14	A4-102										DHCQ18
							Hoàng Nghĩa Thắng							11,12,13,14	A4-102								DHCQ18
							Hoàng Nghĩa Thắng									11,12,13,14	A4-102						DHCQ18
							Hoàng Nghĩa Thắng											11,12,13,14	A4-102				DHCQ18
57	4DN274 DH	2	Lắp đặt thiết bị hệ thống cung cấp điện(125)_01_TH_17B	20	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	A4-101												DHCQ18
							Hoàng Nghĩa Thắng					1,2,3,4	A4-101										DHCQ18
							Hoàng Nghĩa Thắng							1,2,3,4	A4-101								DHCQ18
							Hoàng Nghĩa Thắng									1,2,3,4	A4-101						DHCQ18
							Hoàng Nghĩa Thắng											1,2,3,4	A4-101				DHCQ18
58	4DN274 DH	2	Lắp đặt thiết bị hệ thống cung cấp điện(125)_02_TH_136	20	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	01/09-21/09/25	3	1,2,3,4	A4-101												DHCQ18
							Hoàng Nghĩa Thắng					1,2,3,4	A4-101										DHCQ18
							Hoàng Nghĩa Thắng							1,2,3,4	A4-101								DHCQ18
							Hoàng Nghĩa Thắng									1,2,3,4	A4-101						DHCQ18
							Hoàng Nghĩa Thắng											1,2,3,4	A4-101				DHCQ18
59	4DN274 DH	2	Lắp đặt thiết bị hệ thống cung cấp điện(125)_03_TH_19B	20	0	TH	Đặng Quang Khoa	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	A4-101												DHCQ18
							Đặng Quang Khoa					1,2,3,4	A4-101										DHCQ18
							Đặng Quang Khoa							1,2,3,4	A4-101								DHCQ18
							Đặng Quang Khoa									11,12,13,14	A4-101						DHCQ18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đặng Quang Khoa											1,2,3,4	A4-101				DHCQ 18
60	4DN274 DH	2	Lắp đặt thiết bị hệ thống cung cấp điện(125)_04_TH_174	20	0	TH	Đặng Quang Khoa	11/08-31/08/25	3	11,12,13,14	A4-101												DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa					11,12,13,14	A4-101										DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa							11,12,13,14	A4-101								DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa									11,12,13,14	A4-101						DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa											11,12,13,14	A4-101				DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa													11,12,13,14	A4-101		DHCQ 18
61	4DN274 DH	2	Lắp đặt thiết bị hệ thống cung cấp điện(125)_05_TH_194	20	0	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	A4-101												DHCQ 18
							Hoàng Nghĩa Thắng					6,7,8,9	A4-101										DHCQ 18
							Hoàng Nghĩa Thắng							6,7,8,9	A4-101								DHCQ 18
							Hoàng Nghĩa Thắng									6,7,8,9	A4-101						DHCQ 18
							Hoàng Nghĩa Thắng											6,7,8,9	A4-101				DHCQ 18
							Hoàng Nghĩa Thắng																DHCQ 18
62	4DN274 DH	2	Lắp đặt thiết bị hệ thống cung cấp điện(125)_06_TH_16C	20	0	TH	Đặng Quang Khoa	03/11-23/11/25	3	11,12,13,14	A4-101												DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa					11,12,13,14	A4-101										DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa							11,12,13,14	A4-101								DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa									11,12,13,14	A4-101						DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa											11,12,13,14	A4-101				DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa													11,12,13,14	A4-101		DHCQ 18
63	4DN274 DH	2	Lắp đặt thiết bị hệ thống cung cấp điện(125)_07_TH_199	20	0	TH	Đặng Quang Khoa	01/09-21/09/25	3	11,12,13,14	A4-101												DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa					11,12,13,14	A4-101										DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa							11,12,13,14	A4-101								DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa									11,12,13,14	A4-101						DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa											11,12,13,14	A4-101				DHCQ 18
							Đặng Quang Khoa													11,12,13,14	A4-101		DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh			1,2,3,4	A3-112												DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
64	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(125)_03_TH_18D	20	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	11/08-31/08/25	3			1,2,3,4	A3-112										DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A3-112						DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A3-112				DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh													1,2,3,4	A3-112		DHCQ 18
65	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(125)_04_TH_127	20	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	01/09-21/09/25	3	1,2,3,4	A3-112												DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A3-112										DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A3-112						DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A3-112				DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh													1,2,3,4	A3-112		DHCQ 18
66	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(125)_05_TH_12F	20	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A3-112												DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A3-112										DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A3-112						DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A3-112				DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh													1,2,3,4	A3-112		DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền			1,2,3,4	A3-112												DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
67	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(125)_06_TH_18E	20	0	TH	Bùi Trung Tuyền	13/10-02/11/25	3			1,2,3,4	A3-112										DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền							1,2,3,4	A3-112								DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền									1,2,3,4	A3-112						DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền											1,2,3,4	A3-112				DHCQ 18
68	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(125)_07_TH_15C	20	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	01/09-21/09/25	3	6,7,8,9	A3-112												DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					6,7,8,9	A3-112										DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							6,7,8,9	A3-112								DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									6,7,8,9	A3-112						DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											6,7,8,9	A3-112				DHCQ 18
69	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(125)_08_TH_190	20	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	A3-112												DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					6,7,8,9	A3-112										DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							6,7,8,9	A3-112								DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									6,7,8,9	A3-112						DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											6,7,8,9	A3-112				DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh			6,7,8,9	A3-112												DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					6,7,8,9	A3-112										DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
70	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(125)_09_TH_1B4	20	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	13/10-02/11/25	3					6,7,8,9	A3-112								DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									6,7,8,9	A3-112						DHCQ 18
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											6,7,8,9	A3-112				DHCQ 18
71	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_05_TH	20	0	TH	Nguyễn Anh Tuấn	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A3-108												DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn					1,2,3,4	A3-108										DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn							1,2,3,4	A3-108								DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn									1,2,3,4	A3-108						DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn											1,2,3,4	A3-108				DHCQ 19
72	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_06_TH	20	0	TH	Lê Hồng Lam	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	A3-110												DHCQ 19
							Lê Hồng Lam					11,12,13,14	A3-110										DHCQ 19
							Lê Hồng Lam							1,2,3,4	A3-110								DHCQ 19
							Lê Hồng Lam									1,2,3,4	A3-110						DHCQ 19
							Lê Hồng Lam											1,2,3,4	A3-110				DHCQ 19
73	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_07_TH	20	0	TH	Ngô ThịLê	03/11-23/11/25	3	1,2,3,4	A3-110												DHCQ 19
							Ngô ThịLê					1,2,3,4	A3-110										DHCQ 19
							Ngô ThịLê							1,2,3,4	A3-110								DHCQ 19
							Ngô ThịLê									1,2,3,4	A3-110						DHCQ 19
							Ngô ThịLê											1,2,3,4	A3-110				DHCQ 19
74	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_08_TH	20	0	TH	Nguyễn Anh Tuấn	24/11-14/12/25	3	1,2,3,4	A3-108												DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn					1,2,3,4	A3-108										DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn							1,2,3,4	A3-108								DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Anh Tuấn									1,2,3,4	A3-108						DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn											1,2,3,4	A3-108				DHCQ 19
75	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_09_TH	20	0	TH	Nguyễn Anh Tuấn	15/12-04/01/26	3	1,2,3,4	A3-108												DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn					1,2,3,4	A3-108										DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn							1,2,3,4	A3-108								DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn									1,2,3,4	A3-108						DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn											1,2,3,4	A3-108				DHCQ 19
							Nguyễn Anh Tuấn																DHCQ 19
76	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_10_TH	20	0	TH	Nguyễn Văn Minh	13/10-02/11/25	3	6,7,8,9	A3-110												DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh					6,7,8,9	A3-110										DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh							6,7,8,9	A3-110								DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh									6,7,8,9	A3-110						DHCQ 19
							Nguyễn Văn Minh											6,7,8,9	A3-110				DHCQ 19
77	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_11_TH	20	0	TH	Ngô Thị Lê	03/11-23/11/25	3	6,7,8,9	A3-110												DHCQ 19
							Ngô Thị Lê					6,7,8,9	A3-110										DHCQ 19
							Ngô Thị Lê							6,7,8,9	A3-110								DHCQ 19
							Ngô Thị Lê									6,7,8,9	A3-110						DHCQ 19
							Ngô Thị Lê											6,7,8,9	A3-110				DHCQ 19
78	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_12_TH	20	0	TH	Bùi Thanh Hòa	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	A3-110												DHCQ 19
							Bùi Thanh Hòa					6,7,8,9	A3-110										DHCQ 19
							Bùi Thanh Hòa							6,7,8,9	A3-110								DHCQ 19
							Bùi Thanh Hòa									6,7,8,9	A3-110						DHCQ 19
							Bùi Thanh Hòa											6,7,8,9	A3-110				DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
79	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_13_TH	25	0	TH	Nguyễn VănĐộ	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A3-110												DHCQ 19
							Nguyễn VănĐộ							1,2,3,4	A3-110								DHCQ 19
							Nguyễn VănĐộ									1,2,3,4	A3-110						DHCQ 19
							Nguyễn VănĐộ											1,2,3,4	A3-110				DHCQ 19
							Nguyễn VănĐộ													1,2,3,4	A3-110		DHCQ 19
80	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_14_TH	25	0	TH	Ngô ThịLê	24/11-14/12/25	3	1,2,3,4	A3-110												DHCQ 19
							Ngô ThịLê					1,2,3,4	A3-110										DHCQ 19
							Ngô ThịLê							1,2,3,4	A3-110								DHCQ 19
							Ngô ThịLê									1,2,3,4	A3-110						DHCQ 19
							Ngô ThịLê											1,2,3,4	A3-110				DHCQ 19
81	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_15_TH	25	0	TH	Lê Hồng Lam	15/12-04/01/26	3	1,2,3,4	A3-110												DHCQ 19
							Lê Hồng Lam					11,12,13,14	A3-110										DHCQ 19
							Lê Hồng Lam							1,2,3,4	A3-110								DHCQ 19
							Lê Hồng Lam									1,2,3,4	A3-110						DHCQ 19
							Lê Hồng Lam											1,2,3,4	A3-110				DHCQ 19
82	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_16_TH	25	0	TH	Ngô ThịLê	24/11-14/12/25	3	6,7,8,9	A3-110												DHCQ 19
							Ngô ThịLê					6,7,8,9	A3-110										DHCQ 19
							Ngô ThịLê							6,7,8,9	A3-110								DHCQ 19
							Ngô ThịLê									6,7,8,9	A3-110						DHCQ 19
							Ngô ThịLê											6,7,8,9	A3-110				DHCQ 19
							Bùi ThanhHòa			6,7,8,9	A3-108												DHCQ 19
							Bùi ThanhHòa					6,7,8,9	A3-108										DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
83	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_17_TH	25	0	TH	Bùi ThanhHòa	13/10-02/11/25	3					6,7,8,9	A3-108								DHCQ 19
							Bùi ThanhHòa									6,7,8,9	A3-108						DHCQ 19
							Bùi ThanhHòa											6,7,8,9	A3-108				DHCQ 19
84	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_18_TH	25	0	TH	Bùi ThanhHòa	03/11-23/11/25	3	6,7,8,9	A3-108												DHCQ 19
							Bùi ThanhHòa					6,7,8,9	A3-108										DHCQ 19
							Bùi ThanhHòa							6,7,8,9	A3-108								DHCQ 19
							Bùi ThanhHòa									6,7,8,9	A3-108						DHCQ 19
							Bùi ThanhHòa											6,7,8,9	A3-108				DHCQ 19
							Bùi ThanhHòa																DHCQ 19
85	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_19_TH	25	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	24/11-14/12/25	3	6,7,8,9	A3-108												DHCQ 19
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					6,7,8,9	A3-108										DHCQ 19
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							6,7,8,9	A3-108								DHCQ 19
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									6,7,8,9	A3-108						DHCQ 19
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											6,7,8,9	A3-108				DHCQ 19
							Trần Nguyễn Bảo Ninh																DHCQ 19
86	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_20_TH	25	0	TH	Bùi ThanhHòa	15/12-04/01/26	3	6,7,8,9	A3-110												DHCQ 19
							Bùi ThanhHòa					6,7,8,9	A3-110										DHCQ 19
							Bùi ThanhHòa							6,7,8,9	A3-110								DHCQ 19
							Bùi ThanhHòa									6,7,8,9	A3-110						DHCQ 19
							Bùi ThanhHòa											6,7,8,9	A3-110				DHCQ 19
							Bùi ThanhHòa																DHCQ 19
							Nguyễn Thanh Long			11,12,13,14	A3-108												DHCQ 19
							Nguyễn Thanh Long					11,12,13,14	A3-108										DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa		
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học				
87	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(125)_21_TH	25	0	TH	Nguyễn Thanh Long	15/12-04/01/26	3					11,12,13,14	A3-108									DHCQ 19	
							Nguyễn Thanh Long								11,12,13,14	A3-108						DHCQ 19			
							Nguyễn Thanh Long										11,12,13,14	A3-108				DHCQ 19			
88	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(125)_01	45	0	LT	Bùi ThanhHòa	11/08-23/11/25	15	1,2	A2.103											DHDDTCK18A 1	DHCQ 18		
89	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(125)_02	45	0	LT	Bùi ThanhHòa	11/08-23/11/25	15	3,4	A2.104												DHDDTCK18A 2	DHCQ 18	
90	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(125)_03	50	0	LT	Nguyễn Anh Tuấn	11/08-23/11/25	15	8,9	A2.103													DHDDTCK18A 3	DHCQ 18
91	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(125)_04	62	0	LT	Bùi ThanhHòa	22/09-04/01/26	15									1,2	A2.204					DHTDHCK19A 1	DHCQ 19
92	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(125)_05	62	0	LT	Bùi ThanhHòa	22/09-04/01/26	15				1,2	A2.203										DHTDHCK19A 2	DHCQ 19
93	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(125)_06	63	0	LT	Nguyễn Anh Tuấn	22/09-04/01/26	15	6,7	A2.203													DHTDHCK19A 3	DHCQ 19
94	4DN153 DH	2	Lý thuyết mạch điện(125)_01	50	0	LT	Võ Tiến Dũng	22/09-04/01/26	15							8,9	A2.204							DHDDTCK19A 1	DHCQ 19
95	4DN153 DH	2	Lý thuyết mạch điện(125)_02	50	0	LT	Võ Tiến Dũng	22/09-04/01/26	15							6,7	A2.209							DHDDTCK19A 2	DHCQ 19
96	4DN153 DH	2	Lý thuyết mạch điện(125)_03	60	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	22/09-04/01/26	15									3,4	A2.209					DHDDTCK19A 3	DHCQ 19
97	4DN153 DH	2	Lý thuyết mạch điện(125)_04	62	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	22/09-04/01/26	15				3,4	A2.204										DHTDHCK19A 1	DHCQ 19
98	4DN153 DH	2	Lý thuyết mạch điện(125)_05	62	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	22/09-04/01/26	15	3,4	A2.203													DHTDHCK19A 2	DHCQ 19
99	4DN153 DH	2	Lý thuyết mạch điện(125)_06	63	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	22/09-04/01/26	15	8,9	A2.203													DHTDHCK19A 3	DHCQ 19
100	3DN142 DH	2	Máy điện (+Thí nghiệm)(125)_01	62	0	LT	Nguyễn VănĐộ	22/09-04/01/26	15				1,2	A2.204										DHTDHCK19A 1	DHCQ 19
101	3DN142 DH	2	Máy điện (+Thí nghiệm)(125)_02	62	0	LT	Nguyễn VănĐộ	22/09-04/01/26	15				3,4	A2.203										DHTDHCK19A 2	DHCQ 19
102	3DN142 DH	2	Máy điện (+Thí nghiệm)(125)_03	63	0	LT	Nguyễn VănĐộ	22/09-04/01/26	15									6,7	A2.203					DHTDHCK19A 3	DHCQ 19
103	3DN105 DH	3	Máy điện và Khí cụ điện (+ Thí nghiệm)(125)_01	50	0	LT	Phạm VănTuấn	22/09-04/01/26	15				6,7,8	A2.204										DHDDTCK19A 1	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
104	3DN105 DH	3	Máy điện và Khí cụ điện (+ Thí nghiệm)(125)_02	50	0	LT	Phạm Văn Tuấn	22/09-04/01/26	15	6,7,8	A2.209											DHDDTCK19A 2	DHCQ 19
105	3DN105 DH	3	Máy điện và Khí cụ điện (+ Thí nghiệm)(125)_03	60	0	LT	Phạm Văn Tuấn	22/09-04/01/26	15					1,2,3	A2.209							DHDDTCK19A 3	DHCQ 19
106	4DN241 DH	2	Sử dụng phần mềm thiết kế mạch điện(125)_01_TH_1CA	20	0	TH	Võ Tiến Dũng	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	A3-209												DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng					1,2,3,4	A3-209										DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng							1,2,3,4	A3-209								DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng									1,2,3,4	A3-209						DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng											1,2,3,4	A3-209				DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng																DHCQ 18
107	4DN241 DH	2	Sử dụng phần mềm thiết kế mạch điện(125)_02_TH_140	20	0	TH	Võ Tiến Dũng	01/09-21/09/25	3	1,2,3,4	A3-209												DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng					1,2,3,4	A3-209										DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng							1,2,3,4	A3-209								DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng									1,2,3,4	A3-209						DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng											1,2,3,4	A3-209				DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng																DHCQ 18
108	4DN241 DH	2	Sử dụng phần mềm thiết kế mạch điện(125)_03_TH_1FF	20	0	TH	Võ Tiến Dũng	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A3-209												DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng					1,2,3,4	A3-209										DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng							1,2,3,4	A3-209								DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng									1,2,3,4	A3-209						DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng											1,2,3,4	A3-209				DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng																DHCQ 18
109	4DN241 DH	2	Sử dụng phần mềm thiết kế mạch điện(125)_04_TH_16C	20	0	TH	Bùi Trung Tuyền	13/10-02/11/25	3	11,12,1 3,14	A3-209												DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền					11,12,1 3,14	A3-209										DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền							11,12,1 3,14	A3-209								DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền									11,12,1 3,14	A3-209						DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền											11,12,1 3,14	A3-209				DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền																DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
110	4DN241 DH	2	Sử dụng phần mềm thiết kế mạch điện(125)_05_TH_11D	20	0	TH	Bùi Trung Tuyền	03/11-23/11/25	3	11,12,13,14	A3-209												DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền					11,12,13,14	A3-209										DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền							11,12,13,14	A3-209								DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền									11,12,13,14	A3-209						DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền											11,12,13,14	A3-209				DHCQ 18
111	4DN241 DH	2	Sử dụng phần mềm thiết kế mạch điện(125)_06_TH_1CE	20	0	TH	Bùi Trung Tuyền	03/11-23/11/25	3	6,7,8,9	A3-209												DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền					6,7,8,9	A3-209										DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền							6,7,8,9	A3-209								DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền									6,7,8,9	A3-209						DHCQ 18
							Bùi Trung Tuyền											6,7,8,9	A3-209				DHCQ 18
112	4DN241 DH	2	Sử dụng phần mềm thiết kế mạch điện(125)_07_TH_1C3	20	0	TH	Võ Tiến Dũng	13/10-02/11/25	3	6,7,8,9	A3-209												DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng					6,7,8,9	A3-209										DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng							6,7,8,9	A3-209								DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng											6,7,8,9	A3-209				DHCQ 18
							Võ Tiến Dũng													6,7,8,9	A3-209		DHCQ 18
113	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(125)_01_TH	20	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	15/12-04/01/26	3	1,2,3,4	A4-302												DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu											1,2,3,4	A4-302				DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu			1,2,3,4	A4-302												DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
114	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(125)_02_TH	20	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	24/11-14/12/25	3					1,2,3,4	A4-302								DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu											1,2,3,4	A4-302				DHCQ 19
115	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(125)_03_TH	20	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	03/11-23/11/25	3	1,2,3,4	A4-302												DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu											1,2,3,4	A4-302				DHCQ 19
116	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(125)_04_TH	20	0	TH	Hà Quốc Tuấn	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	A4-302												DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn					1,2,3,4	A4-302										DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn							1,2,3,4	A4-302								DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 19
							Hà Quốc Tuấn											1,2,3,4	A4-302				DHCQ 19
117	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(125)_05_TH	20	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A4-302												DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu											1,2,3,4	A4-302				DHCQ 19
118	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(125)_06_TH	20	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	A4-302												DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu					6,7,8,9	A4-302										DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu							6,7,8,9	A4-302								DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu									6,7,8,9	A4-302						DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đào Thị Thu Hậu											6,7,8,9	A4-302				DHCQ 19
119	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(125)_07_TH	20	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	13/10-02/11/25	3	6,7,8,9	A4-302												DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu					6,7,8,9	A4-302										DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu							6,7,8,9	A4-302								DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu									6,7,8,9	A4-302						DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu											6,7,8,9	A4-302				DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu																DHCQ 19
120	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(125)_08_TH	20	0	TH	Đào Thị Thu Hậu	03/11-23/11/25	3	6,7,8,9	A4-302												DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu					6,7,8,9	A4-302										DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu							6,7,8,9	A4-302								DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu									6,7,8,9	A4-302						DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu											6,7,8,9	A4-302				DHCQ 19
							Đào Thị Thu Hậu																DHCQ 19
121	5DN235	8	Thực tập sản xuất tại doanh	160	0	TH		11/08_05/10/25	8	6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)1												DHCQ 17
										1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)1												DHCQ 17
												6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)1										DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)1										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)1								DHCQ 17
																							DHCQ 17

DHDDTCK17(

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
121	DH	8	nghiệp(125)_01_TH_1A7	160	0	TH		11/08-05/10/25	8					6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)1							DCN)	DHCQ 17
																1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)1						DHCQ 17
																6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)1						DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)1				DHCQ 17
																				1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)1		DHCQ 17
122	5DN243 DH	8	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(125)_01_TH_1C0	170	0	TH		11/08-05/10/25	8	6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)1											DHTDHCK17A 1	DHCQ 17
										1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)1												DHCQ 17
												6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)1										DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)1										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)1								DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)1								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)1						DHCQ 17
																6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)1						DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)1				DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)1				DHCQ 17
123	5DN244 DH	8	Thực tập tốt nghiệp(125)_01_TH_10C	170	0	TH		06/10-30/11/25	8	6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)1												DHCQ 17
										1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)1												DHCQ 17
												6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)1										DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)1										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)1								DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)1								DHCQ 17
																1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)1						DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)1				DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)1				DHCQ 17
125	4DN245 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(125)_05_DA	40	0	DA		11/08-23/11/25	15														DHCQ 16
126	4DN231 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(125)_06_DA	40	0	DA		11/08-23/11/25	15														DHCQ 16
127	3DN117 DH	3	Trang bị điện, điện tử(125)_01_1D0	45	0	LT	Nguyễn Minh Thư	11/08-23/11/25	15			6,7,8	A2.104									DHTDHCK18A 1	DHCQ 18
128	3DN117 DH	3	Trang bị điện, điện tử(125)_02	45	0	LT	Nguyễn Minh Thư	11/08-23/11/25	15					6,7,8	A2.105							DHTDHCK18A 2	DHCQ 18
129	3DN117 DH	3	Trang bị điện, điện tử(125)_03	55	0	LT	Trần Nguyễn Bảo Ninh	11/08-23/11/25	15					1,2,3	A2.105							DHTDHCK18A 3	DHCQ 18
130	3DN107 DH	2	Trường điện tử(125)_01	45	0	LT	Đặng Quang Khoa	11/08-23/11/25	15							1,2	A2.103					DHDDTCK18A 1	DHCQ 18
131	3DN107 DH	2	Trường điện tử(125)_02	45	0	LT	Đặng Quang Khoa	11/08-23/11/25	15							3,4	A2.104					DHDDTCK18A 2	DHCQ 18
132	3DN107 DH	2	Trường điện tử(125)_03	50	0	LT	Đặng Quang Khoa	11/08-23/11/25	15	6,7	A2.103											DHDDTCK18A 3	DHCQ 18
133	1DN155 DH	3	Truyền động điện (+Bài tập dài)(125)_01	20	0	LT	Nguyễn Minh Thư	11/08-23/11/25	15							6,7,8	A2.207 (TA)					DHCDTCK18A 1	DHCQ 18
134	4DN135 DH	3	Truyền động điện tự động(125)_01_132	45	0	LT	Nguyễn Minh Thư	11/08-23/11/25	15									6,7,8	A2.104			DHTDHCK18A 1	DHCQ 18
135	4DN135 DH	3	Truyền động điện tự động(125)_02	45	0	LT	Nguyễn Minh Thư	11/08-23/11/25	15	6,7,8	A2.105											DHTDHCK18A 2	DHCQ 18
136	4DN135 DH	3	Truyền động điện tự động(125)_03	55	0	LT	Nguyễn Minh Thư	11/08-23/11/25	15	3,4,5	A2.105											DHTDHCK18A 3	DHCQ 18
137	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(125)_01	50	0	LT	Đặng Quang Khoa	22/09-04/01/26	15	8,9	A2.204											DHDDTCK19A 1	DHCQ 19
138	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(125)_02	50	0	LT	Hồ Xuân Bằng	22/09-04/01/26	15							8,9	A2.209					DHDDTCK19A 2	DHCQ 19
139	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(125)_03	60	0	LT	Dương Thị TuyếtMai	22/09-04/01/26	15	1,2	A2.209											DHDDTCK19A 3	DHCQ 19
1	4DN235	10	Thực tập sản xuất tại doanh	15	0	TH		11/08-10/10/25	10	6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)4	6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)4	6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)4	6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)4	6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)4				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	DH	10	ngành(125)_03_TH	15	0	TH		11/08-19/10/25	10	1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)4	1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)4	1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)4	1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)4	1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)4				DHCQ 16
2	4DN243 DH	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(125)_04_TH	15	0	TH		11/08-19/10/25	10	6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)3	6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)3	6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)3	6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)3	6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)3				DHCQ 16
										1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)3	1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)3	1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)3	1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)3	1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)3				DHCQ 16
3	4DN236 DH	10	Thực tập tốt nghiệp(125)_03_TH	15	0	TH		20/10-28/12/25	10	6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)4	6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)4	6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)4	6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)4	6,7,8,9	Thực tập TN(DD T)4				DHCQ 16
										1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)4	1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)4	1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)4	1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)4	1,2,3,4	Thực tập TN(DD T)4				DHCQ 16
4	4DN244 DH	10	Thực tập tốt nghiệp(125)_04_TH	15	0	TH		20/10-28/12/25	10	6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)3	6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)3	6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)3	6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)3	6,7,8,9	Thực tập TN(TD H)3				DHCQ 16
										1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)3	1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)3	1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)3	1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)3	1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)3				DHCQ 16

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo
tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

tranngoctruo

Đơn vị đảm nhận : Khoa Điện - Điện tử

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DT232 CD	2	Bảo trì hệ thống bơm nhiệt(125)_01_TH	22	0	TH	Nguyễn Đình Thư	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	A4.109											CDMDKCK50 A1	CDCQ 50
							Nguyễn Đình Thư					1,2,3,4	A4.109										CDCQ 50
							Nguyễn Đình Thư							1,2,3,4	A4.109								CDCQ 50
							Nguyễn Đình Thư									1,2,3,4	A4.109						CDCQ 50
							Nguyễn Đình Thư											1,2,3,4	A4.109				CDCQ 50
2	3DT232 CD	2	Bảo trì hệ thống bơm nhiệt(125)_01_TH_1E7	22	0	TH	Nguyễn Đình Thư	13/10-02/11/25	3	6,7,8,9	A4.109												CDCQ 49
							Nguyễn Đình Thư					6,7,8,9	A4.109										CDCQ 49
							Nguyễn Đình Thư							6,7,8,9	A4.109								CDCQ 49
							Nguyễn Đình Thư									6,7,8,9	A4.109						CDCQ 49
							Nguyễn Đình Thư											6,7,8,9	A4.109				CDCQ 49
3	3DT228 CD	4	Bảo trì mạch điện tử trong hệ thống lạnh(125)_01_TH	22	0	TH	Võ Văn Đức	11/08-21/09/25	6	1,2,3,4	A4.309											CDMDKCK50 A1	CDCQ 50
							Võ Văn Đức					1,2,3,4	A4.309										CDCQ 50
							Võ Văn Đức							1,2,3,4	A4.309								CDCQ 50
							Võ Văn Đức									1,2,3,4	A4.309						CDCQ 50
							Võ Văn Đức											1,2,3,4	A4.309				CDCQ 50
4	3DT228 CD	4	Bảo trì mạch điện tử trong hệ thống lạnh(125)_01_TH_1A9	22	0	TH	Võ Văn Đức	03/11-14/12/25	6	6,7,8,9	A4.309												CDCQ 49
							Võ Văn Đức					6,7,8,9	A4.309										CDCQ 49
							Võ Văn Đức							6,7,8,9	A4.309								CDCQ 49
							Võ Văn Đức									6,7,8,9	A4.309						CDCQ 49
							Võ Văn Đức											6,7,8,9	A4.309				CDCQ 49
							Hà Huy Công			11,12,13,14	A4.108												CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
5	3DT231 CD	2	Lắp đặt hệ thống điều hòa VRV(125)_01_TH	22	0	TH	Hà Huy Công	22/09-12/10/25	3			11,12,13,14	A4.108									CDMDKCK50 A1	CDCQ 50
							Hà Huy Công							11,12,13,14	A4.108								CDCQ 50
							Hà Huy Công									11,12,13,14	A4.108						CDCQ 50
							Hà Huy Công											11,12,13,14	A4.108				CDCQ 50
6	3DT231 CD	2	Lắp đặt hệ thống điều hòa VRV(125)_01_TH_12A	22	0	TH	Hà Huy Công	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	A4.108												CDCQ 49
							Hà Huy Công					6,7,8,9	A4.108										CDCQ 49
							Hà Huy Công							6,7,8,9	A4.108								CDCQ 49
							Hà Huy Công									6,7,8,9	A4.108						CDCQ 49
							Hà Huy Công											6,7,8,9	A4.108				CDCQ 49
7	3DT227 CD	2	Lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp(125)_01_TH	22	0	TH	Nguyễn Đình Thư	03/11-23/11/25	3	1,2,3,4	A4.109											CDMDKCK50 A1	CDCQ 50
							Nguyễn Đình Thư					1,2,3,4	A4.109										CDCQ 50
							Nguyễn Đình Thư							1,2,3,4	A4.109								CDCQ 50
							Nguyễn Đình Thư									1,2,3,4	A4.109						CDCQ 50
							Nguyễn Đình Thư											1,2,3,4	A4.109				CDCQ 50
8	3DT229 CD	2	Lắp mạch trang bị điện trong hệ thống lạnh(125)_01_TH	22	0	TH	Võ Văn Đức	13/10-02/11/25	3	11,12,13,14	A4.309											CDMDKCK50 A1	CDCQ 50
							Võ Văn Đức					11,12,13,14	A4.309										CDCQ 50
							Võ Văn Đức							11,12,13,14	A4.309								CDCQ 50
							Võ Văn Đức									11,12,13,14	A4.309						CDCQ 50
							Võ Văn Đức											11,12,13,14	A4.309				CDCQ 50
1	3DT215 CD	2	Chế tạo mạch điện tử(125)_01_TH	8	0	TH	Lê Hồng Lam	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A4.307											DHKTMCK19 A1	DHCQ 19
							Lê Hồng Lam					1,2,3,4	A4.307										DHCQ 19
							Lê Hồng Lam							1,2,3,4	A4.307								DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Hồng Lam									1,2,3,4	A4.307						DHCQ 19
							Lê Hồng Lam											1,2,3,4	A4.307				DHCQ 19
2	3DT130 DH	2	Cơ sở lý thuyết truyền tin(125)_01	8	0	LT	Trần Thị Thương	22/09-04/01/26	15							8,9	A2.307 (TA)					DHKT MCK19 A1	DHCQ 19
3	4DT104 DH	3	Điện tử Số(125)_01	24	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	22/09-04/01/26	15	6,7,8	A2.307 (TA)											Ghép: DHC DTCK19 A1 + DHKT MCK19 A1	DHCQ 19
4	4DT248 DH	2	Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí và thông gió(125)_01_TH	21	0	TH	Hà Huy Công	13/10-02/11/25	3	6,7,8,9	A4.108												DHCQ 19
							Hà Huy Công					6,7,8,9	A4.108										DHCQ 19
							Hà Huy Công							6,7,8,9	A4.108								DHCQ 19
							Hà Huy Công									6,7,8,9	A4.108						DHCQ 19
							Hà Huy Công											6,7,8,9	A4.108				DHCQ 19
5	4DT247 DH	2	Lắp đặt hệ thống máy lạnh dân dụng(125)_01_TH	21	0	TH	Võ Văn Đức	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	A4.309												DHCQ 19
							Võ Văn Đức					6,7,8,9	A4.309										DHCQ 19
							Võ Văn Đức							6,7,8,9	A4.309								DHCQ 19
							Võ Văn Đức									6,7,8,9	A4.309						DHCQ 19
							Võ Văn Đức											6,7,8,9	A4.309				DHCQ 19
6	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(125)_01_TH	25	0	TH	Bùi Xuân Vinh	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	A4.207												DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh					1,2,3,4	A4.207										DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh							1,2,3,4	A4.207								DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh									1,2,3,4	A4.207						DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207				DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà			1,2,3,4	A4.209												DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà					1,2,3,4	A4.209									Ghép: DHC DTCK19 A1	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
7	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(125)_01_TH	24	0	TH	Lê Thị Ngọc Hà	13/10-02/11/25	3					1,2,3,4	A4.209							DHCBTK19A1 + DHKTMCK19A1	DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà									1,2,3,4	A4.209						DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà											1,2,3,4	A4.209				DHCQ 19
8	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(125)_01_TH_1D6	21	0	TH	Bùi Xuân Vinh	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A4.207												DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh					1,2,3,4	A4.207										DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh							1,2,3,4	A4.207								DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh									1,2,3,4	A4.207						DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207				DHCQ 19
9	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(125)_02_TH_18F	21	0	TH	Bùi Xuân Vinh	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	A4.207												DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh					1,2,3,4	A4.207										DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh							1,2,3,4	A4.207								DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh									1,2,3,4	A4.207						DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207				DHCQ 19
10	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(125)_03_TH	21	0	TH	Bùi Xuân Vinh	15/12-04/01/26	3	1,2,3,4	A4.207												DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh					1,2,3,4	A4.207										DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh							1,2,3,4	A4.207								DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh									1,2,3,4	A4.207						DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207				DHCQ 19
11	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(125)_04_TH	21	0	TH	Bùi Xuân Vinh	22/09-12/10/25	3	6,7,8,9	A4.207												DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh					6,7,8,9	A4.207										DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh							6,7,8,9	A4.207								DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh									6,7,8,9	A4.207						DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Bùi Xuân Vinh											6,7,8,9	A4.207				DHCQ 19
12	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(125)_05_TH	21	0	TH	Lê Thị Ngọc Hà	13/10-02/11/25	3	11,12,13,14	A4.209												DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà					6,7,8,9	A4.209										DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà							6,7,8,9	A4.209								DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà									6,7,8,9	A4.209						DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà											6,7,8,9	A4.209				DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà																DHCQ 19
13	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(125)_06_TH	21	0	TH	Lê Thị Ngọc Hà	03/11-23/11/25	3	11,12,13,14	A4.209												DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà					6,7,8,9	A4.209										DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà							6,7,8,9	A4.209								DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà									6,7,8,9	A4.209						DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà											6,7,8,9	A4.209				DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà																DHCQ 19
14	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(125)_07_TH	21	0	TH	Lê Hồng Lam	24/11-14/12/25	3	6,7,8,9	A4.209												DHCQ 19
							Lê Hồng Lam					6,7,8,9	A4.209										DHCQ 19
							Lê Hồng Lam							6,7,8,9	A4.209								DHCQ 19
							Lê Hồng Lam									6,7,8,9	A4.209						DHCQ 19
							Lê Hồng Lam											6,7,8,9	A4.209				DHCQ 19
							Lê Hồng Lam																DHCQ 19
15	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(125)_08_TH	21	0	TH	Bùi Xuân Vinh	15/12-04/01/26	3	6,7,8,9	A4.207												DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh					6,7,8,9	A4.207										DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh							6,7,8,9	A4.207								DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh									6,7,8,9	A4.207						DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh											6,7,8,9	A4.207				DHCQ 19
							Bùi Xuân Vinh																DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà			11,12,13,14	A4.209												DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
16	3DT203 CD	2	Lắp mạch điện tử số(125)_09_TH	21	0	TH	Lê Thị Ngọc Hà	22/09-12/10/25	3			6,7,8,9	A4.209										DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà							6,7,8,9	A4.209								DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà									6,7,8,9	A4.209						DHCQ 19
							Lê Thị Ngọc Hà											6,7,8,9	A4.209				DHCQ 19
17	3DT210 DH	2	Lập trình ASIC(125)_01_TH	9	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	11/08-31/08/25	3	1,2,3,4	A4.306											DHKTMCK18 A1	DHCQ 18
							Nguyễn Đăng Thông					1,2,3,4	A4.306										DHCQ 18
							Nguyễn Đăng Thông							1,2,3,4	A4.306								DHCQ 18
							Nguyễn Đăng Thông									1,2,3,4	A4.306						DHCQ 18
							Nguyễn Đăng Thông											1,2,3,4	A4.306				DHCQ 18
18	3DT109 DH	2	Lập trình C cho vi điều khiển(125)_01	9	0	LT	Nguyễn Minh Quân	11/08-23/11/25	15							6,7	A2.307 (TA)					DHKTMCCK18 A1	DHCQ 18
19	3DT231 DH	2	Lập trình DSP(125)_01_TH	9	0	TH	Nguyễn Đăng Thông	13/10-02/11/25	3	1,2,3,4	A4.306											DHKTMCK18 A1	DHCQ 18
							Nguyễn Đăng Thông					1,2,3,4	A4.306										DHCQ 18
							Nguyễn Đăng Thông							1,2,3,4	A4.306								DHCQ 18
							Nguyễn Đăng Thông									1,2,3,4	A4.306						DHCQ 18
							Nguyễn Đăng Thông											1,2,3,4	A4.306				DHCQ 18
20	3DT110 DH	2	Ngôn ngữ lập trình(125)_01	8	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	22/09-04/01/26	15	9,10	A2.307 (TA)											DHKTMCCK19 A1	DHCQ 19
21	4DT168 DH	3	Nhiệt động kỹ thuật(125)_01	21	0	LT	Trần Ngọc Trường	22/09-04/01/26	15					3,4,5	A2.212							DHKTNCCK19A 1	DHCQ 19
22	4DT239 DH	2	Thiết kế hệ thống mạng(125)_01_TH	9	0	TH	Nguyễn Quốc Khánh	22/09-12/10/25	3	1,2,3,4	A3.404											DHKTMCK18 A1	DHCQ 18
							Nguyễn Quốc Khánh					1,2,3,4	A3.404										DHCQ 18
							Nguyễn Quốc Khánh							1,2,3,4	A3.404								DHCQ 18
							Nguyễn Quốc Khánh									1,2,3,4	A3.404						DHCQ 18
							Nguyễn Quốc Khánh													1,2,3,4	A3.404		DHCQ 18

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
23	3DT107 DH	2	Thiết kế số bằng ngôn ngữ mô tả phần cứng HDL(125)_01	9	0	LT	Nguyễn Đăng Thông	11/08-23/11/25	15					6,7	A2.307 (TA)							DHKT MCK18 A1	DHCQ 18
24	5DT235 DH	8	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(125)_01_TH_16C	15	0	TH		11/08-05/10/25	8	6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)2											DHKT MCK17 A1	DHCQ 17
										1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)2												DHCQ 17
												6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)2										DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)2										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)2								DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)2								DHCQ 17
															Thực tập TN(DT T)2								DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)2								DHCQ 17
																1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)2						DHCQ 17
																6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)2						DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)2				DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)2				DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
25	5DT222 DH	8	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(125)_01_TH_1E5	5	0	TH		11/08-05/10/25	8	6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)1											DHDTVCK17A 1	DHCQ 17
										1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1												DHCQ 17
												6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)1										DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1								DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)1								DHCQ 17
																							DHCQ 17
																1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1						DHCQ 17
																6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)1						DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)1				DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1				DHCQ 17
										6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)1												DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
26	5DT223 DH	8	Thực tập tốt nghiệp(125)_01_TH_1A7	5	0	TH		06/10-30/11/25	8	1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1											DHDTVCK17A 1	DHCQ 17
												6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)1										DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1								DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)1								DHCQ 17
																1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1						DHCQ 17
																6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)1						DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)1				DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1				DHCQ 17
																							DHCQ 17
										6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)2												DHCQ 17
										1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)2												DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
27	5DT236 DH	8	Thực tập tốt nghiệp(125)_01_TH_1CB	15	0	TH		06/10-30/11/25	8			6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)2									DHKTMCK17 A1	DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)2										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)2								DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)2								DHCQ 17
																1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)2						DHCQ 17
																6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)2						DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(DT T)2				DHCQ 17
																							DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)2				DHCQ 17
28	4DT139 DH	2	Ứng dụng Internet of Things(125)_01	9	0	LT	Lê VănBiên	11/08-23/11/25	15									8,9	A2.207 (TA)			DHKTMCCK18 A1	DHCQ 18

Đơn vị đảm nhận : Khoa Kinh tế

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3KT158 DH	2	Kinh tế lao động(125)_01	23	0	LT	Nguyễn Thị Trâm	11/08-23/11/25	15	9,10	A2.408 (TA)											Ghép: DHQTKCK18A 1 + DHQTKCK19A 1	DHCQ 18
2	3KT101 DH	2	Kinh tế vĩ mô(125)_01	13	0	LT	Nguyễn Thị MaiHương	11/08-23/11/25	15									6,7	A3.305			DHQTKCK19A 1	DHCQ 19
3	4KT111 DC	3	Marketing căn bản(125)_01	10	0	LT	Nguyễn Thị MaiHương	11/08-23/11/25	15									8,9,10	A3.305			DHQTKCK18A 1	DHCQ 18
4	3KT158 DC	3	Quản trị chiến lược(125)_01	10	0	LT	Nguyễn Thị KimOanh	11/08-23/11/25	15					6,7,8	A2.208 (TA)							DHQTKCK18A 1	DHCQ 18
5	3KT137 DH	3	Quản trị tác nghiệp(125)_01	23	0	LT	Nguyễn Thị KimOanh	11/08-23/11/25	15			6,7,8	A2.208 (TA)									Ghép: DHQTKCK18A 1 + DHQTKCK19A 1	DHCQ 18
6	3KT139 DH	3	Quản trị văn phòng(125)_01	23	0	LT	Nguyễn Thị Trâm	11/08-23/11/25	15							6,7,8	A2.408 (TA)					Ghép: DHQTKCK18A 1 + DHQTKCK19A 1	DHCQ 18
7	4KT203	7	Thực tập nghề	2	0	TH		11/08-28/09/25	7	6,7,8,9	Thực tập TN(KT O)2											DHKTOCK17A	DHCQ 17
										1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2												DHCQ 17
												6,7,8,9	Thực tập TN(KT O)2										DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
	DH		nghiep(125)_01_TH			TH		11/08-28/09/25	7					6,7,8,9	Thực tập TN(KT O)2							1	DHCQ 17
																1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2						DHCQ 17
																6,7,8,9	Thực tập TN(KT O)2						DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(KT O)2				DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2				DHCQ 17
8	4KT201 DH	7	Thực tập nghề nghiệp(125)_01_TH_1DF	5	0	TH		11/08-28/09/25	7	6,7,8,9	Thực tập TN(QT K)1											DHQTKCK17A 1	DHCQ 17
										1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1												DHCQ 17
												6,7,8,9	Thực tập TN(QT K)1										DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1								DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(QT K)1								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1						DHCQ 17
																6,7,8,9	Thực tập TN(QT K)1						DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(QT K)1				DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1				DHCQ 17
9	4KT202 DH	7	Thực tập tốt nghiệp(125)_01_TH_189	5	0	TH		29/09-16/11/25	7	6,7,8,9	Thực tập TN(QT K)1												DHCQ 17
										1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1												DHCQ 17
												6,7,8,9	Thực tập TN(QT K)1										DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1								DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(QT K)1								DHCQ 17
																1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1						DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																6,7,8,9	Thực tập TN(QT K)1						DHCQ 17
																		6,7,8,9	Thực tập TN(QT K)1				DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1				DHCQ 17
										6,7,8,9	Thực tập TN(KT O)2												DHCQ 17
										1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2												DHCQ 17
												6,7,8,9	Thực tập TN(KT O)2										DHCQ 17
												1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2										DHCQ 17
														1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2								DHCQ 17
														6,7,8,9	Thực tập TN(KT O)2								DHCQ 17
																1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2						DHCQ 17
																							DHCQ 17
																							DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		6,7,8,9	Thực tập TN(KT O)2				DHCQ 17
																		1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2				DHCQ 17

Đơn vị đảm nhận : Khoa Lý luận Chính trị

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(125)_01	65	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	11/08-23/11/25	15									8,9	A2.105			Ghép: DHQTKCK19A 1 + DHCTTCK19A 2 + DHSPNCK19A 1	DHCQ 19
2	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(125)_02_19A	64	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	22/09-04/01/26	15							6,7	A2.311					Ghép: DHCDTCK19A 1 + DHCTMCK19A 2	DHCQ 19
3	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(125)_03	60	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	22/09-04/01/26	15	4,5	A2.311											DHCTMCK19A 1	DHCQ 19
4	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(125)_04	60	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	11/08-23/11/25	15			6,7	A2.210									Ghép: DHOTOCK19A 4 + DHKTMCK19 A1	DHCQ 19
5	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(125)_05	50	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	11/08-23/11/25	15			1,2	A2.301									DHCTTCK19A 1	DHCQ 19
6	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(125)_06	52	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	11/08-23/11/25	15			3,4	A2.211									DHOTOCK19A 3	DHCQ 19
7	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(125)_07	68	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	11/08-23/11/25	15					1,2	A2.212							Ghép: DHKCKCK19A 2 + DHKTNCK19A 1	DHCQ 19
8	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(125)_11	53	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	11/08-23/11/25	15					3,4	A2.103							DHOTOCK19A 1	DHCQ 19
9	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(125)_12	52	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	11/08-23/11/25	15	1,2	A2.107											DHOTOCK19A 2	DHCQ 19
10	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(125)_15	52	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	11/08-23/11/25	15	6,7	A2.211											DHOTOCK19A 5	DHCQ 19
11	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(125)_16	52	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	11/08-23/11/25	15					6,7	A2.106							DHOTOCK19A 6	DHCQ 19
12	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(125)_01	50	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	22/09-04/01/26	15	6,7	A2.204											DHDDTCK19A 1	DHCQ 19
13	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(125)_02	50	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	22/09-04/01/26	15			8,9	A2.209									DHDDTCK19A 2	DHCQ 19
14	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(125)_03	60	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	22/09-04/01/26	15									1,2	A2.209			DHDDTCK19A 3	DHCQ 19

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
15	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(125)_04	62	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	22/09-04/01/26	15									3,4	A2.204			DHTDHCK19A1	DHCQ19
16	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(125)_05	62	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	22/09-04/01/26	15					4,5	A2.203							DHTDHCK19A2	DHCQ19
17	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(125)_06	63	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	22/09-04/01/26	15					9,10	A2.203							DHTDHCK19A3	DHCQ19
18	2ML005 DC	2	Kinh tế học đại cương(125)_01	62	0	LT	Nguyễn Thị Thơ	11/08-23/11/25	15	8,9	A2.104											Ghép: DHC DTCK18A1 + DHTDHCK18A1	DHCQ18
19	2ML005 DC	2	Kinh tế học đại cương(125)_02	54	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	11/08-23/11/25	15			6,7	A2.105									Ghép: DHKTMCK18A1 + DHTDHCK18A2	DHCQ18
20	2ML005 DC	2	Kinh tế học đại cương(125)_05	55	0	LT	Nguyễn Thị Hoa	11/08-23/11/25	15	1,2	A2.105											DHTDHCK18A3	DHCQ18
21	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(125)_01	45	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	11/08-23/11/25	15	3,4	A2.103											DHDDTCK18A1	DHCQ18
22	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(125)_02	45	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	11/08-23/11/25	15	1,2	A2.104											DHDDTCK18A2	DHCQ18
23	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(125)_03	50	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	11/08-23/11/25	15			8,9	A2.103									DHDDTCK18A3	DHCQ18
24	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(125)_04_15E	45	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	11/08-23/11/25	15	6,7	A2.104											DHTDHCK18A1	DHCQ18
25	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(125)_05	45	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	11/08-23/11/25	15							8,9	A2.105					DHTDHCK18A2	DHCQ18
26	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(125)_06	55	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	11/08-23/11/25	15			1,2	A2.105									DHTDHCK18A3	DHCQ18
27	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(125)_01	60	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	11/08-23/11/25	15					1,2	A2.101							DHOTOCK17A1	DHCQ17
28	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(125)_02	60	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	11/08-23/11/25	15	6,7	A2.101											DHOTOCK17A2	DHCQ17
29	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(125)_03	26	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	11/08-23/11/25	15									6,7	A2.207 (TA)			Ghép: DHC DTCK18A1 + DHKTMCK18A1	DHCQ18
30	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(125)_04	42	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	11/08-23/11/25	15			1,2	A2.210									DHCTMCK18(GCK)	DHCQ18
31	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(125)_06	44	0	LT	Mai Thị Thanh Châu	11/08-23/11/25	15									1,2	A2.102			DHKCKCK18A1	DHCQ18

Đơn vị đảm nhận : Khoa Sư phạm

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3SP108 DH	2	Giáo dục học đại cương(125)_01	15	0	LT	Phan Cẩm Tú	11/08-23/11/25	15	6,7	A2.207 (TA)											DHSPNCK19A 1	DHCQ 19
2	4SP004 DC	3	Tiếng Việt nâng cao 3(125)_01	18	0	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/08-23/11/25	15											1,2,3	A2.303 (SP)	Ghép: DHCTTCK19A 1 + DHDDTCK19A 3 + DHOTOCK19A 1	DHCQ 19

Nghệ An, ngày 10 tháng 6 năm 2025

Người lập TKB

Trần Ngọc Trường

Phó phòng Đào tạo

Phạm Văn Thông